

III. — Bảo vệ và đề cao
tinh thần, luân lý,
đạo đức của Dân-
tộc Việt - Nam.

IV. — Tự phiên-dịch các
tác-phẩm của nhà
« Xuất - bản Phổ-
Thông Tạp-chí » ra
Anh - ngữ, Pháp-
ngữ, Đức-ngữ và
Hoa ngữ, để phổ-
biến ra ngoại-quốc.

V. — Giá bán đại - chúng
trong toàn - quốc
Sách trình bày cùng
một loại như nhau.
(Có riêng loại sách
in rất mỹ thuật để
bán ra ngoại-quốc,
và những người
thích sách đẹp.)

● Nhà Xuất Bản

Phổ - Thông Tạp - Chí sẽ tự phát-hành các sách của
mình khắp trong nước và ra hải-ngoại. Chúng tôi thân mến yêu-cầu
quý-vị Đại lý các tỉnh vui lòng viết thư sớm về hỏi
trước các điều kiện (dễ-dãi) làm đại-lý bán sách của Nhà
xuất-bản Phổ-Thông Tạp-chí tại nơi địa-phương của
mình.

Địa chỉ gửi thư, xin đề:

Ông Giám - đốc

Nhà «xuất bản **PHỔ-THÔNG** Tạp-chí»

283, Gia-Long, Saigon

PHỔ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 71 — 15-12-1961

1. — Đại-Học Pháp niên-khoá 61 - 62 . Nguyễn văn Cồn 7 — 9
2. — Linh nhà Vua bắt trộm (chuyện vui) . . . Đào Hải 10 — 13
3. — Địa Cầu của hậu bán Thế kỷ XX . . . Nguyễn Hoài 14 — 22
4. — Thanh minh (thơ) Phương Thanh 23
5. — Những con mực không lò Trịnh Thiên Tứ 24 — 28
6. — Tuyệt đối (thơ) Trần Tuấn Kiệt 29
7. — Giải thưởng Nobel về Văn-Chương
Quốc - Tế năm 1961 Tân Phong 30 — 33
8. — Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ 34 — 40
9. — Em tôi, em tôi (chuyện ngoại-quốc) Vũ Minh Thiều 41 — 49
10. — Ký giả thuở trước Tề Xuyên 50 — 54
11. — Lê trung Đình một thi-sĩ và chiến sĩ Mặc Cầm 55 — 58

12.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới : Bà Marie Curie	Tân Phong	59 — 66
13.— Nhạc lòng (thơ)	Đào Tứ Lang	67
14.— Minh ơi !	Diệu Huyền	68 — 76
15.— Nhân vật xuân thu	Thiếu Sơn	77 — 83
16.— Những áng thơ hay	Thăm Thệ Hà	84 — 90
17.— Một giấc mơ hoa	Duyên Hồng	91 — 96
18.— Mẹ và con (truyện dịch)	Thăm Thệ Hà	97 — 104
19.— Ràng cân đáng đoán bài toán	Ba Tèo	105 — 106
20.— Thơ lên ruột	Diệu Huyền	107 — 108
21.— Sách báo mới	Phò Thông	109
22.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài)	Nguyễn Vỹ	110 — 115
23.— Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	116 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong. Tạp-chí PHỒ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cao của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tê).

★ Bài lai cao không đăng, không trả lại.

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG », và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

W179884

6

ĐẠI-HỌC

P H Á P

NIÊN-KHÓA 61-62

★ NGUYỄN-VĂN-CỎN

(Tiền-sĩ Văn-chương Pháp, Paris)

 HÂN đọc bài bàn luận về nền học, giữa ông Nguyễn-quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục Việt-nam và ông Nguyễn-Vỹ, Chủ-nhiệm tạp-chí Phồ-Thông (Phồ-Thông số 65 ngày 15-9-1961) tôi xin hiến bạn đọc, nhất là các bạn Sinh-viên ở Nước-nhà, một vài chi-tiết về Đại-học Pháp niên-khóa 1961-1962.

● SỞ SINH VIÊN

— Số sinh-viên niên học 1960-1961 là 211.000 người

— Số sinh-viên niên học 1961-1962 là 237.000 người, tức là tăng đến 26.000 người.

Trong số đó, nên kể thêm 2.000 sinh-viên theo Đại-học Tư-Thực và 22.500 sinh-viên theo lớp dự-bị vào các «Trường Lớn» (Grandes Ecoles) như Polytechnique, Normale Supérieure, Centrale, Mines, v.v... và 9.000 sinh-viên theo lớp dự-bị ở các trường tư.

Tổng cộng, số sinh-viên Đại-học Pháp năm nay lên đến 268.000 người.

Đại-cương số sinh-viên đó có thể chia theo các ngành học như sau đây :

— Luật học	35.870
— Khoa học	84.500
— Văn học	67.810
— Y học và Dược học	48.650

Ta thấy số sinh-viên theo Khoa-học nhiều hơn các ban khác.

Xu hướng khoa học ngày càng rõ, vì trước kia số sinh-viên theo Văn-học và Luật-học lúc nào cũng đông hơn.

Theo «Cơ quan Đại-học Thống kê» (Bureau Universitaire de Statistiques), thì về ban Dược-học và Văn-học, nữ-sinh-viên đông hơn nam Sinh-viên.

Trong số 268.000 sinh-viên Đại-học năm nay, có 27.000 sinh-viên của các nước cựu thuộc-địa Pháp, trong đó có số đông sinh-viên Việt-nam, và ngoại-quốc.

● SỞ GIÁO-SƯ

Lẽ tự-nhiên số sinh-viên tăng, thì số giáo-sư cũng phải tăng. Năm 1960, số giáo-sư Đại-học là 8.800; năm 1961, Chính-phủ tuyển thêm 1.500 giáo-sư.

Trong số 1.500, có 341 giáo-sư và giảng sư.

Về ban Luật, Y và Dược-học có 132 giáo-sư thạc-sĩ.

Còn lại là giáo-sư phụ-trách và điều-khiển-viên ban thực-nghiệm.

(Ta nên nhớ là về ban Luật, Y và Dược-học, giáo-sư thạc-sĩ rất hiếm, vì ở các ban này, phải đỗ Tiến-sĩ rồi mới thi được Thạc-sĩ. Trái lại ở ban Văn-chương và Khoa-học, thì đỗ Thạc-sĩ rồi mới thi Tiến-sĩ để có thể thành giáo-sư Đại-học).

● Chính phủ săn-sóc cho Sinh-viên như thế nào ?

Số Sinh-viên ở Đại-học hay «Các Trường Lớn» (Grandes Ecoles) ở Paris mỗi ngày một tăng, vì vậy các giới hữu-trách phải đề ra một số công-quỹ rất lớn để xây dựng thêm các giảng đường, quán trọ, quán cơm. Và mở rộng Đại-học ở các tỉnh.

Tiền ăn học theo Đại-học, nhứt là ở Paris rất tốn hao, vì thế các nhà chức-trách đề tâm giúp đỡ các sinh-viên nghèo.

— Niên khóa 1960-1961, số sinh-viên được cấp học-bổng là 48.500 người.

— Niên khóa 1961-1962, 55.000 người.

(Số tiền cấp bổng phân phát như sau đây :

1— Lớp dự-bị Đại-học (propédeutique)

mỗi năm được : 225.000 quan

2— Lớp Cử-nhơn :

264.000 quan

3— Lớp Thạc-sĩ và Tiến-sĩ :

360.000 quan

Cố nhiên là số tiền ấy không đủ được, vì vậy, hoặc cha mẹ phải

trợ cấp, hoặc sinh-viên phải đi làm kiếm thêm tiền, như dạy học tư coi các trẻ em nhà giàu, đánh đàn ở tửu quán, khuâng vác ở ngoài chợ, làm bồi dọn bàn, rửa chén bát ở các tiệm ăn, v.v...

Vì vậy, có người quá lao lực, nên đau ốm, hay phải bỏ học.

Ở một xứ lạnh, nếu không ăn uống cho đủ nhiệt-lượng để chống lại với thời-tiết gay go, thì không thể nào có đủ sức để học, nhứt là sinh-viên nước ta, và các xứ nóng.

Khi hàn-thử-biểu xuống dưới mức zéro, sinh-viên cần phải có quần áo ấm, ăn uống nhiều và bổ, và phải có can-dảm thức dậy sớm để đi tới trường.

Các nhà chức trách rất đề tâm đến điều-kiện vật-chất của sinh-viên.

Các quán cơm và quán trọ của sinh-viên mỗi ngày mở thêm và «Ban Đại-học Quốc-gia Công-tác» (Centre National des Œuvres) có một công-quỹ là 9.940 triệu quan niên-khoá 1961-1962.

Phần nửa số tiền này được dành để mở thêm các quán cơm sinh-viên. Quán cơm sinh-viên có hai hạng. — Hạng thường gọi là «quán cơm đại-học» (Restaurant Universitaire) — hạng «bổ dưỡng» các sinh-viên ốm yếu (Restaurant médico-social).

Tại quán cơm thường, mỗi bữa ăn, sinh-viên phải trả 110 quan (cò thịt, rau, trái cây, phở-mát). Tại quán cơm «Bổ-dưỡng», mỗi bữa ăn 170 quan (đồ ăn nhiều và ngon hơn hạng thường.)

Ban quản-trị đại-học, chịu thêm vào mỗi bữa ăn của một sinh-viên là 110 quan tại quán cơm thường và 170 quan tại quán cơm «Bổ dưỡng» (restaurant médico-social).

Ban «Đại-học Quốc-gia Công-tác» (Centre National des Œuvres) còn lo xây quán trọ, hay tìm chỗ ở rẻ tiền cho sinh-viên.

Thanh-niên là những vốn căn-bản của quốc-gia, nhứt là trong thế hệ này, vì vậy, các nhà hữu trách, không những phải chỉnh-dốn nền giáo huấn, mà còn phải giúp đỡ thanh-niên về mọi phương-diện để họ trở nên những người có tài cán để gánh vác việc nước.

Paris ngày 20-11-61

NGUYỄN-VĂN-CỒN

Số sau : đặc biệt NOËL

VĂN 10\$

LÍNH NHÀ VUA

CH U Y Ệ N này là chuyện thật, bà tôi kể lại cho tôi nghe.

Thuở ấy, ông tôi đang còn sinh thời, làm quản-gia cho Cự Hoàng Hậu Thành-Thái.

Thời đó là thời phong-kiến đang thịnh-hành. Lễ phép đối với Hoàng-tộc gay-gắt lắm, không có một hành-động hay lời nói gì mà không lễ-phép đối với các ông Hoàng mặc dầu « ông » nhỏ thua mình đến 10 tuổi !

Tiếng bẩm, tiếng thưa, tiếng tâu, luôn luôn phát xuất từ miệng người hầu-hạ. Lúc nào muốn thưa hay trình một điều gì đều phải

BẮT TRỘM

* ĐẠO-HẢI

vòng tay. Đó là mới thưa với các mẹ thôi, còn thưa với ngài thì phải vòng tay, quỳ gối, cúi đầu mà nói nếu sợ lỡ một hành-động còn-con không đáng kể sẽ bị quở-trách và nghiêm-phạt.

Dinh-thự của Cự Hoàng-Hậu Thành-Thái thuộc xóm An-lăng, nằm trên một khoảnh đất rộng chừng năm mẫu, chung quanh cây cối um-tùm và mát-mẻ. (Vua

Thành-Thái lúc bấy giờ đã bị dày qua Phi-Châu), chỉ có Hoàng-hậu ở nhà. Trong vườn chẳng thiếu một cây gì, nào là cam, quýt, bưởi, sanh-trà, nhãn, dứa, trường-bì, ôi tàu và nhiều thứ khác. Ông tôi chỉ nhờ hoa quả đó mà chỉ dựng trong gia-đình cũng dư-dã.

Những buổi trưa trời nóng bức, mấy chú lính hầu đều ra nằm dưới gốc cây để yên giấc.

Dinh thự của Ngài có ba dãy nhà: một nhà lớn để Ngài ở và thờ phượng, kế đó là nhà võ-cua để ngồi ngồi bóng gió, tiếp theo là nhà bếp dài năm căn dành cho người hầu-hạ ở.

Tối hôm đó, vào khoảng mười một giờ, dường cái không bóng người qua lại. Biệt-thự im-lìm giắc ngủ triền-miền. Xa-xa tiếng chó sủa từng hồi vọng lại. Tiếng còn-trùng đua nhau hòa một bản nhạc vô âm-diệu.

Cũng như mọi hôm, nhà tôi ngủ rất khuya. Ông tôi và con-cái trong nhà quanh-quần dưới ánh đèn dầu phụng, ngồi nói chuyện, bỗng có tiếng la từ trên dinh vang lên :

— « Ăn trộm ! Ăn trộm ! »

Mọi người trong nhà và ba người lính lo hương-khói, cùng mấy người hầu-hạ, đều hoảng-hốt không kịp mặc áo quần dài mà chỉ mặc một chiếc áo lót và chiếc quần đùi, vội-vả chạy lên nhà trên để bắt kẻ trộm. Khi đèn thấp sáng lên, thì mấy lão đạo-chích tẩu-thoát từ bao giờ ! Ông tôi và mọi người chia nhau tìm kiếm khắp nơi. Sau khi xem lại đồ-dạc thì chẳng mất một món gì. Vì bị động, nên mấy chú đạo-chích vội tìm đường lánh mặt.

Cự Hoàng - Hậu từ trong phòng bước ra, đôi mày khẽ nhíu lại nhìn kẻ hầu-hạ ; giọng nhẹ nhàng nhưng đầy vẻ nghiêm-khắc: « Tụi bây ăn mặc vô phép quá ! »

Ông tôi vội quỳ xuống sào nhà, nói:

— Bẩm Ngài, chúng con nghe tiếng la ăn trộm, vội lên bắt trộm, nên không kịp mặc áo quần dài, hoàng, xin Ngài tha-thứ cho chúng con được nhờ.

— Bọn bây ở với tao đã lâu sao mà ngu thế ? Ăn trộm thì ăn trộm, tụi bây lên nhà trên này thì phải khấn áo cho đảng-hoàng chứ !

Ông tôi nghe Ngài quở, không dám ngước mặt lên; vội nói:

— Dạ, bẩm Ngài, chúng con lần này, lần sau chúng con xin vâng lời Ngài dạy.

Cựu Hoàng-hậu phán:

— Thôi, đứng dậy đi; lần này tao tha cho, lần sau liệu chừng ăn đòn đó!

Nói xong, Ngài từ từ đi vào buồng.

Xuống dưới nhà, ông tôi tiu-ngủ bảo mọi người:

— Tôi ngán quá các chú ạ! Bắt ăn trộm như cúu-hỏa, mà phải mặc áo quần cho đàng-hoàng thì nó khuôn đồ đi hết còn gì!

Anh lính hầu nghe nói như thế mỉm cười:

— Ngài dạy rửa thì phải tuân lệnh như rửa, chớ bắt kẻ trộm mà chơi điệu này thì bàn thờ cũng không còn!

Mọi người chia tay nhau ai về nhà nấy, đi ngủ.

Không biết mấy chú đạo-chích có rình đầu đó, nghe Ngài quở trách mọi người về chuyện « vô phép » ấy không, mà cách mấy hôm sau các chú lại đến viếng

dinh ngài một lần nữa.

Tối hôm đó, cũng như mọi hôm vào khoảng mười-một giờ đường cái vắng bóng người, mọi gia-dinh người hầu-hạ đều yên giấc, bỗng có tiếng la ở nhà trên:

— Ăn trộm! Ăn trộm!

Ông tôi giật mình thức dậy vội thấp đèn lên, chạy đi tìm chiếc áo dài để mặc vào, nhưng áo treo đâu chẳng thấy. Ông tôi hoảng-hốt chạy tìm khắp nơi, một lúc sau mới thấy nó nằm ở dưới đầu giường vì lúc chiều mấy đứa tôi lấy cái áo đó trùm đầu làm ông kẹ để dọa nhau. Ông tôi vội-vàng mặc áo vào, rồi lại phải tìm thêm cái khăn đóng để đội trên đầu cho đàng-hoàng, theo lệnh Ngài.

Lúc mọi người tụ họp trên nhà để bắt ăn trộm, xem họ như đi làm lễ, chứ không phải đi bắt đạo-chích. Ông tôi vào trong buồng cắt đồ coi, thì ôi thôi, một cái rương đựng áo-quần của Ngài, đồ sành, đồ sứ, cấm đèn, khay trà chạm xà cừ, không cánh mà bay mất cả!

Ông tôi mặt mày tái ngắt, lúc đó trời không lạnh mà thân hình

ông tôi run cầm-cập, hai hàm răng đánh vào nhau kêu dôm-dốp:

« Thôi nguy rồi, thôi nguy rồi, các chú ơi! Chuyển này thì chúng mình vào tù cả lũ rồi! Các chú có thấy không, bao nhiêu đồ đạc của Ngài đều mất hết cả rồi! Người nào người nấy mặt mày lúc đó trông thảm thương làm sao! Một anh lính vừa run vừa nói thăm-thì:

— Thà đi ở tù thì đi, chớ bắt ăn trộm theo kiểu này thì ông nội tôi hiện hồn về cũng không bắt được, huống chi bọn tôi!

Cựu Hoàng - Hậu đã biết là có kẻ trộm khuâng hết đồ-đạc của

Ngài, nhưng Ngài run sợ quá, nằm trong buồng chỉ kêu lên được một tiếng mà không dám ra. Khi chúng nó đã đi xa rồi, Ngài mới ngự ra ngoài, nhìn trông-trọc vào đám người hầu-hạ khăn đen áo dài, cúi đầu sò-sệt. Ngài im lặng như nghẹn cổ nói chưa được. Một lúc lâu, Ngài mới cất giọng nghiêm-khắc:

— Sáng mai, tao bỏ tù hết cả tụi bay vì tội không bắt được kẻ trộm để chúng nó khiêng vác hết đồ-đạc của tao!

Nói xong, Ngài tức giận bỏ đi vô buồng.



★ SỐNG CHUNG

Một tờ báo Mỹ vừa đăng một tin tòa án như sau đây:

Một thiếu phụ ra tòa xin ly-dị chồng, vì lý do suốt trong thời-gian ba năm sống chung, chồng nàng chỉ nói với nàng có ba lần thôi. Quan Tòa hỏi: « Ba lần nào? » Nàng then, đỏ mặt không trả lời. Nhưng tòa cũng xử cho nàng được ly-dị với chồng và được giữ 3 đứa con.

ĐỊA - CẦU

của hậu bán

Thế-kỷ XX

18 giờ 30 ngày 25 tháng 7 ! Giờ phút lịch-sử, một ngày quan trọng của thế giới !

Quân cảng Gibraltar được đóng lại, tàu bè cấm lưu thông, dân cư sống dọc theo hai bờ eo biển phải tản cư hết, để tránh những ảnh hưởng nguy hiểm của phóng xạ nguyên tử và sức nước tràn ngập của những thác nước dâng lên do sức nổ của bom nguyên - tử đem sử dụng trong công cuộc « vét cạn một phần Địa Trung Hải » !

Đó là giai-đoạn mở đầu cho dự án khổng lồ « sửa lại mặt địa cầu » của nhân loại sẽ thực hiện trong vòng 20 năm tới đây.

Trái đất chúng ta ở hiện nay, ba phần tư là rừng núi, băng tuyết và sa mạc.

Nhân loại, mỗi ngày sinh sản mỗi nhiều mà đất đai lại có hạn, chật hẹp, kém màu mỡ, không đủ chỗ cho loài người sinh sống định cư !

Cho nên, con người đang theo đuổi giấc mộng chinh phục không gian, để sửa đổi lại thời tiết, cho mưa thuận gió hòa hơn, để ruộng đất tăng thêm năng xuất, con người được hưởng điều kiện khí hậu « lý tưởng » như thời Adam và Eve.

Rồi đây, Bắc - băng - Dương quanh năm lạnh lẽo, nhờ sức mạnh nguyên tử năng sẽ trở thành miền khí hậu ôn đới — và Sa-mạc cháy bỏng Sahara quanh năm cát hạn, sẽ biến thành những vùng cây cối tốt tươi, cây cỏ xanh rì, nước chảy quanh năm.

Các trục giao thông trên hoàn vũ, sẽ được tăng thêm và thâm nhập nhờ những « Quốc-tế-lộ ».

20 năm sau — năm 1980, Khoa-học sẽ chuyển mình, mở

đầu một công trình tái tạo hạnh phúc hơn, con người không lo sợ nạn thiếu đất, đường giao thông xa xăm hẻo lánh. Thực phẩm sẽ dồi dào, nạn "nhân mãn" sẽ không còn nữa và con người sẽ không còn sợ cảnh "bồng bế nhau lên nó ở non" !

Và đây là những dự án đã được nghiên cứu kỹ-lưỡng trong mục tiêu «sửa lại mặt địa cầu» !

● Sông Đào nối 2 biển

3 THẾ-KỶ trước đây, con sông đào nối liền Địa Trung Hải và Đại Tây Dương, chạy qua miền Languedoc và Gascogne đã được kể là một công trình vĩ đại của nhân loại. Sáu tháng sau khi «cha đẻ» của dự án — Paul Riquet de Bonrepos chết, kênh đào được long trọng khánh thành năm 1680 !

Con kênh đào lịch sử này quả đã đem lại những lợi ích lớn lao, về thời giờ cũng như tiền bạc. Nhưng với đà tiến-triển của khoa-học hiện đại, kênh đào đó đã trở thành «cổ hủ». Ngày nay, người ta đề nghị tu sửa con sông đào ở Midi hiện chỉ được

dùng chuyên chở những tàu bè nhẹ, để cải thiện hệ thống chuyên chở giữa hai miền Đại Tây Dương và Địa Trung Hải.

Tránh chỗ quẹo vòng qua Gibraltar, hải lộ mới này sẽ rút ngắn được 1350 cây số trong trục giao thông giữa Tây Âu với Phi-Châu.

Từ Bordeaux tới Sète, khoảng cách từ 3500 cây số sẽ thu ngắn còn lại 400 cây số. Nhưng, trong những miền đông dân cư này, không thể cho nổ bom nguyên tử để khai những đường rãnh rộng 150 thước, sâu 25 thước, vì vậy ông Maehl, một kỹ sư Pháp, vừa đưa ra kế hoạch tu sửa con kênh đào «cũ» này bằng một phương pháp kiến trúc hải lộ tối tân. Trên thượng lưu hải lộ này, các loại tàu bè sẽ chạy bằng bánh xe trong những vũng tàu cạn, rộng 28 thước, sâu 15 thước, và đường sắt được đặt trên nền phẳng bằng bê-tông cốt sắt, với tốc độ 100 cây số/giờ.

Thời gian chuyển vận, sẽ đạt tới mức kỷ lục : con tàu chỉ cần một thời gian từ 5 đến 10 giờ để đủ sức thông qua chặng đường

dài thăm thẳm từ Béziers tới Bordeaux.

Biển sa mạc Sahara

Đây là dự án vĩ đại của nhà kỹ sư Đức-quốc Hermann Soergel. Dự án được đề ra năm 1928 nhưng bị «chìm sâu» trong quên lãng hơn 30 năm trường !

Mục đích chính của dự án, không phải chỉ giúp cho việc thông thương tiện lợi trong lục địa Phi-Châu, mà chính là nhằm một mục tiêu quan trọng khác. Như ai nấy đều biết, hồ TCHAD hàng năm đem lại sự phì nhiêu cho hai bên bờ sông hiện đang «rấy chết».

Vì vậy, người ta dự tính chắn ngang Congo, ngay cạnh chi lưu của hồ bằng đập KASSAI, trong một thung lũng sâu hoắm không rộng quá 2 cây số, để «tái sinh» hồ Congo của ngày xưa !

Rời từ Oubangui, nước sẽ dâng lên tới hồ Tchad, biến đổi nước hồ thành nước ngọt, và từ đây trở đi, một sông NIL nhân tạo sẽ chảy vào vịnh Gabès, đem nước «tắm mát» cho sa mạc Sahara !

Chuyển hướng 2 sông ! Tạo biển Tây - Bá Lợi Á

Qua bình nguyên rộng lớn miền Tây Bá Lợi Á, hai sông lớn OB và IÉNISSÉI, hàng năm đổ vào Bắc - băng-dương một lưu lượng gần 942.000 thước khối nước gấp 55 lần lưu lượng sông Seine.

Nhận thấy tiềm lực thiên nhiên của hai giòng sông OB và Iénisséi bị phung phí vô ích, mới đây, một kỹ sư thủy lực của Nga-Sô, MITROFAN Mikhaïlovitch Davydov, gốc người Trung Á, đưa ra một dự án khai thác táo bạo. Ông đề nghị đắp một đập ngăn chặn 2 giòng sông để tạo một biển «Tây Bá Lợi Á» và thiết lập thêm một «vũng chứa» ở phía đông cuối chảy vào biển này !

Sông OB, lại chảy theo giòng sông cũ của nó, và đổ vào biển Aral.

Công trình xây cất, ngoài 2 đập ngăn nước, còn gồm một con sông đào ở khoảng giữa vũng chứa và biển, sông đào dài chừng 90 cây số.

Tàu bè sẽ lưu thông được khoảng 953 cây số, vượt qua «những cửa Tourgai» theo

hướng biển Aral rồi đến kênh đào Turkmène nằm giữa biển Aral và biển Caspienne.

Nhờ công trình này, người ta thiết lập được những trung tâm thủy điện đồ sộ, hàng năm cung cấp được chừng 82 triệu Kwatts/giờ, và dẫn thủy nhập điền vào một khu vực rộng chừng 25 triệu mẫu tây cây cấy được hai mùa, và nâng số gia súc tăng lên gấp ba lần số gia súc hiện nay!

2 tuần lễ — Chuyển du hành từ Luân - Đôn tới Nữ-ước bằng xe Lửa!

Người ta dự trù sẽ thiết lập hệ thống đường hầm dưới biển Manche. Hệ thống này sẽ giúp cho du khách khởi hành từ Luân-Đôn, xuyên qua đường Tây Bá Lợi Á, để tới tận Hải tâm Uy.

Nhưng «Tàu tốc hành Xuyên Đại lục» này trước khi tới ga chót, rẽ hai ngã, và du khách có thể dùng đường này để tới tận Nữ-ước, sau hai tuần lễ hành trình.

Đường sắt mới này, xuyên Tây Bá Lợi Á tại IRKOUTSH, xuôi thung lũng LÉNA tới tận

YAKOUTSH, vượt qua eo biển BEHRING trên một cầu nổi dài 85 cây số. Rồi từ FAIRBANKS, WHITEHORSE và FORINELSON, du khách tới DAWSON CREEK, để tới Nữ ước.

Đường sắt, rộng 4 thước, sẽ thay thế loại đường sắt cũ hiện nay chỉ rộng 1 thước 435 hoặc 1 thước 675!

Và những đầu máy xe lửa phân lực chạy bằng nguyên tử năng, với công suất 100 000 mã lực, sẽ nuốt chửng đường dài với tốc độ kỷ lục từ 300 đến 400 cây số/giờ.

Chiều rộng của những toa xe loại mới, rất tiện lợi, chẳng kém gì những buồng nhỏ đủ tiện nghi, thích hợp theo sở thích của du khách ưa đáp tàu thủy.

Xe lửa có máy điều hòa không khí, sẽ loại được những bất tiện do những điều kiện khí hậu gay gắt của miền Tây Bá Lợi Á và Alaska!

Vượt Thượng đỉnh Thế Giới

Hiện nay dân số của 3 quốc gia

Trung Hoa, Ấn Độ, Nga - Xô chiếm gần 1/2 dân số của hoàn cầu. Tuy nhiên, dù cùng trên một lục địa, cùng chung biên giới nhưng sự thực các quốc gia này đã cố ý hoặc « không thích » thiết lập những đường giao thông chung.

Nói như vậy có nghĩa là, trên biên giới của các quốc gia đó, có những chướng ngại từ ngàn xưa không vượt qua được: vùng sa mạc GOBI và dãy HY - MÃ - LAP SON!

Giữa Nga và Ấn - Độ, có một « vạn lý trường thành » thiên nhiên, đó là dãy Hi-mã Lạp-sơn. Qua ranh giới của 2 quốc gia này, có chẳng một vài ba đường mòn xuyên sơn, chuyên chở một vài loại hàng hóa nhẹ. Những hàng hóa nặng, công kênh thường được chuyên chở bằng đường bè rất xa xôi và tốn kém. Vì vậy chỉ có đường xe lửa là đáp ứng đúng với nhu cầu kỹ thuật.

Người ta trù liệu thiết lập một hệ thống hỏa xa bắt đầu từ hồ ISSYK-KOUL, vượt qua tỉnh Tây - Giang, nhẩy qua KARAKORAM và những dãy núi trùng điệp, lồm chồm của nguyên-dại đệ II, tới Hi-mã Lạp-sơn!

Đó là dự án của G. Pokrowski, chuyên viên Vật Lý về chất nổ. Thật vậy, với sức mạnh của nguyên tử, thì chỉ một chùm bom nguyên tử sẽ đủ sức san phẳng một quả núi, lấy đây một thung lũng, cắt xén được một đường hầm trong khối đá cẩm thạch khổng lồ.

Tuy nhiên, còn lại vấn đề cần giải quyết: ảnh hưởng của phóng xạ nguyên tử. Nhưng khoa học đã tìm ra cách trừ liệu hữu hiệu. Trong lớp đất còn vương chất phóng xạ, người ta sẽ phủ lên lớp đất đó một lớp đất «trơ» dày chừng 2 thước, để hút hết những phóng xạ nguy hại.



Lược đồ quả Địa-cầu của hạn-bán thế-kỷ XX

Thật thế, chỉ một lớp đất tro dày 50 phân, cũng làm giảm bớt được 1/10 cường độ của tia Gamma, phát xuất trực tiếp từ những trái bom phát nổ.

**Dùng luồng nước nóng
của Thái - Bình - Dương
làm tan «Cực-Bắc»**

Trên con đường mở rộng qua «Chương ngại Hy-mã lập-Sơn» bằng bom nguyên tử, nỏ sâu trong lòng đất, có thể thiết lập một đường hỏa xa chiều rộng chừng 4 thước 50, để di chuyển những chuyến xe, gồm những toa trọng tải hàng 1000 tấn. Đầu xe lửa, chạy bằng nguyên tử năng, công suất hàng 100.000 mã lực.

Sức trọng tải thực của đường sắt này, sẽ chẳng thua kém số trọng tải của kênh đào Suez và Panama !

Những đoàn xe lửa này, có thể chạy một mạch, không cần ngừng để lấy thêm nhiên liệu, do đó con tàu sẽ vượt đèo bằng tuổi với tốc độ «vũ bão» hàng trăm cây số một giờ.

KHOA HỌC HIỆN ĐẠI

Ngoài ra, người ta còn đề ý đến dự án làm «tan băng tuyết miền bắc Băng-dương» sẽ biến đổi hoàn toàn khí hậu miền Tây bá Lợi Á. Chỉ cần thiết lập từ eo biển Behring một dòng nước nóng dẫn từ Thái bình Dương đến Tây Bá Lợi Á là đủ.

Dự án và bản chiết trừ công tác đã được tính toán rất kỹ lưỡng. Việc chi phí lên tới khoảng 70 tỷ rúp (chừng 50, 60 tỷ Phật lạng mới). Số điện năng cần thiết làm chạy những nhà máy bơm nước, thiết lập xuyên qua eo biển, dồn lên phía Bắc những luồng nước nóng của Thái bình Dương tốn rất nhiều, tương đương với số lượng của 4 trung tâm điện lực lớn trên thế giới hiện nay sản xuất.

Nhưng với những trung tâm
nguyên tử, người ta thấy rằng,
vấn đề diện năng cần thiết để
thực hiện công trình trên, không
có gì khó khăn lắm.

Những kết quả của việc «sưởi ấm» miền Tây Bá Lợi Á, không phải chỉ có lợi riêng cho đại-lực mà thôi.

Thật vậy, những cơn bão lốc kinh khủng ở Tây Bá Lợi Á, đem lại cái lạnh lẽo của miền Tây Âu sẽ không còn nữa, những điều kiện khí hậu của cả hai miền đại lục sẽ hoàn toàn biến đổi !

Giấc mơ của Jules Verne chỉ là « hoang đường » ?

Những Dự-án vĩ đại này, tuy nhiều công tác khó khăn, nhưng không phải là «ảo tưởng».

Theo dự tính của Bác sỹ Ralph Lapp công trình làm tan băng tuyết miền Bắc Cực, tốn kém chừng 700 trái bom nguyên tử loại 20 mégatones và chừng 140 triệu đô-la.

Nhưng khối nước vĩ đại của miền Bắc cực đóng băng hàng bao thế kỷ nay sẽ tan chảy với một nhiệt độ trung bình về mùa đông miền địa cực là 35°C . con kênh nối hai biển, hay biển Sahara, đường hầm dưới đáy biển Manche, đường xe lửa Tây Bá Lợi Á — Alaska, biển Tây Bá Lợi Á — Đường sắt xuyên

Hãy Mă lập sơn, băng tuyết tan chảy của Bắc băng Dương, đều mới chỉ là một phần của dự án hiện đang được các nhà Bác-học Thế-giới nghiên cứu, và coa người còn rất nhiều những dự án khác hiện đang "thai nghén".

Dự án «vết cạn» Hồng-Hải năm 1940 do René Bigarre đưa ra, nếu thực hiện được, hàng ngày sẽ thu lợi được chừng 16 triệu tấn muối, và thiết lập được những kỹ nghệ vĩ-dại phức tạp.

Công trình «tắt cạn» và «sưởi ấm» nước biển Baltique, cũng mang lại những nguồn lợi lớn lao về hoa màu cho toàn thể Miền Bắc Âu Châu.

Và hơn nữa, một hệ thống kênh đào qua sa mạc Sahara, sẽ biến đổi sa mạc thành cả một đồng bằng phì nhiêu xanh tốt !

Kể từ giờ phút này, có thể nói rằng con người, với những phương-tiện kỹ thuật tân kỳ, sẽ có thể thực hiện được cái công trình vĩ đại kể trên.

Chương ngại trên bước đường kiến thiết này, có chẳng,

chỉ là vấn đề « tài chính » và một « thiện chí ».

Giấc mộng của Jules Verne, xưa chỉ là những đề tài « tiểu thuyết hoang đường », nhưng với trình độ Khoa học hiện đại, và nhất là sự phát minh ra nguyên tử lực, những nhà « thuật sỹ của hành tinh » sẽ đủ sức làm biến đổi, sửa lại sắc diện của địa cầu trong hậu bán thế kỷ 20 này.

Hạnh phúc của nhân loại đang theo hướng đi lên.

Mộng và thực phải chẳng đã lẫn lộn. Song, gọi là mộng, vì chưa đem thực hiện. Nhưng nó sẽ phải thành sự thực vì mộng căn cứ trên những sự kiện, trên những bản chất tính; trên các mô hình, và nhất là số phận của con người ngày mai đòi hỏi điều kiện tối cần cho sự sống còn, cho sự trường tồn của nòi giống.

«Viết theo tài liệu

«On va Changer la Face du monde» par Camille Rougeron.)

Thanh-minh

Riêng tặng cô hoặc chị hay anh ĐIỀU-HUYỀN

Thượng-đế ngài ơi ! tôi kính-cần
 Dâng ngài đây cả nỗi lòng tôi.
 Từ nơi « chốn - ngự » cao xa ấy
 Ngài phán làm sao ? — Đời rất tốt !
 Tôi cố vâng theo ngài, Thượng-đế,
 Làm người trong sạch, ở hiền-lương
 Nhưng đời họ giết nhau không kịp
 Nên bắt tôi làm chuyện bất lương.
 Chẳng lẽ rồi khi biệt cõi đời
 Tội kia tôi nhận tại vì tôi ?
 Tôi không thể nhận vì tôi nghĩ
 Chỉ tại nơi đời, Thượng-đế ơi !
 Thượng-đế nghĩ xem đời giả-dối
 Đến điều hư-thực chẳng còn phân.
 Khua môi họ giảng toàn nhân-ái
 Mà chính họ làm chuyện bất nhân.
 Đây này tác-phẩm của ngài đây.
 Quả đất sắp thành khối với mây.
 Bom H, bom A và hỏa-tiễn
 Ngày mai tiêu-diệt thế-gian này !
 Ngài đã lập chưa quyền sở trời ?
 Oan hồn nhiều lắm đây ngài ơi !
 Thế-nhân hủy diệt toàn nhân-thế
 Một khắc không còn lấy một tôi !
 Tôi lên dâng ngài nỗi khổ phiền
 Kéo đời hay được bảo tôi diên
 Ngài ơi ! Trí não tôi còn sáng
 Và chuyện đời kia rất hiền-nhiên !
 Là dâng quyền cao ngời tuyệt-dĩnh
 Ngài phạt làm sao kẻ thế-gian.
 Riêng với tội-nhân không đáng tội
 Ngài cho địa-ngục hay thiên-dàng ?!

PHƯƠNG-THANH
 (Long-Xuyên)



vật không xương sống này có rất nhiều loại khác nhau. Loài mực có tám tay (tentacules) đều nhau và mình ngắn như một cái túi, thường được gọi là bạch-tuộc hoặc mực phủ (pieuvre). Một loại mực khác có hình dạng giống như con mực thường, nhưng có những đến mười tay, chúng tôi tạm gọi là mực ma (calmar) (1).

Mực ma, ngoài tám tay giống như loại bạch-tuộc còn có thêm hai tay đặc biệt, có thể giãn dài ra hay co rút lại thật ngắn như một

ĐẾU bạn là người thích biển cả, chắc bạn đã từng được nghe hay đọc nhiều mẩu chuyện về những con mực vĩ-dại đang sống trong lòng đại-dương. Nhiều con mực to lớn đến nỗi có thể làm cho ghe thuyền chìm hoặc chống trả lại cá voi để tranh ngôi bá chủ ở đại-dương. Khi phải nói đến những con mực khổng lồ này, chúng ta thường gọi chúng là mực ma hay khoa-học hơn, con bạch-tuộc. Sự thật trong loài

sợi cao-su. Bộ phận thị-giác của tất cả hai loài đều rất giống người, có cả lông mày, lông mi và đặc-biệt trông rất tinh. Loại bạch-tuộc di-chuyển hoặc bằng cách bám tám chân xuống đáy biển hoặc bằng cách lội. Mực phủ thường nằm yên một chỗ chờ mồi và khi con vật đi ngang qua, mực đưa tay ra bắt đưa vào

(1) *Tự-điển Pháp-Việt của ô. Đào-duy-Anh đều dịch pieuvre, calmar là mực ma.*

NHỮNG CON

M Ư C

chấn con mực ma có thể dài đến bao nhiêu. Có người cho rằng nó có thể dài đến bốn chục thước và nặng trên hai tấn. Sở dĩ có giả thuyết trên nhờ căn cứ vào các vết sẹo để lại trên da cá voi khi hai chúa tể trong đại-dương

KHÔNG LỖ

★ **TRỊNH-THIÊN-TỬ**
(*Hải-học-viện — Nha-trang*)

miệng. Một loại "dịch-vị" được mực tiêm vào làm cho con mồi bại xuội và thịt trở nên dễ tiêu-hóa. Gặp người, bạch-tuộc thường chạy trốn trừ trường-hợp ta chọc hấn tức giận. Trái lại, mực ma rất hung hăng, tấn công bất cứ sự vật gì chúng gặp phải, chẳng hạn như một cái neo tàu, đáy tàu v.v... Mực ma di-chuyển từng đoàn ở ngoài khơi và khi một con khởi sự tấn công, tức thời cả đoàn hòa theo.

Mình mực ma thường lớn gấp đôi người và đo cả từ đầu đến đuôi có khi dài trên hai chục thước. Tay mực thường to hơn tay người. Hiện giờ người ta chưa được biết một cách chắc

mở cuộc tranh ngôi bá chủ. Ống hút (ventouses) của một con mực ma dài mười lăm thước có thể để lại vết sẹo rộng một tấc trên mình cá voi và người ta đã tìm thấy có nhiều vết rộng đến bốn năm tấc. Một con mực ma dài chừng sáu thước đã thuộc vào loại lớn nhưng ta cũng nên biết chiều dài của tay chiếm đến tám phần tất cả.

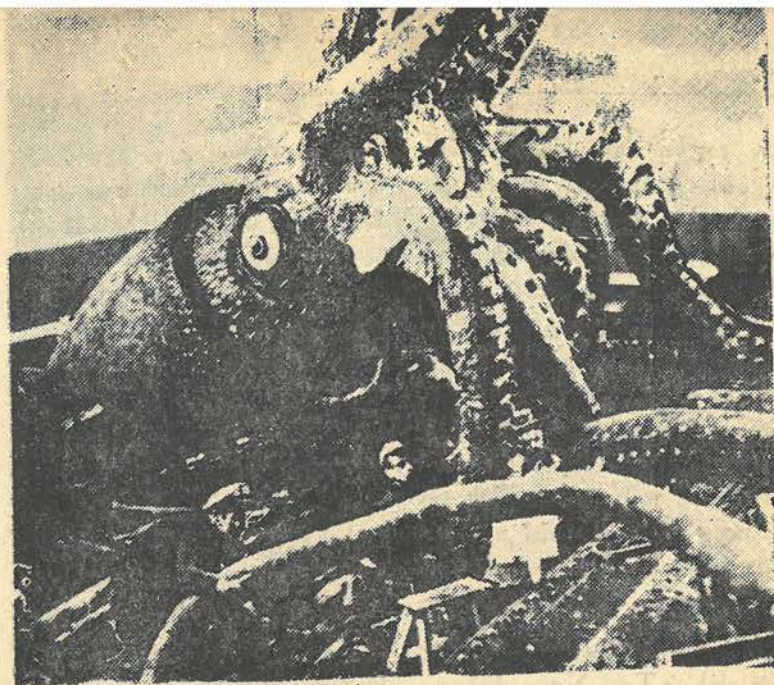
Cũng như bạch tuộc, ở mỗi tay mực ma đều có nhiều hàng ống hút, nhiều con có cả móng như móng mèo. Khi tay đụng phải con mồi, các ống hút này bám chặt vào như ống giác hút vào thịt chúng

ta và con mồi khó bề tẩu thoát. Hai tay đặc biệt di chuyển mau lẹ, đưa lên đưa xuống như giấy thông lọng, có thể bắt từng con cá một. Mực đặc biệt có thể thay đổi màu da tùy theo hoàn cảnh. Khi bắt mồi, mực có màu đỏ thẫm, trái lại có màu tái nhợt khi bị tấn công. Da mực có lúc lốm đốm như cát xám, lúc nhẵn như mặt nước. Hàng ngàn tế bào nhỏ tự động mở ra khép vào nhanh như chớp. Nhiều con mực ma sống dưới sâu có cả một vùng sáng lấp lánh, trông như đom đóm. Mực ma giết hải-vật không tùy theo nhu cầu mà tùy theo bản năng. Nhiều đoàn cá lớn bị chúng sát hại không còn lấy một con, không kể hàng tấn hải-vật nhỏ khác dùng làm mồi cho chúng mỗi ngày. Một đối thủ lợi hại nhất của mực ma là cá voi. Thỉnh thoảng người ta tìm thấy trong ruột cá voi có « di tích » của mực ma. Muốn táp được một con mực ma trung bình cá voi phải có miệng rộng ít nhất hai thước vuông, và trái lại, muốn riết chết được một con cá voi nhỏ, mực cũng phải dài đến mười lăm thước. Trong cuộc tranh hùng, khi mực ta cảm

thấy bị yếu thế, hẳn không ngần ngại kiếm đường tẩu thoát trước. Một túi mực đen được xì ra làm tối om cả trận mạc và mực nhanh nhẹn rút lui. Mực ma thường sống dưới sâu, ít khi trườn lên mặt nước. Mực sống rải rác từ Úc-châu, New-Zealand đến Nhật-Bản hoặc ở phía Nam Đại-Tây-Dương, Âu-châu. v. v...

Mực ma cũng biết trở tài tán tỉnh giai-nhân và muốn được nàng chọn làm người yêu, đôi khi chàng phải trở tài chống trả lại các con khác. Khi được chọn, cuộc đời tình ái bắt đầu và nàng thụ thai một lần đến những trên ba chục ngàn trứng, cỡ không lớn hơn hạt gạo. Tất cả chào đời vào khoảng một tháng sau. Mới sinh, mực con chỉ bằng hạt lúa, có màu sắc trông tuyệt đẹp và giống bố mẹ như đúc. Chúng lớn rất chóng và thường bị các bầy cá tác hại một phần lớn. Có lẽ một cuộc báo thù.

Vào tháng 5 năm 1959, Viện bảo-tàng hải-học thuộc Đại-học-đường Miani vừa đưa từ



chiếc tàu Combat lên một con mực ma dài mười bốn thước thì hai phút sau, nhiều đại-diện các báo-chí Mỹ đến khai-thác tin về con vật hiếm có đối với họ. Nhiều nhà bác-học viết thư thỉnh cầu được giữ một phần con vật để khảo-cứu. Có người muốn có cặp mắt vì nó giống y mắt người và lại lớn nhưt trong các con vật không xương sống. Có người muốn đôi gân phía trong v. v...

Tại sao người ta lại có cảm-tình đặc-biệt với con mực khổng lồ trên ? Xin thưa, chẳng qua vì

của hiếm. Thật vậy, trước thế-kỷ 16, nhiều nhà bác-học đã thấy tận mắt loài vật này và có ghi lại trong sử sách nhiều khi với những mẫu chuyện huyền-hoặc. Thêm vào đó, các nhà khoa-học chưa có dịp khảo-sát tường-tận loại hải-vật này. Người ta chỉ biết một cách đại-cương rằng mực ma là một loài nhu thể đã xuất-hiện trên trái đất cách đây hơn bốn trăm triệu năm, nghĩa là già tuổi hơn nhân-loại. Năm 1555, Tổng-giáo-chủ Olaus Magnus đã tả một con mực ma như là một cái cây mọc rễ và có thể

gây ra tai - họa khủng - khiếp. Người ta cũng thấy ghi lại câu truyện một con mực được đặt bàn thờ ở trên và đưa một giáo - chủ giữa biển vào bờ.

Vào thế - kỷ 19, một số nhà khoa - học bắt đầu tìm sự thật về các câu truyện trên, trong đó ông Japetus Steenstrup của Đại - học - đường Copenhagen đã thu - thập tất cả các mẫu - vật, xác - định tên họ từng con và mười năm sau xuất bản cuốn sách đầu tiên nói về những con vật khổng lồ này.

Vào ngày 26-10-1873, trong một vịnh ở Terre Neuve, hai ngư phủ và một cậu bé đang ngồi câu trên thuyền thì từ xa một con vật khổng lồ, có nhiều tay bơi tiến dần về phía chiếc - thuyền: mực ma. Tất cả tay đều mở rộng ra để lộ hẳn một cái miệng to bằng hai đầu người. Một trong hai tay dài đưa lên chiếc thuyền như muốn kéo vào miệng nó. Rồi thì một tay khác đưa lên. Hai người lớn sợ hãi không làm gì thì cậu bé nhanh trí lấy dao chặt tay con vật và cứu nguy cho cả đoàn. Bị thương nặng, con vật từ từ rời thuyền, mất nhìn một cách giận dữ. Thuyền vào bờ và câu chuyện

được truyền miệng từ người này qua người khác nhanh như chớp. Dân chúng đua xuống bến để xem tận mắt mấy di tích của con vật : một cái tay dài sáu thước và một khúc khác to bằng bàn tay.

Nhiều câu - chuyện về tai - họa do mực ma gây nên còn thấy ghi lại trong các sách nhưng có lẽ một phần đã được thêu dệt thêm.

Hiện giờ, người ta dùng mực ma để khảo sát về giây thần - kinh. Giây thần kinh mực to gấp mười lần các giây đã khảo cứu. Người ta cũng khám phá ra rằng mô thần kinh của mực ma cấu tạo giống hệt các loại động vật khác. Và điều này đã giúp cho việc khảo - cứu trở nên dễ dàng.

Tóm lại, mực ma, một hải vật chưa được quen thuộc với chúng ta mấy, đang được một số nhà bác học lưu ý trong vấn đề khảo - cứu về hệ - thần - kinh để giúp khoa - học cải tiến phương - pháp chữa loại - bệnh về thần - kinh.

Cuối cùng ta cũng nên biết, con bạch - tuộc cũng được gọi là ma - da và có rất nhiều ở biển Đông Hải mà chúng ta thường thấy có trưng bày trong hồ nuôi cá tại Hải - học - viện Nha - trang.

TUYỆT ĐỐI

Khi thở hắt chết mòn qua thi - thê
Tay ôm tim mà đôi mắt khép lần
Từng bóng người héo hắt lệ đầy tuôn
Đầy tiếng khóc, điệu cười reo bốn phía.
Mây vẫn bay như không từng rớt lệ
Sao lưa - thưa trăng cái mặt im lìm
Một tâm hồn bằng giá động triền miên
Còn chi nữa em ơi lời trần trời
Khi tôi chết môn yêu thương tội lỗi
Lãng quên tôi xem tựa một cảnh khó
Đốt tan thân đừng dấu xác trong mờ
Đêm sẽ đến rủ - rê vào vĩnh viễn.
Giờ mắt ngó giờ bàn chân nhẹ - nhõm
Giờ bàn tay êm mát xóa mê tơi
Điệu bao ta buồn thúc - thích không lời
Sầu tuyệt vọng em ơi em có thấy
Tôi gửi trọn linh hồn tôi lên mãi
Động vào trăng và quần quít trong mây
Đời rủ theo hoa lá rụng rơi đầy
Tôi yên lặng biết nói gì thêm nữa
Lượn thời khắc ráng đùa chơi một thuở
Nhìn hoài tôi ngồi cạnh mãi, gần thêm
Chiều sắp tan ngay sắp biến trong đêm
Hoa lá sắp gục đầu vào lặng lẽ.



Vời hơi thở với linh gêu sóng bề
Đòn - đập mau em nhé một đêm nay
Mỗi mắt buồn nghe thấm lạnh tương lai
Kéo tay áo che làm gì nước mắt ?

Sa - Giang TRẦN - TUẤN - KIỆT



GIẢI NOBEL

Văn-chương 1961

IVO ANDRIC

GIẢI thưởng Nobel về Văn-chương Quốc-tế năm 1961, vừa được tặng nhà Văn Nam-Tư IVO ANDRIC, trong tháng Mười-một Dương-lịch. Chúng tôi xin giới-thiệu cùng bạn đọc Phổ-Thông nhà Văn lý-tưởng này, nhà Văn của Cách-mạng, của Tự-Do, của Hy-vọng.

● Ivo Andric là ai ?

Sinh năm 1893 tại Bosnie, xứ Yougoslavie (ta bắt chước theo Tàu thường phiên âm là Nam-Tư-lập-phu), năm nay ông đã 68 tuổi. Hồi nhỏ học Trung-học ở Sarajevo, rồi học Đại-học & Zagreb. Năm 25 tuổi, ông xuất

bản tập thơ đầu tiên, đã có tiết-lộ chân-tài, nhưng chưa được ai để ý, lại còn bị bọn nhà văn ganh-ghét chỉ-trích, chê-bai. Năm đó, ông đã thổ-lộ tư-tưởng sau đây :

« Không có chân-lý nào khác hơn chân-lý của Đau-khổ, không có thực-tế nào khác hơn thực-tế của Đau-khổ ».

Cũng năm ấy, ông có xuất-bản tại Zagreb một tập hồi-ký, nhan đề : *Ex-Ponto*, ghi chép lại những ý-nghĩ của ông trong lúc bị ở tù.

Thời Quân-chủ, ông được cử làm Đại-sứ tại Berlin. Hiện nay

ông là một nghị-sĩ trong Quốc-hội Liên-bang Yougoslave.

Ông là người yêu-chuộng tự-do, ông không theo Cộng-sản. Ông cũng không bao giờ xu-phụ những cái tầm-thường của thời-dại ông ở xứ ông. Ông đã tỏ ra là một nhà Văn, nhà Thơ độc-lập trong tư-tưởng cũng như trong hành-vi. Vì thế nên những kẻ ngoan-cổ, tranh giành địa-vị, thù ghét ông mà dân-chúng thì yêu ông.

Ông là một nhà cải-cách trong văn-học-sử Yougoslave. Những tác-phẩm của ông, như « *Nhật-ký của Traumnik* », « *Cô* », « *Các ông Lãnh-sự* », « *Trên cầu sông Drina* » đều mang dấu-vết cả một thế-hệ của ông, đầy những tư-tưởng tự-do, bác-ái, công-bình, nhân-đạo. Bất cứ trong tác-phẩm nào của ông, cũng diễn-tả thâm-dậm những nét đau-khổ của con người, những hận hoai của dĩ-vãng, những bi-ai của hiện-tại, những nỗi-niềm hy-vọng của tương-lai. Đời ông thật lắm gian-truân, vào tù ra khám (ông vào tù lần đầu tiên năm 1914, vì bị tình-nghị tham-gia phong-trào cách-mạng). Rốt cuộc, cả cuộc sống xao-loạn ấy đã kết-tinh dần

dần trong tâm não ông thành một lý-tưởng nhân-đạo mà kết-cấu vẻ-vang nhất ngày nay, trong lúc tuổi già, là giải thưởng Nobel Văn-chương Quốc-tế năm 1961. Giải thưởng này được 250.000 tiền Thụy-điển (trên 2 triệu đồng bạc Việt-Nam hiện giờ).

Dưới đây, chúng tôi xin trích dịch vài đoạn trong quyển « *EX-PONTO* » của ông, hồi-ký lúc ở tù.

● HỒI - KÝ

★ Tự-do và Nhân-đạo

Những tư-tưởng yên-tĩnh buổi sáng sớm.

Bây giờ tôi thấy : Khi người ta không mất hết tất cả, cái đã mất đó mới là ghê-gớm, vì mất một ít thôi mới là đau-khổ, mới trào ra ngăn-lệ. Xem những gì còn lại, và có thể đo lường được cái vĩ-dại của những gì đã mất, thật là cực-lòng ! Nhưng nếu một khi mình đã mất hết tất cả, thì mình lại thấy nhẹ-nhàng, đó là cái nhẹ-nhàng vô-danh của đau-khổ cùng-cực. Tôi thấy tâm hồn nhẹ-nhóm, nhẹ-đến đổi-tới

muốn bay bổng lên mây xanh.

Cái gì đã mất là ở trong lương-tâm tôi, nhưng không có sức nặng và mùi vị tâm-khổ của mọi vật trên trần-ai. Bây giờ tôi lại có tất cả những gì tôi đã mất, tôi đã tạo lại, đã tô-diểm cho thêm tươi đẹp hơn trong ký-ức của tôi. Hơn nữa, bây giờ tôi có sự tự-do rộng lớn của kẻ chẳng có gì cả, và sự yên-tĩnh của kẻ đã vượt qua mọi Đau-khổ và vươn lên trên mọi bé-thấp, để tự mình cao được bằng mình.

Cuộc đời phiền lụy lắm, cuộc đời quá ngắn-ngủi, đó là chưa nói đến một nửa cuộc đời phiền-lụy và ngắn-ngủi ấy đã bị lạc-long trong đồ-kỵ, trong hiềm-khích lẫn nhau vì không hiểu nhau.

Ồ ! Xin dứt tất ngọn lửa ganh ghét oán - thù đi ! Loài người cần - thiết cho loài người, và không có thể nào sống được nếu không tha thứ lẫn nhau. Tất cả loài người đều cần-thiết. Tất cả, từ bà già kia đã bồng-bể tôi trong tay bà khi tôi mới ra đời, cho đến người qua đường không quen biết khi thấy

thiên-hạ sẽ khiêng xác tôi đem chôn xuống huyết mã, sẽ cất mũ chào tôi, để chúc tôi yên giấc nghìn thu...

★ Trong tù, nhớ người yêu.

... Em đi đâu đó, Hélène ?

Im-lặng và bóng tối. (Đêm tuyết rơi, mà đi về trễ, khổ xiết bao, em nhỉ !) Các màu sắc đều tắt. Các âm-thanh đều chết. Tất cả im - lìm, trắng toát một giấc ngủ. Trong rừng sâu một nhánh cây gãy dưới tuyết, y như trái tim của cây đang nức-nở.

Em đi đâu đó, Hélène ?

Đây là năm mã của tất cả các dấu-vết và các kỷ-niệm. Tuyết đã trùm lên các năm mã của mùa hè, tấm vải trắng lịm tất cả những người chết và những người sống...

Hélène ! Hélène !

Giờ đây, nàng thiếu phụ ấy đang yêu ai ? Nàng thiếu-phụ trẻ đẹp mà ta đã gặp trong một buổi sáng mùa hè, chín ửng hồng

trong 16 xuân xanh, lạ nhỉ, bỗng đứng sao sáng nay lại hiện ra trong trí nhớ của ta ?

Giờ đây, nàng thiếu-phụ ấy đang yêu ai ? Ta đã gặp trên cánh đồng quê xứ Ukraine một đóa hoa ửng đỏ, tròn-trịa, vun đầy. Nhụy hoa ngào-ngạt hương thơm, ta đã uống mật hoa, lòng hoa nở những cánh hoa hồng tươi, ngát-ngày trong gió sớm.

Giờ đây, nàng thiếu-phụ ấy đang yêu ai ? Giữa nàng và ta, chẳng hề có một lời. (Ta không hiểu tiếng nói của xứ nàng), và mối liên-quan giữa nàng và ta cũng chẳng có một cái tên. Dưới vòm trời đầy sao, ta đã yêu nàng đến mỗi một, và đến đêm khuya ta nằm lăn trên cỏ, đầu ta gối trên chân nàng. Nàng là một người đàn-bà trời sinh ra để yêu, và nàng đã tặng ta tất cả tình yêu câm-lặng, với tất cả nước mắt âm thầm, nhưng ta hiểu nàng lắm-bắm : « em yêu anh ! »

Giờ đây, nàng thiếu-phụ ấy đang yêu ai ?

★ TA ĐI SỐNG

Thượng-đế với Thi-nhân.

— Tiếng nói của con, Con ơi, giống như tiếng cánh cửa nhà Lao kiều kéo-kẹt... Con hãy ra nhìn ánh sáng của mùa hè, con ơi ! Con thấy gì trong ánh sáng của mùa Hè ?

— Con thấy đất hùng-mạnh, trời mênh-mông vĩnh-viễn, người yêu-duối, chnóg tàn.

— Con thấy gì trong ánh sáng mùa Hè, hỡi con ?

— Con thấy tình-yêu ngắn-ngủi, lòng khao-khát vô-cùng.

— Con thấy gì trong ánh-sáng mùa Hè, hỡi con ?

— Con thấy cuộc đời là một sự vật bị xáo-loạn trong bất công, trong khổ-não, con thấy sống là kẻ-tiếp lửa-gạt này đến lửa-gạt kia.

— Con ơi, con muốn nhắm mắt ngủ cho quên hết không ?

— Thừa Cha, không, con ra đi để SỐNG.

(Nguyên-tác bằng chữ Serbo-Croate của IVO ANDRIC (Jacqueline Prévost dịch ra Pháp-văn, Tân-Phong dịch ra Việt-văn)

TUẦN.

★ NGUYỄN-VỸ

CHÀNG TRAI
NƯỚC VIỆT1910
1960*Dẫn chứng lịch sử
và xã hội hiện đại*

(Xem từ P.T. số 54)

NÓ I đứng ra, từ ngày Trần - anh - Tuấn vào làm việc trong Tòa-sứ, hoàn-cảnh gia-đình của Tuấn đã thay-đổi khá nhiều. Dĩ-nhiên, hoàn-cảnh mới cần phải thích-hợp với địa-vị mới của chàng vì chàng đã được công-nhận là một thanh niên trí thức Tây-học, đứng đầu trong Tòa-sứ cũng như đứng đầu trong cả Tỉnh, chưa ai so-sánh kịp. Chịu theo lời khẩn cầu của Tuấn, Chú Ba, thân-sinh của chàng, không làm nghề thợ-mộc nữa.

Không phải Tuấn chê cái nghề ấy là hèn-hạ, Tuấn không bao giờ có ý-nghĩ trưởng-già như thế. Trái lại, sinh-trưởng trong gia-đình bình-dân, Tuấn luôn luôn có tư-tưởng bình-dân, và thích thân-cận với giới bình-dân hơn là giới

Thượng - lưu phong - kiến. Nhưng số lương-bổng mỗi tháng của Tuấn có thể cung-cấp đầy đủ cho gia-đình, mức sống hằng ngày có thể tăng lên phần nào, khỏi cần phải sức làm việc lao-động của người cha già như trước nữa. Tuy đã được thắm nhuần sớm hơn và sâu-đậm hơn cái phong-trào văn-minh tinh-thần và vật-chất của người Pháp đang tràn ngập dần-dần khắp các tầng lớp xã-hội Việt-Nam, Tuấn vẫn giữ được căn-bản tinh-hoa của giống-nòi mà lúc bấy-giờ người ta thường gọi là « Quốc-hồn, Quốc-túy » của dân-tộc Việt-Nam. Tuấn thường bảo cha : « Thừa Cha, hời con

còn nhỏ dại, Cha phải làm việc cực-nhọc để nuôi sống gia-đình, nay con đã đi làm có tiền, con có thể nuôi cha mẹ và em con, Cha Mẹ cứ nghỉ chơi cho khỏe, để dưỡng tuổi già. »

Bà con hàng xóm và trong làng, trong tỉnh, đều khen Tuấn là có hiếu. Họ rất tán-thưởng ý-nghĩ của Tuấn, và cũng khuyên Chú Ba nên nghỉ nghề thợ mộc. Chú Ba nể lời « anh Phán nó », — Chú thường gọi Tuấn như thế, — và cũng nghe lời bà con xóm làng, không còn xách cái giỏ đựng cưa, bào, chàng, đục, ống mực, cây thước, đi làm thuê và cưa cây đóng bàn cho thiên-hạ, để kiếm vài trăm quan-tiền như trước nữa.

Nhưng bây giờ, nhờ lương bổng của Tuấn có dư-dã ít nhiều, và tiện-tận góp-nhóp được vài ba chục đồng bạc, Chú Ba đem khả-năng nghề-nghiệp của mình điều-khiển một số thợ mộc em út để xây cất một căn nhà mới cho gia-đình của chú, và tự chú đóng thêm bàn, ghế, tủ, giường, toàn mới cả.

Mái nhà vẫn phải lợp tranh, vì giá gạch ngói còn đắt, nhưng

gian nhà mới bằng gỗ đã được rộng lớn hơn túp nhà lá lụp-xụp trước, sáng-sủa hơn, sang trọng hơn.

Và đối-liên thiên-hạ đi mừng tân-gia, mừng « Thầy Thông Phán đầu Tòa », toàn bằng chữ Nho, treo la-liệt kín hết các vách tường bằng ván.

Chú Ba và thím Ba chỉ có hai con trai ; Tuấn và đứa em của Tuấn, cậu bé này từ khi sinh ra vẫn chưa có tên.

Thời bấy giờ không có Hộ-tịch, lấy chồng lấy vợ khỏi làm giấy hôn-thu, miễn có mời làng xã đến ăn- uống, chứng-nhận cho thể là được rồi. Sinh con cũng khỏi có giấy khai-sinh. Chính tên « Trần-anh-Tuấn » cũng do Thầy giáo đặt cho thằng Chuột hời nó bắt đầu bị « Nhà nước bắt phải đi học ».

Vì chú Ba thím Ba hiếm con, sợ đặt tên tốt đẹp cho con sẽ bị Ma quỷ bắt mắt, nên chú thím theo tục lệ thông-thường lúc bấy giờ, tục-lệ này được áp-dụng không phải riêng trong giới dân nghèo, mà cả trong các gia-đình Quan-lại, quý-phái nữa, — cứ tìm những

tên rất xấu-xí, để « Ma chê quỷ hờn », không thềm đụng-chạm tới đứa nhỏ.

Em của Tuấn, được đặt tên lúc ra chào đời, là thằng « Bọ-Hung ». Nhưng bây giờ nó đã được 9 tuổi. Tuấn muốn cho nó đi học trường Nhà-nước ở tỉnh, và bàn với Cha Mẹ, đặt « tên chữ » cho nó. Chú Ba bảo Tuấn : « Hai anh em mày mặt mũi giống nhau như đúc. Vậy tên mày là Tuấn, thì tao cũng muốn đặt cho nó tên Tuấn. »

Thím Ba cũng gật đầu. Thím vừa nhai trầu bóm-bẻm, vừa cười : «Ừ phải. Thằng Bọ-Hung sao mà nó giống mày như hai cái bánh in chung một khuôn vậy đó ! Nó giống từ cái mặt, cái tay, cái chun, cho tới bộ đi, bộ đứng, giọng nói, giọng cười, giống hệt vậy hê ! Nhờ Thầy Giáo đã đặt cho mày tên Trần-anh-Tuấn, mày mới làm nên danh-giá, vậy thì cũng đặt tên cho em mày là Trần-anh-Tuấn, để nó được hưởng cái lộc của mày. »

Tuấn cười bảo : « Thừa Mẹ, như thế trùng tên sao được ? »
Chú Ba bảo : « Sợ trùng tên,

thì mày là Trần-anh-Tuấn, nó là Trần-em-Tuấn. »

Thím Ba lại vồn-vã tán-thành ngay :

— Mày là anh, thì tên mày là Anh-Tuấn, nó là em thì tên nó là Em-Tuấn, phải đấy.

Bọ Hung ngồi ngạch cửa, ở trường tròng-trục, với chòm tóc trên đầu, cũng nhe răng cười :

— Con cũng muốn tên của con giống tên anh Hai. Cái gì của con cũng giống anh Hai con mới chịu.

Cả nhà cười rồ lên. Trần-anh-Tuấn thấy thế, đành chịu theo ý muốn chung của cha mẹ và em.

Thế là thằng Bọ-Hung từ đây được đặt « tên chữ » là Trần-em-Tuấn. Nhưng về thực tế, người ta sẽ gọi nó là Tuấn em.

Sáng hôm sau là ngày nhập học khởi đầu niên-khoa 1919 - 1920, Phan Tuấn giắt Tuấn-em đến trường Pháp-Việt « *Ecole de Plein Exercice* », xin cho Tuấn-em vào lớp Năm.

Cũng kỳ nhập-học này, thầy ký Lê-văn-Thanh xin cho đứa em út

của thầy vào học cùng lớp với Tuấn-em. Tên nó là Lê-văn-Lục, 7 tuổi, nhỏ hơn Tuấn-em hai tuổi.

Trường Nhà-nước bây giờ đã đông học-trò hơn mấy năm trước nhiều. Dân thành-phố ở tỉnh, cũng như dân quê ở các Phủ-huyện, các làng, đã lần-lượt cho con đi học chữ Quốc-ngữ và chữ Tây. Lý-do thực tế là họ thấy uy-quyền của « Chính phủ Bảo-hộ » đã vững, cho con đi học, thì đỡ, làm việc ở các Tòa, các sở như Ký Thanh, Phan Tuấn v.v... vừa được tiền lương nhiều, lại vừa được danh-vọng. Trái lại, họ cũng thấy rằng cựu-học đã tàn, chữ Hán đã bắt đầu bị chữ Quốc-ngữ và chữ Pháp thay thế.

Các ông Tú, ông Cử, ông Nghè, không được trọng-dụng nữa.

Cũng năm 1919, nhà Vua đã ban sắc-chỉ bãi-bỏ các kỳ Thi-Hương, Thi-Hội (Hán-học) trong toàn cõi Trung Bắc Kỳ. Hán-học đã chính - thức bị đào - thải. Chính các Quan Phủ quan Huyện của Cựu-trào trước kia vẫn phân-đổi chữ Quốc-ngữ, chê nó là « không phải chữ của

Thánh-Hiền » bây giờ cũng phải kiếm mời Thầy Giáo về nhà dạy cho các Quan học A, B, C... Quan Huyện Mỗ không những tự mình đi tỉnh mua bút, mực, giấy-tây, để về nhà học và tập viết chữ Quốc-ngữ, mà Quan còn bắt bà Huyện và các cậu con trai, các cô con gái của nhà Quan cũng phải học « Văn xuôi, văn ngược ». Buổi sáng và buổi chiều, các Quan làm việc ở công-đường, còn tiếp tục phê các đơn-trương, giấy-tờ bằng chữ Hán, nhưng buổi trưa, buổi tối, trong Tư-thất các Quan Phủ, Quan Huyện, vang lên tiếng bập-bẹ đồng-thanh, ồn-ào, vui vẻ, của các Quan và cả gia-đình những chữ « dị-kỳ » : Ba, bà, bá, be, bè... ác, át, an, ang, áp, am...

Quan ông, quan bà, các cô, các cậu, vừa tập đọc, vừa cười rần-rộ. Các chú lính-lệ đứng quạt hầu cho Quan lớn và Bà lớn, hoặc vòng-tay đứng chờ lệnh Quan sai những công việc lật vạt, đều cười khúc-khích với nhau, ngo-ngơ ngác-ngác chẳng hiểu chi cả.

Trong thời gian ấy, học-trò lớp Năm các trường « Nhà nước »,

đã thuộc văn Quốc-ngữ trong một tháng khai-giảng đầu tiên, rồi tiếp đến học cửu-chương bằng chữ Hán (*Cửu-cửu bát-nhiết, bát-cửu thất-nhi...*) để làm toán cộng toán trừ, và học... *Vocabulaire* tiếng Pháp!

Lên lớp Tư (Lớp Dự-bị) đã học chữ Pháp nhiều hơn, ở lớp Ba (Sơ-dã) học chữ Pháp nhiều hơn nữa, lên đến lớp Nhì và lớp Nhứt thì các môn học hoàn-toàn bằng Pháp-ngữ.

Song-song với phong-trào học chữ Quốc-ngữ và chữ Tây được thịnh-hành và truyền-bá rất nhanh chóng trong các tầng lớp dân-chúng, đời sống vật-chất của xã-hội Việt-Nam, từ năm 1919 cũng đã thay đổi rất nhiều và rất mau lẹ.

Tuy ở các tỉnh đèn điện chưa có, nhưng « dầu hỏa » đã được bán khắp các phố, các chợ, trong những thùng thiếc lớn từ Huế. Kỳ chở qua. Đèn Huế-Kỳ, một loại đèn bằng thủy-tinh, để thấp với dầu hỏa, cũng được bán trong các tiệm buôn Tàu và Việt từ Tỉnh đến thôn quê. Chỉ nhà nghèo mới tiếp-tục thắp đèn dầu.

phong, hoặc dầu dừa, mỡ heo.

Tại tỉnh, hai bên đường phố ban đêm chưa có đèn Nhưng ở các ngã-tứ đã có những trụ đèn bằng sắt, đúc và chạm rất đẹp, ở bên Tây đem qua. trên ngọn có một thứ đèn chung quanh lồng kiếng, và thấp bằng hơi acétylène. Người ta thường gọi là *đèn hơi đá*, hay là *đèn carbure*. Cứ vào khoảng 7 giờ chiều, có một người lính vác một chiếc thang trên vai, tay xách một xâu



đèn carbure, đi đến từng ngã-tứ thành-phố, nơi có trụ đèn. Anh dựng thang vào trụ, rồi cầm một chiếc đèn, leo lên thang.

Gần đến ngọn, anh đưa tay lên mở một cửa kiếng, đặt đèn vào trong, (trong đèn đã có sẵn bốn cục đá carbure và nước). Anh cầm một que diêm (loại diêm hân rất thông dụng, do một Thợ sản xuất tại Hàm-Rồng miêng). Anh châm lửa kẻ lửa phụ chiếc đèn, tự nhiên trong đèn đo hơi acétylène

Đèn carbure

xanh-đỏ, mát một ánh sáng vùng chu-vi bốn-ta được một rồi, anh lính treo xóc. Xong lên vai, tay còn xách chiếc đèn nữa, đi lần-lượt chiếc trụ đèn khác. Cứ cách ứng chục thước, nơi các con hẻm lớn, mới có một trụ đèn carbure.

Tất cả các đường khác, tối om-om.

Thường thường một chiếc đèn là « Quan Tuần-Vũ », rồi carbure ngoài đường chỉ cháy lâu các « Quan Tây ». Chỉ có được 4 tiếng đồng-hồ thôi. Thành lập mình « Quan Công-Sứ » thử, chú lính coi về việc thắp đèn thắp xe hơi (Auto) mà phải đi thay carbure mỗi đêm 3 của kiểu Delahaye. Xe-kéo

lần, bắt kể mưa gió, vào khoảng 7 giờ tối, 11 giờ khuya và 3 giờ sáng. Mỗi lần, anh phải vác cái thang đi và xách theo một thùng đá carbure, và một thùng nước lã. Lương của anh mỗi tháng 2 đồng bạc.

Riêng trong vườn Tòa-sứ và chung quanh dinh-thự ông Sứ, treo các loại đèn bằng đồng, bóng đèn thật dày, gọi là « *Đèn Tempête* », giống như loại đèn « *de sûreté* » của thợ mỏ.

Các nhà giàu sang, đều thắp đèn dầu-hỏa. Nhưng họ thắp rất hà-tiện, vì giá dầu đắt lắm: nó gần như là xa-xỉ-phẩm hồi 1919. Trong các gia-đình người Pháp cũng thắp đèn dầu-hỏa.

Xe máy (xe đạp) chưa có ở các tỉnh. Nhưng xe-kéo đã có nhiều hơn trước, hầu hết là xe bánh sắt. Đầu năm 1920, mới bắt đầu xuất hiện vài ba chiếc xe-kéo bánh cao-tô. Người dùng xe này trước

chú lính kéo, chú mặc áo « kẹp-nẹp », đội « nón gù », đi churen không. Mỗi lần ông Tuần đi đâu, chú lính kéo xe coi bộ cũng hãnh-diện, không kém gì Quan, ra vẻ « ta đây là người tay churen của Cụ lớn ».

Lê-văn-Thanh đã sắm được chiếc xe-kéo bánh sắt. Kể ra, thầy Ký có dư tiền sắm chiếc xe-kéo bánh cao-su, nhưng lúc đầu chàng còn e-dè : ngồi xe kéo bánh

cao su giống như Quan Tuần-Vũ, sợ vô lễ với Quan Tuần, chủ tỉnh « An-Nam ». Nhưng đi làm việc ở Tòa-Sứ, ngồi trên xe-kéo bánh sắt, cũng đã được thể-diện lắm rồi. Chàng vẫn muốn làm cao hơn Trần - anh - Tuấn, thầy Phán đầu Tòa mà ngày hai buổi vẫn lóc-cóc đi bộ, mang đôi giày Hạp-xạp-xụi cũ mềm.

(Còn nữa)



★ GIỜ PHÁP VĂN

Trong lớp học, giáo-sư đang giảng bài về Pháp-văn :

— Các trò có biết không, tiếng Pháp bao giờ cũng nói ngược với những câu trong tiếng Việt ta. Ví dụ muốn hỏi « Anh đi đâu ? » phải dịch ra tiếng Pháp là : « Đâu đi anh ? » (Où allez-vous ?)

Chợt giáo-sư trông thấy một học-sinh đang lơ-đăng nhìn ra ngoài cửa, vội kêu :

— Trò A cho một ví-dụ khác.

A đứng dậy lúng-túng, suy-nghĩ một lát rồi đáp :

— Ví-dụ muốn viết « Tôi yêu cô » thì phải đổi lại là : « Cô yêu tôi ».

P. T. (Nha-Trang)

MẤY LỜI NÓI ĐẦU. — Truyện ngắn sau đây của Norah Burke, một văn-sĩ Anh, được giải thưởng thứ nhất về truyện ngắn quốc tế năm 1954—1955, đồng hạng với truyện « ME VÀ CON » của văn-sĩ Nhật Juran Hisao.

Truyện tả cảnh nghèo khó của một gia-dinh ở một xứ hậu tiến, nền y học mới chưa thấm nhuần đến các vùng thôn dã rừng núi, ở đây ốm đau thường chỉ chữa bằng những phương pháp sơ sài, cổ lỗ. Trong truyện ngắn « EM TÔI, EM TÔI » Norah Burke làm nổi bật sự can đảm, lòng yêu thương dứa em nhỏ của một thằng bé 12 tuổi, vượt núi băng rừng, tranh đấu với tử-thần từng giây từng phút để cứu em.



EM TÔI

EM TÔI

EM M thằng Sinh nằm trong lều. Nó đau bụng và cơn đau mỗi lúc mỗi tăng. Thằng Sinh cũng còn nhỏ, chưa đầy 12 tuổi. Màu da nâu nâu, tính tình thì thật vui, nó quả là một thằng bé tiêu-biểu cho bọn trẻ sống trong rừng rậm. Em nó kém nó nhiều tuổi. Giữa hai chúng nó, cổ nhiên còn những dứa khác nữa, nhưng chúng đều chết cở, dứa chết về bệnh tả, dứa chết về bệnh cúm, và trăm ngàn thứ

★ Norah Burke

● VŨ-MINH-THIỆU dịch

trương tự, hoặc chết về các tai nạn trong rừng sâu. Cha mẹ nó chỉ còn nó và em nó thằng Công-hoa.

Mẹ hai đứa trẻ nói :

— Đề tao tắm nước nóng giẻ rách, chườm bụng cho Công-hoa.

Nàng không cười, không khóc. Những việc này vẫn thường xảy ra luôn...

Sinh hỏi mẹ, cảm thấy mình cũng ốm lây vì lo sợ em ốm :

— Con phải làm gì bây giờ ? Con đi tìm củi đốt lửa nhé ? Con đi lấy phân bò hay đi xách nước ? Mẹ để con xé giẻ.

Nó cuống cuống chạy tìm mọi thứ.

Nó ném nhiều củi vào lò cho nước chóng sôi. Nó chườm bụng thằng em bằng những giẻ, hơi nóng bốc nghi ngút. Nhưng một lúc sau, mẹ nó bảo :

— Thôi, phải đem em mày đi nhà thương Kz-la-gát.

Thằng Sinh hiểu ngay rằng em nó sắp chết. Khi mẹ nó nói hai chữ «nhà thương», nó hiểu ngay, vì tất cả những người sống trong rừng rậm đều biết rằng nhà

thương là hy vọng cuối cùng cho những kẻ gần đất xa trời. Có vật gì làm nó ghen ngào không nói được, sau nó kêu lên :

— Con đi tìm bố nhé !

— Mày sẽ mất hàng mấy ngày mới tìm được.

Cha thằng Sinh nổi tiếng trong vùng là người can-dảm. Hai chữ can-dảm người ta thường gọi liền với tên chàng chứng tỏ những thành-tích của chàng. Chàng sinh sống ở đây, trong làng La-hoa-ni, chăn nuôi mục-súc, cấy cấy khoảng đất của mình, nhưng mỗi khi có cuộc thám hiểm trong rừng rậm, săn thú dữ, bắn giết hay chụp con ác thú nào, người ta lại tìm đến chàng.

Ở rừng núi nào không có hồ, chàng cũng tìm ra hồ. Chàng nhìn đám cỏ khô và chỉ dẫn rõ ràng cho biết đã có những con thú nào qua đây. Chàng lắng nghe tiếng thú gọi nhau và nói : « Một con báo vừa ăn một con hoẵng và bọn này còn trông thấy kẻ thù với mỗi của nó »

Một cái sẹo dài chạy suốt từ đầu, cổ đến vai chàng. Đó là vết cào của con hổ, cào đến tận xương,

trong một buổi kia chàng vật lộn với mãnh thú để cứu bạn. Ở chân chàng có một vết đốt còn sẫm đen, đó là vết rắn cắn, chàng đã khoét vết thương và đốt. Một bàn tay chàng thiếu hai ngón và mặt thì chẳng chịt những sẹo. Có một ngày kia, chàng đã vượt rừng rậm, đi liền tám cây số, lấy khổ buộc chặt bụng, để ruột khỏi sỏ ra ngoài vì vết thương sâu ở bụng. Chàng thật xứng đáng là người can-dảm. Và nay, chàng đang ở xa, trong rừng thẳm với một đoàn thám hiểm đi chụp hình. Những bọn đàn ông và trai tráng trong làng cũng đều vào rừng sâu làm nghề lừa thú cho người săn bắn.

Trong túp liều cỏ, tường đất, thằng Công-hoa nằm trên một đệm cỏ giải trên mặt đất. Nó khóc, thỉnh thoảng lại bật ho vì khó thở, nhưng vẫn không cựa quậy, người giá lạnh.

Thằng Sinh cũng can đảm như bố, nhìn em và như trông thấy từ thần ở cặp mắt em.

Nó nói :

— Ở làng, trai tráng không còn ai, vậy đề con dẫn nó đi.

Mẹ nó phải ở nhà chăn nuôi súc vật, cấy cấy, nếu không cả nhà sẽ chết đói và cả hai mẹ con đều hiểu thế, không cần phải nói ra. Nhưng nàng là một người sinh trưởng ở rừng núi, nàng hiểu đeo một gánh nặng khó nhọc thế nào. Nàng sinh sống ở trên đỉnh núi cao, ở phía trên kia, ở mãi trên cao, cao hơn hẳn những dãy đồi thấp bao bọc làng La-hoa-ni và nàng hiểu hơn ai hết cách buộc một tấm vải qua trán để đeo một vật nặng, buộc cách nào để tất cả các bắp thịt cổ và vai có thể làm việc một cách đặc lực, làm cho người ta có thể mang nặng mà băng rừng vượt núi hàng ngày không than phiền khó nhọc.

Nàng lấy một trong hai chiếc giày lưng của nàng, chẳng qua trán và cổ thằng Sinh, rồi đỡ thằng Công-hoa, lúc này đau đớn quá, người gập làm hai, đặt vào chiếc giày lưng.

Thằng Sinh cảm ngay thấy sức nóng thiêu đốt của em thấm qua chiếc giày lưng vải. Nó cảm thấy nặng và tự hỏi không biết sẽ xoay sở ra sao đề đến nơi được.

Mẹ nó nói :

— Con công em nặng lắm sao ?

Nàng nói khẽ, về thất vọng :

— Con sẽ không thể đến nơi được.

Thằng Sinh không nói gì và bắt đầu lên đường.



Lúc đó là buổi chiều. Những đốm tranh trong làng La-hoa-ni đều nhuộm một màu vàng đỏ. Chung quanh làng giải dài những thửa đất cày cấy, những cánh đồng cỏ người làng thả mục súc ra ăn, những hàng rào gai và khu đất rào nhốt mục súc. Rồi cạnh đấy, có một cánh đồng cỏ rộng, người ta đã đốt cháy để bảo vệ cho làng khỏi bị cháy lây vì những cuộc đốt rừng. Xa xa là rừng rậm.

Thoạt đầu là rừng hoang, cỏ cứng rắn và gai, rồi đến rừng cây «sên» (1) cao lớn, người ta vẫn lấy gỗ làm tà-vẹt đường rầy con đường xe lửa Ka-lag la-gát. Con đường xe lửa cách đây ít nhất gần tám mươi cây số ngàn và thằng Sinh hy vọng vượt khu rừng rậm và hai con sông để sau đó đến đoạn cuối có thể đi xe bò

hoặc một chiếc cam-nhông cũ kỹ nào.

Nhưng nó chưa đến khúc đường đó. Ở đây, con đường nhỏ chỉ chít những vết bánh xe bò và chân nó đi bắm đầy bụi cát. Nó đi, một mình trong đêm tối, trên con đường mòn xuyên qua rừng sâu. Nhưng thật ra cũng không phải có một mình nó. Vốn sống quen trong rừng, nó cảm thấy mỗi bước một ngại ngùng, giữa lúc ấy, một con rắn hồ mang sượt mình dưới ánh nắng cuối ngày ở trên đường mòn nhỏ, cuộn mình lại và vờn đầu lên, rít một tiếng mạnh. Thằng Sinh sợ lạnh cả người. Nó đứng dừng lại, rồi dần dần nó lùi. Con rắn đưa đầu đi đưa đầu lại, chăm chú nhìn nó, lưỡi thè ra rụt vào. Nhưng con rắn vầy đẹp kia với hàm răng chứa toàn chất độc, cũng chỉ muốn rời nơi này như thằng bé vậy. Và thoát một cái, con vật đã biến vào bụi cỏ rậm.

Thằng Sinh thở nhẹ nhàng. Sự sợ hãi chói buộc hai chân nó lại nay đã cởi mở cho nó đi. Em

(1) thứ cây ở địa-phương này.

nó, thẳng Công-hoa cựa cựa và rên rĩ trên lưng nó, nay nó cảm thấy đeo nặng quá. Nếu được nghỉ, để cho bắp thịt được thoải mái một chút sau khi cố gắng quá nhiều, còn gì sung sướng bằng ! Nhưng nghỉ bây giờ khi sớm quá, nó lại gắng gượng đi.

Xung quanh nó là rừng già, ở đây giữa cây cối và vụn vặt, cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn không ngừng từ thửa khai thiên lập địa. Những bụi tre xanh tốt tua tủa đâm những cành non, những chụm xương rồng, gai góc gắng tìm không khí. Đầu đầu cũng là cây cối, bụi rậm, giầy leo và cỏ hoang.

Rừng còn là nơi trú ẩn của súc vật và chim muông : vượn và khỉ giọng khàn khàn kêu inh ỏi, hồ, báo, gấu, voi gầm vang động. Hươu nai vì bị săn bắn và đánh bẫy nhiều nay thưa vắng, nên các loài ác thú hay săn bắt cả người và gia súc.

Màn đêm dần dần bao phủ núi rừng Trời ngả màu tím và đen sẫm. Trên nền trời, sao bắt đầu mọc. Thằng Sinh có cặp mắt tinh sáng, nên vẫn trông rõ đường đi. Sau mặt trăng lộ lên. Những vết

chân gấu, bàn chân trước vuông bàn chân sau dài, còn in trên cát bụi, với những vết móng chẳng chịt, làm nó sợ hãi vô ngần. Có bận nó trông thấy một người bị gấu vồ, mặt bị cào sứt hết.

Nó vội vã đi.

Nó đến một mỏm núi cao, dưới có con sông nhỏ chảy. Nó thấy không sao bước được một bước nữa. Mồ hôi đổ ướt thấm hết áo quần làm nó run lẩy bẩy. Nó cời chiếc băng vải trên trán và khế đặt em nó xuống một gốc cây.

— Ôi ! Ôi ! Ôi ! Công-hoa khê kêu.

Sinh khóc và bảo em :

— Anh còn biết làm thế nào ? Nhưng ngay lúc đó, Công-hoa lại mê man, nói lầm nhảm. Bỗng Sinh thấy khắp người đau đớn vô hạn vì nghỉ chân, các bắp thịt mới thấy tê buốt lạ lùng. Ngay ở chỗ thắt buộc băng vải, máu nay lại chảy đều hòa làm nó như buốt quá. Nó nằm ngủ dưới gốc cây, mắt nhắm lại để lấy sức.

Ngay lúc đó, nó lại nghe tiếng voi rít trong rừng sâu vang động lại. Voi ít khi qua rừng không

gầm thét, và đàn voi nay ngược giòng con sông Nu-lát để tìm các cánh đồng cỏ mới. Thăng Sinh khoan khoái vì biết mình xa lạch nước và ở trên đỉnh núi.

Dưới chân nó, con sông lóng lánh như bạc dưới ánh trăng. Ở hai bờ sông, những bãi cát lẫn đá sỏi nằm giải dài. Những giải cát dài chạy theo con sông và trên giải cát đó, đàn voi đi, để lại những vết chân xáo trộn vết này với vết khác, lúc voi đi tưởng như cả một khu rừng di chuyển.

Thăng Sinh nhìn thấy những con voi cái, voi con và một con voi đực già, bọt mép màu xám như dầu chảy trên gò má, báo hiệu rằng lúc này nó sẵn sàng săn đuổi người để quật chết ngay. Tai chúng đập mạnh, đuôi ve vẩy, bóng chúng in hình đen trên bãi cát trắng. Chúng đi gần thăng Sinh quá, thăng bé ngủi cả thấy mùi hôi của đàn voi, nghe thấy rõ ràng tiếng chân voi dẫm trên cát và tiếng chúng đi cọ sát vào nhau.

Nó nhìn thấy cả đàn voi lắc lư, những cái đầu to kềch sù đưa

đi đưa lại, và những cái lưng lớn đen. Con voi đực nghếch vòi lên để hít gió xem gió có đưa lại mùi gì khác lạ không. Rồi bỗng nó ngấp ngừng đứng lại. Cái vòi lớn gần đụng vào hai đứa trẻ. Thăng Sinh run lật bật. Đeo thăng Công-hoa trên lưng, nó không thể chạy mà cũng không sao leo cây được. Nếu nó thét lên, chỉ làm cho xảy ra tai họa ngay. Nó cầu khẩn, cầu khẩn mãi, nhưng chẳng khác gì đàn chim, những bài kinh đều bay ở đầu óc hải hùng của nó đi mất cả.

Con voi đực rống lên, vòi đảo lộn, lắc lư đầu. Rồi bỗng như tức giận, nó chạy và cả đàn voi đều chạy theo biến vào bóng tối.

Thăng Sinh vẫn lăm bầm cầu kinh, nhưng lần này cầu bài kinh giải tội và nó sửa soạn lên đường ngay. Nó buộc giải vải và đỡ em nó lên, nhưng không sao đứng lên được. Nó cố hết sức nhưng vô ích. Bỗng nó lại nghe tiếng voi rống ở xa vọng lại, một sức mạnh ở đâu làm nó chệnh choạng đứng dậy và bước đi. Nó ngả nghiêng đi đến bờ sông.

Trước kia, nó thường đến

đây và biết rằng về mùa này, trước khi tuyết tan ở trên đỉnh đồi, trước khi nước ở trên mỏm cao chảy xiết xuống vực, lội qua sông thật dễ dàng. Giòng sông rộng nhưng nông. Lắng nghe nước chảy trên đá sỏi cũng biết rằng mực nước sâu nông. Nó nhìn thấy một con cá hương từ cao trôi tuột xuống vực, lóng lánh như bạc dưới ánh trăng.

Thăng Sinh lội xuống giòng sông. Nước lạnh hơn thường nhật, trên mặt nước có phủ một màng nước lạnh buốt như đá và giữa giòng mực nước cao hơn mọi khi. Nó phải lội từ từ vì mắc bùn lầy và đá sỏi. Nó phải dò dẫm vì sợ ngã. Nước ngấp ngực nó, có lẽ tuyết đã tan và nước chảy từ trên cao xuống chăng?

May mắn có một chiếc cầu trên con sông thứ hai, nó nghĩ thế và tưởng như nhìn thấy, vì trí tưởng tượng của nó tiến nhanh hơn là nó đi. Đó là một chiếc cầu bắc sơ sài, nhưng vẫn là một chiếc cầu. Những vòng bằng tre đan, trong có đá đường chăng buộc kỹ thay thế những cột cầu. Giữa những cột đó, có bắc những cây tre buộc khít với nhau bằng những sợi cỏ

dầy, rồi trên sàn tre có giải đá sỏi vót ở lòng sông lên.

★

Khi thăng Sinh lội tới bờ, những giọt nước còn lóng lánh trên những vết chân của nó trước khi bị cát hút. Từ phía sông lại, còn thấy hiện ra những vết chân hồ, những vết này cũng lóng lánh nước và chỉ nhìn thoáng qua là những giọt nước đã bị cát hút khô.

Nó tiếp tục đi. Đi vào khoảng được một giờ nó lại nghỉ và lúc khởi hành càng khó khăn, mặc dầu nay nó đã tự mình đeo lấy được em nó lên lưng. Nó thở hồn hển và không ngăn được giọt lệ... Khoảng nửa đêm, nó nghe thấy tiếng nước réo chảy ở con sông thứ hai. Nó nghe thấy nước reo từ xa và tiếng nước réo chảy đều đều, đó là tiếng nước lụt. Khi nó đến gần sông quả là nước lụt thật.

Một tảng băng lớn có lẽ đã tan ngày qua. Nước sông tưởng như sôi nổi bọt lên. Nó tìm chiếc cầu, nhưng cầu đã biến mất. Nơi nước cuộn cao lên là chỗ cầu bị chìm ngập. Xác một con dê còn mắc vào lan can cầu. Cành cây dựng ngược lên như cánh tay

người chết trong cơn giông tố, bám chặt vào cầu trông chẳng khác những chum lông. Phía dưới cầu, những tảng đá rung chuyển vì sức nước chảy xiết. Thăng Sinh tưởng như nghe thấy giòng nước nghiêng rã. Rồi cả một thân cây lớn nhô hiện trên giòng sông, cứ thế theo đà nước trôi, mỗi lúc mỗi nhanh và sau cùng xô mạnh vào thành cầu bị ngập.

Trong lúc sấm sét vang động, người ta nghe thấy một tiếng động lớn như xé bầu không khí. Chiếc cầu rung chuyển như một con ác thú, gãy tan, tung lên trời cả khung cầu bằng tre như một chiếc quạt tan gãy. Nước lại chảy xiết và làm chìm đắm hẳn cầu.

Còn biết qua sông bằng cách nào? Không thể bơi được, dù có một mình. Thăng Sinh thất vọng quá. Nhưng biết đâu trong những mảnh cầu tan nát kia, nếu may mắn nó tìm được một đường đi?

Nó đặt thăng Công-hoa xuống đất và vốc nước sông cho em uống.

— Đây em, nó gọi thăng bé

để cho uống nước, rồi nó nhặt cỏ, bện thành sợi dây thừng thật chắc. Cỏ sắc làm đứt cả tay nó. Nó buộc em nó bằng sợi giây mới này, buộc hết sức chặt để em nó không thể tuột được. Xong, nó lội xuống nước, ngay chỗ cầu cũ. Nước sông như giữ chặt hai anh em và dìm chúng xuống chiếc cầu gãy. Thoạt đầu, nó không cựa cựa được, sau dần dần nó lặn đi, cổ bám lấy bất cứ cái gì, dò dẫm trong trận thủy tai tìm một vật gì có thể níu lấy, dù là những cọc tre nhọn hoắt sợ một chút là đâm thủng bụng.

Nước chảy réo ầm ầm, những mảnh gỗ, va đập vào người nó làm xây sát cả da thịt. Nó rét run khó đứng vững. Đứng giữa giòng nước chảy xiết, nó không sao nghĩ được nữa. Nước chảy réo xung quanh nó, chồm cả lên đầu cổ thăng bé, như giòng thác lạnh. Nó không còn biết em nó còn sống hay chết nữa, nhưng luôn luôn cố giữ sao cho đầu thăng em ở trên mặt nước và cứ lần lần nó tiến. Nó như cầm, diếc, mù, công lạnh, bị chìm ngập, nhưng cứ đi, cứ đi...

Hai anh em chượt chân rồi lại

đứng dậy. Chúng bám lấy thành cầu, hôn hèn trong trận tử chiến. Rồi con sông như mất hết mãnh lực. Hai anh em nó vượt qua giòng nước.

Rồi thăng Sinh chẳng còn biết gì hơn nữa. Nó bị công lạnh như băng tuyết, muốn vắt quần áo cho khô nước mà tay không cử động được nữa. Áo quần bám chặt lấy người thăng bé làm nó rét run lây bầy. Mũi nó nghẹt thở vì nước. Nó đi loạng choạng nhưng vẫn đi, vẫn đi. Chân nó rung và như muốn gập xuống, không bước được. Nó đành bò. Đường đi hiện ra ở trước mặt và để đi hơn nhiều.

Ở xa xa, như ở một thế giới khác, vọng lại tiếng chó sủa báo tin gần đến một thôn xóm.

Rồi bỗng, không hiểu sao, có người... và tất cả cái gì nó còn biết là một chiếc xe bò, rồi một chiếc xe vận tải lớn..

— Mày ở đâu đến?

— Từ La-hoa-ni đến.

— Mày một mình công em mày à? Mày vượt giòng sông nước lũ đang tràn ngập sao?

Chúng nó đã đến bệnh viện.

Thăng Sinh bao giờ cũng ngượng ngập khi vào nhà xa lạ.

Nó không dám vào. Vì không có tiền nên buổi sáng nó ra đường xe lửa tìm việc khuân vác than. Nó làm việc suốt ngày, trong cảnh ồn ào, để kiếm vài xu mua bột hầm, dầu mù-tạt và ớt, bắc ba viên đá để làm lò nấu cơm. Nó tìm được một xó ở sân bệnh viện, chỗ những thân nhân của con bệnh tụ tập. Suốt ngày nó làm việc quên cả lo âu, những lúc nào thư thả nghĩ đến em nó mới e ngại.

Vị bác-sĩ gọi nó, tự người đi tìm thăng bé:

— Sơ-sinh Ba-la-hay có đây không?

Nói vội bước lên thêm trả lời:

— Cha con không có ở đây, nó vừa nói vừa e thẹn vì run sợ, vì những giòng nước mắt chảy trên khuôn mặt lợt lem vì bụi than. Nhưng thưa ông, tên con là Sơ-sinh.

— Có phải con là thăng bé công thăng Công-hoa từ La-hoa-ni đến đây không?

— Thưa vâng.

Một nụ cười nở trên bộ mặt hiền từ của vị bác-sĩ:

— Sơ-sinh Ba-la-huy, ông nói rõ ràng, em con qua khỏi rồi. Con có thể đến thăm được.



(Tiếp theo P.T. số 70)

TUY báo nghèo như vậy, Chủ - nhiệm «Đuốc Nhà Nam» vẫn bình tĩnh xoay trở, cố duy - trì cơ - quan ngôn - luận để hoạt - động, tranh thủ cho tự - do báo - chí. Các ký - giả cộng sự với ông, cũng có tinh - thần chịu đựng, hy - sinh, lãnh lương «từng giọt», mỗi lần vài đồng bạc đem về cho vợ con mua gạo, mắm.

Rồi một ngày kia, ông Nguyễn - Văn - Sâm được người bạn giàu có đứng ra bỏ tiền, tiếp tay khai thác tờ báo. Người này là ông Trần - Quang - An, một nhà thầu khoán đã thành công lớn lao, trở nên giàu có. Vì không dám cải - tổ mạnh - mẽ, triệt - để, với những

phương - tiện đại quy - mô, ông Trần - Quang - An làm báo theo lối thầu - khoán; ông vá víu, hàn gắn, cho tờ báo sống gượng gạo và khả quan hơn trước đôi chút. Tuy trọn thời - gian ông cộng - tác với ông Sâm để quản - trị «Đuốc Nhà Nam» ông bỏ tiền lần lần rồi cũng lỗ một số khá quan trọng, song chẳng đi đến đâu. Bí - quyết thành công trong nghề làm báo đòi hỏi ở người chỉ - huy những sự mạo - hiểm tài - chánh ngay trong bước đầu, để cho tờ báo khỏi sắc mòi gây được tín - nhiệm với độc - giả.

Còn Ông Nguyễn Văn Sâm là một ký - giả đạo đức, lấy lý - tưởng làm kim chỉ nam, không phải một khối óc thực - tế doanh -

thương. Sự cộng tác tài chánh của bạn ông không đưa được tờ báo «Đuốc Nhà Nam» ra khỏi cơn lúng túng.

Tuy vậy, tờ báo này cũng để lại cho hậu lai một vài kỷ - niệm tốt đẹp. Ngoài cuộc tranh - thủ cho quyền tự - do xuất bản báo chí và quyền lợi vật chất, tinh thần của anh em ký giả, báo «Đuốc Nhà Nam» đã làm một việc can - đảm: công kích ông Bùi - quang - Chiêu, ứng cử viên trong cuộc bầu cử vào Thượng Hội đồng Thuộc - địa.

Hồi Pháp - thuộc, mỗi xứ thuộc - địa được bầu một đại - diện vào cơ - quan tư - vấn này thiết lập bên cạnh bộ Thuộc - địa để giúp ý - kiến cho vị Tổng trưởng trong chánh - sách thi - hành với các thuộc - địa. Ông Bùi - quang - Chiêu ra tranh - cử, cầm chắc sự thắng trong tay vì ông được Thống - đốc Pagès thừa lệnh bộ Thuộc - địa ủng - hộ ông.

Cử - tri trong cuộc bầu cử này đều là những đại thương gia, kỹ nghệ gia cùng một số nhơn vật trong các hội đồng dân cử, tức là các phần tử có quyền lợi với chánh phủ, nên Thống đốc

Nam - kỳ dễ sai khiến.

Ông Bùi - quang - Chiêu ra ứng cử mà không cần một tờ báo làm cơ - quan ngôn - luận, đủ thấy ông vững bụng lắm rồi.

Bất chấp cả người che chở cho ứng cử viên Bùi - quang - Chiêu, báo «Đuốc Nhà Nam» mở một cuộc vận động hăng - hái, cổ xúy cử tri bỏ phiếu trắng cho thật đông để phản đối với bộ Thuộc - địa về cử tri đoàn trong cuộc bầu cử này bị hạn chế trong một số nhỏ nhà giàu có.

Mỗi ngày báo ấy viết bài và đăng những khẩu hiệu: «Bỏ phiếu trắng!... Bỏ phiếu trắng! Tất cả như một người!» Thống đốc Pagès giận lắm vì thấy rằng ông nghị ở Thượng Hội Đồng do mình tác - tạo ra, nếu chỉ đại - diện cho một số rất ít của một cử - tri - đoàn đã bị hạn - chế rồi, thì sẽ không còn xứng đáng làm «đại - diện» nữa, mà chỉ là «tiểu - diện» của một chế - độ «dân cử» tượng - trưng. Sang Pháp, ông Bùi sẽ ăn làm sao, nói làm sao bây giờ, và có dám mạnh miệng nhân danh cả một xứ thuộc - địa mà nói lên những tiếng mạnh - mẽ

bên vị Tổng trưởng thuộc địa không?

Sự lo xa ấy chỉ là thuộc nguyên tắc thôi. Về thật tế, thì ông nghị ở Thượng Hội Đồng Thuộc Địa khỏi lo binh vực cho ai. Ông sẽ binh vực quyền lợi riêng cho ông, hơi sức và thì giờ đâu mà nghĩ đến ai nữa. Tiệc tùng, tiếp tân, các cuộc ngoại giao mà ông phải đi dự cũng đủ mất hết thì giờ của ông rồi.

Báo "Đuốc Nhà Nam" cổ võ cho đông người bỏ phiếu trắng, đã thành công được một phần: số phiếu trắng lên tới một mức đáng kể, và ông Bùi - Quang - Chiêu thắng trận một cách không vẻ-vang.

Do đó, Chủ-nhiệm báo "Đuốc Nhà Nam" lại chuốc thêm vào mình những sự thù oán của Thống đốc Pagès. Đến năm 1939, cơ-hội đã đến cho vị Thủ lãnh Nam-kỳ trả thù ông Nguyễn-văn-Sâm. Nước Pháp lâm vào cuộc chiến tranh với Đức, nhà cầm quyền ở Đông-Dương được tự-do hành động, không còn lo gì những lời phản đối từ Sài Gòn gởi qua Ba-Lê nữa.

Việc làm đầu tiên của Pagès là giải-tán hội Ajac vì lý do "tham dự các hoạt-động chánh-trị, trái với điều-lệ của hội". Sau đó, ông hội-trưởng của Ajac được mời đi an-trí ở Sóc-trăng, sanh quán của ông.

Đời làm báo của Nguyễn-văn-Sâm phải tạm ngưng chờ đến ngày Nhựt đảo-chánh Pháp, ông mới lại trở về Sài Gòn, hợp-tác cùng ông Hồ-văn-Ngà, lập ra một chánh đảng, xuất-bản tờ báo "Hưng-Việt". Ngòi bút của ông tiếp tục phụng sự cho Lý-tướng và đồ-g thời ông cũng hoạt-động chánh-trị nữa.

Năm 1945, chánh-phủ Trần-Trọng-Kim mời ông ra Huế để giao nhiệm-vụ khâm-sai Nam-Việt. Nhận chỉ-thị xong, ông trở về Saigon, mới đến miền Nam-Trung-Việt thì ở Saigon người ta đã lật đổ ông.

Trở về với nghề làm báo ít lâu, ông cố gắng quy-tụ các phần tử quốc-gia chọn chánh để chống với những phần tử cộng-sản. Ông bị người ta phao vu là ăn tiền của Thực-dân Pháp, để chống lại phong trào kháng-chiến.

Nhưng năm 1948, cái chết của

ông đã phá tan tất cả những điều vu khống. Ông đi xe ô-tô-buýt từ Sài Gòn vào Chợ Lớn, đến con đường Cây Mai thì bị mấy phát đạn của kẻ vô danh giết chết ông ngay trên xe.

Người ta mới biết Nguyễn-văn-Sâm không có được một cái xe hơi làm phương tiện xê dịch, phải chen chúc trong chiếc ô-tô-buýt, đến đời bị ám sát một cách dễ-dàng.

Con người ký-giả ấy đã từng sống trong cảnh nghèo túng, lúc chết cũng không đồng xu dính túi, chết như một người bình-dân, với cái chết trong sạch.

Hai nạn nhơn nữa : Diệp-văn-Kỳ, Bùi-thế-Mỹ

Đã nói về cuộc bầu cử vào Thượng-Hội-Đồng Thuộc Địa, và cuộc khủng bố của Pagès, mà ông Nguyễn-văn-Sâm là một nạn nhơn, cũng cần nói đến hai nạn nhơn khác: Diệp-văn-Kỳ và Bùi-thế-Mỹ.

Đồng thời với tờ báo "Đuốc Nhà Nam" hai ký giả họ Diệp và họ Bùi đã không nói tay viết bài công kích Bùi-quang-Chiêu. Vì vậy, hai ông bị Thống - đốc

Nam-kỳ oán ghét. Biết 2 ông là người miền Trung, Pagès ký liền một nghị định trục xuất 2 ông về nguyên quán. Nghị-dịnh chưa đưa tới nhà đương sự thì ông Diệp-văn-Kỳ được anh em làm trong phủ Thống-dốc báo tin cho hay trước, ông trốn thoát kịp. Còn ông Bùi-thế-Mỹ bị bắt đưa về tạm giam ở sở Mật-thám chờ chuyển xe đem đưa ông về miền Trung.

Ông Diệp-văn-Kỳ trốn tránh ít lâu, các công-an-viên đã nghĩ rằng ông thoát ra ngoại-quốc.

Thì một buổi chiều, một chuyến xe chở một linh mục từ Hóc-Môn về tới ngã Tư Bảy Hiền. Đến đây, linh mục xuống xe và lách bước vào Lãng-Cha-Cả cầu-nguyện. Thầy tu ấy chính là ông Diệp-văn-Kỳ đã khoác áo thầy tu, để dễ bề trốn tránh.

Từ Hóc-Môn về, ông thấy có người theo dõi.

Ông lật đặt xuống xe vào Lãng-Cha Cả giả đồ cầu nguyện để tìm lối thoát thân. Nhưng một công an viên cũng lách chân hỏi giấy tờ của ông rồi mời ông về bắt. Ông Diệp-văn-Kỳ cũng theo chọn ông Bùi-thế-Mỹ để về miền Trung.

Lê-trung-Nghĩa, một ký giả tranh đấu cho bình dân.

Trong những ký-giả thuở trước, tôi thường tiếp-xúc với các cây viết ở nhóm La Lutte (Tranh đấu) như Tạ Thu Thâu, Nguyễn An Ninh, Trần văn Thạch, v.v... mà tôi rất khâm phục lòng hy-sinh, chí phấn-đấu cho những tầng lớp bình-dân bị Thực-phong áp-bức. Ngoài những ký-giả ấy, tôi cũng còn ghi mãi trong trí nhớ một hình-ảnh cũng là một chiến-sĩ của giới lao, nông, gần gũi với tôi hơn vì anh có viết cả báo Pháp lẫn báo Việt: ký giả Lê trung Nghĩa với bút hiệu « Việt-Nam ».

Nếu có ai hỏi anh tại sao lấy quốc-hiệu làm bút-hiệu và như vậy có chướng không, thì họ Lê trả lời: « Văn sĩ Anatole France lấy quốc-hiệu của nước Pháp mà đặt tên mình thì có sao đâu? Tôi lấy bút hiệu *Việt-Nam* là để tự nhắc nhở mình đừng quên gốc rễ, đừng làm gì ô-danh quốc-hiệu mà mình đã dám can-đảm nhận lấy làm bút-hiệu. »

Đặc điểm nữa ở ký-giả ấy là trong lúc xã-hội Nam-Kỳ trọng

vọng các tên tuổi mấy nhơn-sĩ hồi đó như Bùi-Quang-Chiều, Nguyễn-Phan-Long mà gọi là « cụ » hay « ông » hoặc « ngài » thì Lê Trung Nghĩa viết báo gọi chung một danh từ « đồng bào » hết. Trong một tuần báo do anh xuất bản hồi năm 1933, người ta thấy có bài bình vực « đồng bào Ng-v-Mít làm nghề đánh xe thổ mộ » và cả bài chất vấn « đồng bào Bùi Quang Chiểu » về lập trường của nhà lãnh tụ. Tự trung anh lao động và nhà lãnh tụ một chánh đảng, quen biết lớn với Toàn quyền, Thống-đốc, đều là hai « đồng bào » không phân biệt, của ký giả Lê Trung Nghĩa.

Sanh năm 1904 nếu ngày nay còn sống, Lê-Trung-Nghĩa mới 55 tuổi. Quê quán ở Sông-Cầu (Phước-Yên, Trung-phần) song cha mẹ là người miền Nam, nên từ tuổi thiếu niên đến lúc trưởng thành anh sống ở Sài-gòn.

Tốt nghiệp trường Sư-phạm; anh đi dạy học 3 năm tại các tư thực lớn ở đây, đồng thời cũng viết bài cho mấy tờ báo do đảng Lập-hiến sáng lập như báo Tribune Indochinoise, Đuốc Nhà Nam.

(Còn nữa)

MỘT THI-SĨ MỘT CHIẾN-SĨ

★ MẠC-CẨM

LÊ TRUNG-ĐÌNH

Cử Lê-trung-Đình mà có vài chữ thiếu-sót. Vậy để bù đắp vào những chỗ thiếu sót đó, tôi viết bài này với chút ít hiểu biết của mình, nếu có điều gì sai lầm mong quý vị niệm tình thứ cho.

THI-SĨ LÊ-TRUNG-ĐÌNH

TRONG Phê-Thống số 62, ông Mạc-phương-Đình có viết về hai bài thơ diếu cợt Vua Tự-Đức, trong đó có nêu ra một bài thơ với đề tài *nước lụt* mà không đề tên tác giả là ai, không hiểu vì quên hay vì không được rõ mà ông Mạc-phương-Đình vô tình như vậy. Theo thiên ý của chúng tôi thì đó là một diếu thiếu sót. Lại trong P.T. số 69, ông Giáo-sư Thanh-tùng-Tử ở Qui-Nhơn chép lại bài thơ « *Nước Lụt* » của ông

Bài thơ *nước lụt*, tác giả chính là ông Cử-nhân Lê-trung-Đình, một thi sĩ tài ba của đất Quảng-Ngãi. Ông Lê-trung-Đình sinh năm 1863 tại làng Phước-Nhơn, quận Bình-Sơn (nay là quận Sơn-Tĩnh), là con thứ sáu của quan Tiến-Sĩ Lê-trung-Lương, một vị quan thanh liêm chính trực thời ấy. Anh em của

ông có ba người đều đậu Cử-nhân, riêng ông lỗi lạc hơn và thường tỏ ra là một người có chí-khí.

Không hiểu bài thơ *Nước lụt* có phải ra đời trong lúc các quan đang thờ mừng Vua Tự-Đức, hay là thời loạn-lạc giặc Pháp đã chiếm đất Trung-Kỳ? Bài này có thể hiểu là một bài thơ cảm tác của thi sĩ trước cảnh nước mất nhà tan, vào buổi giao thời Pháp Nam với nhiều hạng người luôn cúi, nịnh bợ, hay những người tư lợi cầu sang lo ăn lo sống riêng mình.

Bài thơ ấy như sau :

*Mưa sa từng chập gió từng hồi
Bốn mặt non sông nước phủ rồi
Lũ kiến bất tài tha trứng chạy
Đám rêu vô dụng kết bè trôi
Lũng lơ rừng thẳm không chim
đậu*

*Ngất ngưỡng lầu Tây có chó ngồi
Nỡ để dân đen vùi máu đỏ
Nào Ông Hạ Vũ ở đâu ôi !*

Theo thiên ý của chúng tôi thì đây là một bài thơ đã nói lên cái tâm sự của mình, một người dân trước cảnh quốc phá gia vong, mà tác giả diễn đạt một cách chân

thành.

Hai câu đầu tác giả phác qua khung cảnh gần như hoang tàn của nước non vào những ngày tháng đau thương, với những mưa gió phủ phàng chum lên cuộc đời của người dân vô tội.

Hai câu thực, tác giả ám chỉ những hạng người xu thời nịnh thể và những tham quan ô lại thừa dịp vơ vét của nước của dân rồi trốn về thụ hưởng riêng mình.

Hai câu luận, trình bày sự tương phản của hai khung cảnh một bên triều đình ta thì không còn ai tài giỏi cang đáng công việc (đất lành chim đậu), một bên thì quân Pháp đã nghiêng nhiên làm mưa làm gió, lên mặt chủ nhân rồi.

Hai câu kết là lời than oán, nói lên tấm lòng thiết tha với nước với non của một người thơ trước khung cảnh đau lòng ấy.

Lê-Trung-Đình là một thi sĩ có lòng ái-quốc nhiệt thành, dù đề tấu Vua Tự-Đức hay đề gởi ít tâm-sự mình, bài thơ *nước lụt* cũng có một giá trị lịch sử đáng kể, nó đã nói lên tấm lòng thiết

tha với quê hương của giới sĩ-phu đương-trực.

Cử-nhân Lê-Trung-Đình hồi còn nhỏ được thụ giáo với quan Án-Sát Nguyễn-Duy-Cung đã nổi tiếng là một văn tài lỗi lạc. Năm 1878 vì phạm trường quy nên kỳ thi ở Bình-Định ông bị đánh hỏng. Tài học rộng biết nhiều và tài ứng đối lanh lẹ, xuất khẩu thành thơ của ông đã khiến cho quan Án-Sát và mọi người khâm phục.

Có một giai thoại lý thú như sau : Nguyên cô con gái của quan Án-Cung vì mê tài ông, nên một hôm hai người trò chuyện với nhau, bị ông Thầy bắt được nên căng ông ra đánh. Ông liền ứng khẩu đọc bốn câu thơ để mình oan cho ái nữ của thầy và cũng mình oan cho mình :

*Khoan khoan con nói đề thầy
nghe*

*Trót đã yêu thơ ý rút rề
Hai cánh hương môn còn khép
chật*

Ngọn cờ xích xí chẳng lo le.

Quan Án Sát khen và tha thứ cho. Năm 1881 ông đỗ Cử-nhân thứ hai tại trường thi Bình-Định. Kỳ này người đỗ Thủ-khoa kém tài nhưng có thể lực,

lúc xứng danh, ông đứng cạnh người ấy nên buồn cười sảo có cái quạt trong tay ông gõ vào đầu thủ khoa mà chê. Quan Chánh trường biết được nên sai lính đánh hải tội. Lúc ra đến cổng trường, ông vừa cười vừa mỉa mai :

*Đầu thủ-khoa năm ba dấu quạt
Đit Cử Đình sáu bảy lần roi.*

Thủ-khoa lại tức nhưng đành chịu chứ không làm gì được.

CHIẾN-SĨ LÊ-TRUNG-ĐÌNH

Chán lối học khoa cử và đau lòng trước cảnh nước nhà điêu đứng vì nạn ngoại xâm, ông Cử Lê-trung-Đình một mình âm thầm nghiên cứu binh thư, quyết mưu công cuộc giành lại cơ đồ non sông hoa gấm. Ông ngầm tổ chức nghĩa binh với hy-vọng chiếm dần những địa-phương nhỏ rồi tiến ra kinh đô giúp Vua khôi phục giang-sơn.

Nghĩa binh có thanh thế khá lớn dù đang ở trong thời kỳ bí mật. Ở Quảng-Ngãi ông liên lạc với những danh-sĩ trung liệt, tìm cách mưu đồ với Hoàng-Hiệu, Bùi-Điền ở Quảng-Nam, Mai-

xuân-Thường, Nguyễn-duy-Cung ở Bình-Định. Theo giúp ông ở tại đất nhà dặc lực có Nguyễn-tự-Tân, Nguyễn-Viện...

Tháng 6 năm Ất-Dậu vào hồi giờ Tý ngày mồng một Lê-trung-Đình họp nghĩa quân làm lễ tế cờ trước đền Văn-Thánh (Phú-Nhon) rồi chia quân làm ba đạo vượt sông Trà tiến vào thành phố Quảng-Ngãi. Chiếm được thành ngay trong đêm đó, Lê-trung-Đình chiêu an dân chúng, ân xá tù nhân và ra lệnh canh phòng bố trí cẩn mật.

Suốt mấy hôm dân chúng vui mừng chiến thắng nhưng không quên chờ đợi chiến đấu. Vào giờ Ngọ ngày mồng 5 quân Pháp và một số tay sai kéo từ Ba-Tơ về vây thành, thế lực vô cùng hùng hậu. Nghĩa binh trong thành chiến đấu rất hăng nhưng khí giới của địch nhiều, áp đảo dần dần cho đến không bao lâu sau

thì lực lượng nghĩa quân tan rã. Nguyễn-Viện, Nguyễn-tự-Tân tử trận, Lê-trung-Đình bị bắt và ba hôm sau bị đem hành quyết tại ngay Quảng-Ngãi.

Lực lượng nghĩa quân Quảng-Nam vào tiếp viện chống nhau với Pháp ở Châu Ô cũng khá lâu nhưng cuối cùng cũng thất bại nốt.

Lê-trung-Đình chết, mang theo tài học rộng biết nhiều chưa có dịp thi thố với đời để giúp ích nhiều hơn cho làng nước nhưng dù ông không thành công cũng đã để lại một tấm gương anh dũng và một tấm lòng nhiệt thành với đất nước thân yêu.

Khi đọc lại bài thơ *Nước-lụt* người dân xứ Quảng không khỏi ngậm ngùi thương tiếc một vị anh hùng tài ba đã mất đi một cách vội vàng với cái tuổi 22!

MẶC-CẨM
(Quảng-Ngãi)



★ CHÓ SỮA

Hai cha con đi chơi dọc đường, gặp một con chó sữa. Đưa con sợ, cha nó bảo :

— Đừng sợ con. Con nhớ có câu tục-ngữ nói : « Con chó nào sữa là nó không cắn ».

— Dạ, con biết câu tục-ngữ đó. Nhưng con chó, nó đâu có biết!

XVI.- BÀ MARIE CURIE



Nhà Nữ Bác-học đã khám phá ra chất RADIUM

★ TÂN-PHONG

Thiên-tài Khoa-học của cô vợ 29 tuổi



H Ữ N G người

tài-giỏi bao giờ cũng có kẻ tiểu-nhân ghen-ghét, dèm-pha và tìm cách phủ-nhận giá-trị của thiên-tài. Hai vợ chồng Marie Curie không tránh khỏi định-luật rất thường ấy. Trong lúc đa số các nhà Bác-học

(Tiếp theo P.T. số 70)

thế-giới đang ngạc nhiên và thần-phục về sự khám-phá vô - cùng quan-trọng của bà Marie Curie và chồng bà, thì có một số các nhà Hóa-học vẫn chưa công-nhận kết quả vĩ-dại ấy. Vì họ cho rằng Marie và Pierre Curie chỉ mới

thuyết-trình về sự hiện-hữu của chất Radium trong lý-thuyết mà thôi, nhưng về thực-tế chất Radium mới lạ ấy vẫn chưa xuất hiện ra, chưa ai trông thấy nó, chưa sờ mó được nó, chưa biết nó như thế nào, trọng-lượng nguyên-tử (*Poids atomique*) của nó là bao nhiêu. Có vài nhà Bác-học lại chỉ trích bà Marie Curie là bịa-đặt ra một chất hóa-học không có, với những ưc-thuyết sai-lầm, trái với những phương-thức hóa-học đã vững chắc từ trước đến nay. Có những kẻ ngu-xuẩn còn dám cho rằng chất Radium do Marie và Pierre Curie phát-minh ra trong lý-thuyết chỉ là một « quái thai » của một cặp vợ chồng gàn, háo danh, lập-dị.

Pierre Curie hơi chán-nản, vì ông mệt mỏi quá rồi. Nhưng bà Marie Curie nhất-định phải tìm cho có chất Radium thực-tế để đưa cho người ta thấy chất Radium mới lạ mà từ xưa đến nay chưa ai biết, chưa ai nói đến, mà bây giờ, lần đầu tiên, bà Marie Curie, một nữ Bác-học trẻ tuổi, dám quả quyết là bà vừa khám phá được theo những thí-nghiệm của bà về nguồn-gốc phóng-xạ của một

vài loại kim-khí.

Bà tin-tưởng rằng nếu bà có một số lượng kim-khí *pechblende* khá nhiều, bà sẽ nấu ra và lọc ra được chất Radium. Nhưng vợ chồng bà rất nghèo, tiền lương dạy học ở Đại-học không đủ chi dụng trong gia-đình, (bây giờ lại phải nuôi một chị-ở, càng thêm tốn-kém), thì tiền đâu mà mua kim-khí *pechblende* rất quý giá, để bà nấu và lọc lấy chất Radium?

May quá, chính-phủ nước Autriche có một mỏ *pechblende* (1) ở Saint Joachimsthal (Jachymov) trong tỉnh Bohême. Chính-phủ khai-thác mỏ này để lọc lấy chất Uranium và các chất muối Urane dùng trong kỹ-nghệ thủy-tinh, còn cặn-bã thì bỏ đi. Bà Marie Curie cho rằng chính trong cặn-bã *pechblende* còn nguyên vẹn chất Radium mà không ai biết. Bà hỏi mua thứ bà đó. Nhờ một nhà

(1) *Pechblende* : một loại quặng kẽm chứa nhiều chất Uranium, và muối Urane. Bà Marie Curie quả-quyết rằng trong loại kim-khí này còn có chất Radium mạnh bằng mấy Urane.

Bác-học nước Autriche vận-động giùm, chính-phủ Vienne bằng lòng biểu không cho bà Marie Curie một tạ bà *pechblende*. Bà chỉ tốn tiền chuyên-chở mà thôi.

Bà Marie Curie vui mừng được có đủ nguyên-liệu cần thiết, nhưng bà lại lo về nổi không có một căn phòng để nấu nguyên-liệu ấy và lọc ra lấy chất Radium. Nhà bà chật chội quá. Hai vợ chồng bà mới yêu-cầu viện Đại-học vật-lý-học cho ông bà mượn tạm một căn phòng bỏ không trong khu trường Đại-học, để dùng làm nơi thí-nghiệm. Ông viện-trưởng bằng lòng. Đây là một phòng hoang-vắng, trước kia trường Đại-học Y-khoa có lần mượn làm phòng mổ-xẻ nhưng sau họ bỏ và không ai dùng đến nữa. Trong phòng dơ-bẩn, có một chiếc băng đen gãy nát vứt trong xó, vài chiếc bàn nhà bếp gãy chân, chất đồng cạnh nơi cửa và mấy lò nấu bếp lâu ngày không dùng đã hư-hỏng, vứt bừa-bãi giữa nhà. Nền xi-măng đã vỡ-nát nhiều nơi. Sinh-viên Khoa - học đồn với nhau rằng ở phòng này có ma. Họ ít muốn bén-mãng tới

đây làm chi, vì họ không thích làm bạn với ma. Mái nhà dột ba bốn chỗ. Bà Marie Curie phải kê các bàn thí nghiệm tránh chỗ dột.

Ông Bà vui mừng được ông Viện-trưởng để cho trọn quyền sử dụng căn nhà hoang-phế ấy. Lập-tức bà Marie Curie cho chở về đây một tạ bà *pechblende* của chính-phủ Autriche biểu bà và bà đặt nổi, ống, mua than củi và các thứ vật-dụng để nấu nguyên liệu quý-báu kia, nguyên liệu căn-bã mà ai cũng coi là đồ vô-dụng, vứt đi!

Trong nhật-ký của bà, có chép mấy đoạn sau đây về cách làm việc của bà trong căn phòng thí-nghi m suốt 4 năm đằng-dặng :

«... Chính trong cái chái dột nát và khổ-cực này, chồng tôi và tôi đã trải qua những năm sung-sướng nhất trong đời sống của chúng tôi, những năm hoàn-toàn hy-sinh cho Khoa-học. Nhiều khi tôi phải đứng suốt cả một ngày để khuấy-trộn nồi kim-khí sôi sùng-sục, bằng một cây sắt to lớn gần bằng tôi. Đến đêm, tôi mệt nhỏi người, tay chân bủn-rũn như muốn rụng-rời ra cả...

«... Chúng tôi không có tiền, không có kẻ phụ-giúp, công việc thật là khó-khăn, bề-bộn, chỉ có hai vợ chồng cố gắng, tự đảm-đương lấy hết. Chúng tôi phải sáng-tạo ra từ con số không...

«... Có khi tôi phải nấu một lượt đến 20 kí-lô nguyên-liệu. Công việc ghê gớm là phải lôi kéo một thùng nguyên-liệu ấy đến lò, trút nó vào chảo gang, nấu cho nó thật sôi, rồi cầm một thanh sắt dài to-tương để khuấy, khuấy mãi.... »

Cả thế-giới không ai có thể tưởng-tượng được sức làm việc kinh-khủng của nhà Nữ-bác-học trẻ tuổi ấy, với một trí-óc thông-minh vĩ-đại, một ý-chí cương-quyết phi-thường, một đức-tính kiên-nhẫn siêu-phàm.

Đến đời chồng của bà, nhà Bác - học Pierre Curie, cũng đã nhiều lần chán-nản, lự-chí, muốn bỏ trôi công việc, đợi

khi nào có đủ điều-kiện thuận-tiện sẽ tiếp-tục thí-nghiệm, nhưng bà nhất quyết đeo đuổi đến cùng. Bốn năm như thế...!

Vâng, bốn năm, từ 1898 đến 1902, bà Marie Curie say-mê bên lò thí-nghiệm, quyết nấu mãi một tạ cặn bã pechblende của người ta vớt bỏ, để lọc lấy chất Radium kỳ lạ phi-thường, mà bà đã khám phá ra trong lý-thuyết, mà một số các nhà bác-học khác không tin là có.

Và bà đã thành công. Sau 45 THÁNG thí-nghiệm, tìm tòi, Bà đã lọc ra được 1 DÉCIGRAM. ME RADIUM nguyên - chất, trọng-lượng nguyên-tử là 224 (1). Các nhà Bác-học Thế-giới đã được mục-kích rõ-ràng kết-quả vĩ-đại và thực-tế do bà Marie Curie đã khám phá ra. Toàn-thể các nhà khoa-học quốc-tế đều xác-nhận chất mới lạ, với trọng lượng nguyên-tử 224.

Tính (chất phóng xạ không ngờ của RADIUM ... và giải Nobel 1903

NHIỀU người cho rằng chỉ có một mình bà Marie Curie đã có công-lao phát-minh ra chất Radium,

ông chồng bà chỉ giúp sức một phần nào thôi, không quan-
(1) Có sách lại ghi là 225.

trọng mảy. Nhưng sự thật thì ông Pierre Curie đã giúp rất nhiều vào công-việc tìm-kiếm của bà. Chính bà đã có ý-nghĩ đầu-tiên về Radium, bà đã kiên nhẫn tiến tới kỹ-thuật phát-minh ra chất mới rất quan-trọng ấy, nhưng ông cũng đã giúp bà nhiều về phần khoa-học thuần-tuý, phần lý-thuyết và các phương-tiện đo-lường đúng cân, đúng lượng. Chất Radium đã xuất-hiện được, là nhờ sự cộng-tác chặt-chẽ và có hiệu-quả của hai ông bà Pierre và Marie Curie.

Cặp vợ chồng Bác-học đã xác-định những tính chất bất-ngờ của Radium như sau đây :

— Radium chiếu qua một lớp giấy màu đen bọc ngoài một tấm kiến ảnh, làm cho tấm kiến ảnh (plaque photographique) bị nám đen hết.

— Các chai bằng thủy-tinh đựng Radium, bị biến ra màu tím.

— Giấy và các vật liệu bằng cellulose, đựng Radium, bị tan ra thành bụi.

— Radium chiếu ánh-sáng rực- rỡ trong đêm tối.

— Nhiều thể-chất như kim-

cương, nhờ có Radium mà phát ra ánh-sáng lân-tinh. (Do đó, người ta có thể phân biệt được kim-cương thật và giả)

Và đây là tính-chất quan-trọng hơn cả, nguồn-gốc của nhiều sự phát-minh và áp-dụng ghê-gớm khác về Khoa-học, là tính-chất « truyền-nhiễm » của Radium : CÁC VẬT - DỤNG, ÁO - QUẦN, KHÔNG - KHÍ BỊ DÍNH RADIUM, ĐỀU CŨNG PHÓNG - XẠ NHƯ NÓ.

Hy-sinh cho Khoa-học, chính Pierre và Marie Curie là những nạn-nhân đầu tiên của Khoa-học, những vật hy-sinh cho chất phóng xạ nguy-hiểm của Radium ! Pierre Curie bắt đầu thấy nhiều vết cháy trên da, cháy thâm xuống dưới làn da nữa. Marie Curie thì bị mấy đầu ngón tay muốn thối hết. Và cả hai bị chất phóng-xạ của Radium ăn vào trong máu, làm chậm sinh-nở các hồng-huyết-cầu...

Tháng 6 năm 1903, Hàn-Lâm-Viện Khoa-học Hoàng-gia Anh-quốc mời ông bà Pierre và Marie Curie sang diễn-thuyết tại

London. Các giới Bác - học và Trí-thức Anh nô-nước đón mừng hai vị «Cha Mẹ đẻ của Radium». Marie Curie được trọng - vọng đặc-biệt hơn : hàng muôn vạn cặp mắt của dân - chúng Thủ-đô Anh kinh-ngạc và ngưỡng-phục trước người đàn bà Bác-học kỳ-tài, độc-nhất trên Thế - giới, tự cổ chí kim !

Tháng 11, năm 1903, Hàn-lâm-Viện London tặng hai ông bà huân-chương quý giá nhất : Mèdey Davy.

Kể đến ngày 10 tháng 12, 1903, Hàn-lâm-Viện Khoa-học Stockholm, của xứ Suède (Thụy-điển) tuyên bố tặng một nửa giải thưởng Nobel cho nhà Bác-học Becquerel, và một nửa cho hai ông bà Curie, về sự phát-minh ra tính - chất phóng - xạ của Radium (1).

Nửa giải Nobel của ông bà Curie được 70.000 francs. Nhờ số tiền thưởng quốc-tế này mà hai ông bà trả được nhiều món nợ, và nghỉ dạy học ở Viện Đại-học, để ở nhà chuyên về công-việc nghiên-cứu.

Danh tiếng ông bà lừng lẫy

khắp thế-giới... Thụ-từ, điện-tín, các nơi gửi tấp-nập đến Paris, nơi căn phòng dột nát, trụ sở của công-cuộc thí nghiệm, để chúc mừng và hoan hô hai bậc Vĩ-nhân mới của nhân-loại. Một nhà triệu-phủ Mỹ ở Chicago viết thư xin bà Marie Curie cho phép y lấy tên Bà đặt tên cho con ngựa đua mà y cưng nhất trong đời !...

Năm 1904, bà Marie Curie có thai. Ngày 6-12-1904, bà lại sinh ra một bé gái thứ hai, đặt tên là Eve Curie (2).

Hai tháng sau kỳ khai-hoa nô-nhụy, bà lại trở về phòng thí-

(1) Xin nhớ rằng vì bà Marie Curie nghiên-cứu trên lý-thuyết của nhà bác-học Becquerel về các Sels Urane để soạn luận-đề thi Tiến-sĩ mà bà đã đi đến sự khám phá ra chất Radium.

(2) EVE CURIE sau khi Mẹ chết, có viết một quyển sách rất có giá-trị về Mẹ, nhan đề là «Madame Curie», nhà xuất-bản Gallimard Paris. Sách này đã được dịch ra các thứ tiếng và được phổ-biến khắp Thế-giới.

nghiêm của bà, nơi đây hai vợ chồng đóng cửa làm việc cả ngày trong thanh tịnh. Cả hai đều tránh các cuộc tiếp-xúc với khách thập phương mộ tài đến viếng thăm. Ít muốn giao-thiệp với người ngoài, ít đi dự các tiệc-tùng, chỉ trốn tránh trong nhà, như hai người ẩn-dật.

Ngày 3 tháng 7 năm 1905, ông Pierre Curie được mời vào Hàn-lâm-viện Khoa - học Pháp. Xin ghi rằng trước đây 3 năm, ngày 9-6-1902, nhiều bạn thân của ông đã giới-thiệu ông ứng-cử vào Hàn - lâm - viện Khoa - học, nhưng các cụ Hàn-lâm ghen-ghét danh-tiếng của Pierre Curie, lại bỏ phiếu cho người tranh-cử với ông, là Amagat, một giáo-sư vô-danh. Ông này được đắc-cử, còn Pierre Curie bị các cụ cho ra rìa !

Năm 1905, các cụ bị báo chí Pháp và ngoại-quốc chỉ-trích nhiệt liệt, nên các cụ phải bầu cử nhà Bác-học đã được giải Nobel, vào Hàn-lâm-Viện.

Thế mà trong số 68 vị Hàn-lâm Khoa-học, vẫn còn có 22 vị bỏ phiếu cho người tranh-cử đối

lập của Pierre Curie, là ông Gernez, một giáo-sư không có thành tích, không có tiếng tăm cũng như ông Amagat trúng cử năm 1902 vậy !

Thế mới biết, dù trên lĩnh-vực Khoa-học, lòng đố kỵ và tính ganh-ghét bần-tiện của con người vẫn chưa nhượng bộ cho tính - thần cao-cả.

Một năm sau, ngày 19-4-1906 hồi 2 giờ 30 chiều, ông Pierre Curie ở trong một buổi tiệc tại viện Khoa-học ra về, bị trời mưa tầm-tã. Ông đi bộ, bước vội-vàng trên lẽ đường Dauphine. Nhưng ông đang trí, băng qua đường trong lúc một chiếc xe ngựa từ sau vụt tới. Con ngựa nhảy xồm lên, hất ông ngã lăn xuống đường nhựa, và đập lên người ông mà cứ chạy tới. Trong giây phút nguy - hiểm, một chiếc xe cam nhông bị mưa làm mờ kiến từ sau lại vùn-vụt chạy tới, dè dặt một sức nặng 6 tấn lên trên người ông. Cái đầu của nhà Bác-học bị bể nát, bắn ra những mảnh óc và những tia máu đỏ ngòm trôi chảy trong nước mưa !...

Hai mẹ con, hai nhà Nữ Bác-học rạng danh một
thế - kỷ :

Bà MARIE CURIE (1867 - 1934)

Phát - minh ra chất RADIUM
Giải Nobel Vật-lý-học 1903
Giải Nobel Hóa-học 1911



Bà Irène Joliot CURIE (1897 - 1956)

Phát-minh ra phóng - xạ - tuyến
nhân tạo.
Giải Nobel Hóa - học 1935

(Xem tiếp trong số tới)

NHẠC LÒNG

Ta với em hòa một điệu thót,
Bởi chưng tư-tưởng hợp nhau rồi,
Bởi chưng duyên-kiếp mình vương-vấn
Mây ở phương nào mây trắng ơi !

Có phải hồn em phảng phất đây ?
Có sao theo dõi suốt đêm ngày,
Sao đem ta buộc vào tâm-sự,
Chữa gặp trăng vàng sao gió say !

Ve vầy tay liền bảo : « Đợi chờ...
(Em là trinh-nữ đứng trong mơ)
Bao giờ sầu chín dáng tim mộng,
Thì gửi tâm-linh trong ý thơ.

Ta sẽ dệt vần thơ thắm xanh,
Êm như khúc nhạc, đẹp như tranh
Đề đêm xuân đến ru em ngủ
Và nở cùng ta giấc mộng lành.



ĐÀO-TỬ-LANG

(University of the Philippines)
Rizal (Phi-Luật-Tân)

Mình Ơi!



Bom Nguyên-tử!

và Bụi Phóng-xạ

Sẽ giết loài người như thế nào?

C HỮU-NHẬT, bà Tú ngồi ủi mấy chiếc son-mi của ông Tú và của bà. Ông Tú ngồi vỗng, ngay trước mặt có kê một chiếc bàn vuông sơn formica, trên mặt bàn ông bày ra bừa-bãi những phấm gỗ nhỏ, những giầy kẽm vụn, những miếng bìa, những đinh, khu-ốc, búa, kềm, lọ keo, lưỡi dao, kéo, và một cuộn chỉ..., Ông đang làm một việc gì, coi bộ chăm-chỉ và bận-rộn lắm. Bà Tú vừa ủi đồ, vừa hỏi, giọng nói nhỏ-nhẹ, thánh-thót :

— Mình làm gì đấy, hả Minh?

Ông Tú điềm-nhiên :

— Anh làm một trái bom 50 tấn.

Bà Tú cười :

— Sao Minh không làm trái bom 50 méga-tonnes ?

— Anh thí-nghiệm trái bom 50 tấn xem ra sao đã, rồi anh sẽ làm trái bom 50 triệu tấn.

Bà Tú cười khúc-khích mãi... Một lúc, bà gọi :

— Minh ơi!

Ông Tú đang cầm kéo cắt miếng bìa để ghép vào cái vỏ trái

bom và lấy keo trét lên cho dính. Ông đáp lời vợ :

— Ơi rồi.

— Minh vừa làm, vừa nói chuyện cho em nghe đi!

— Nói chuyện gì bây giờ? Em không thấy anh đang sản-xuất một trái bom nguyên-tử khổng-lồ sẽ làm kinh thiên động địa đây hay sao?

— Thì Minh nói cho em nghe về các loại bom nguyên-tử sẽ làm kinh thiên động địa như thế nào? Bom nguyên-tử giết hại người ta ghê-gớm lắm phải không, Minh?

— Ừ, ghê-gớm lắm.

— Có mấy loại bom nguyên-tử, hả Minh?

— Trái BOM, nó cũng giống như trái POM bán ngoài chợ, nơi đây hàng trái cây, chỉ khác nhau có chữ B và chữ P. Có loại bom Nhật, bom Hồng-Kông, bom Tây, bom Australie, thì cũng có bom Mỹ, bom Nga, bom Anh, bom Pháp...

— Còn trái bom của Minh đang làm đó..?

— Bom của Mỹ, của Nga là bom nguyên-tử, còn bom của anh đang chế-tạo đây là bom... nguyên-têo!

Bà Tú cười... Ông Tú lấy búa đóng một cái đinh nhỏ một phần vào nơi ngọn «trái

bom» của ông, và nói tiếp :

— Tự-trung, hiện nay Mỹ và Nga có hai loại bom : BOM NGUYÊN-TỬ, thường gọi tắt là Bom A (Bombe Atomique) và BOM KHINH-KHÍ, thường gọi tắt là Bom H, (Bombe à Hydrogène).

— Hai loại Bom ấy khác nhau như thế nào ?

— Bom A chứa Uranium, khi bom nổ thì cái Nhân nguyên-tử (Noyau) của Uranium tách ra, phân-tán ra. (Uranium fission bomb). Bom H chứa khinh-khí, khi bom nổ, khinh-khí nóng chảy ra, (Hydrogen fusion bomb). Đó là chưa nói đến một loại bom mới nhất, do các nhà bác - học đã nghĩ ra, nhưng Mỹ và Nga đều chưa dám làm, vì loại bom ấy sẽ tiêu diệt hẳn quả Địa-cầu ..

— Thứ bom gì kinh-dởm thế, hả Minh ?

— BOM NEUTRON, thường gọi tắt là BOM N. Người Mỹ gọi đùa là «N(othing) Bomb», nghĩa là trái bom này nổ thì trên quả đất chẳng còn gì nữa cả !

Ngày nay, nếu có chiến-tranh

nguyên - tử, chỉ những loại Bom A và Bom H cũng đủ làm tiêu-diệt loài người, không cần phải Bom N.

— Minh nói rõ những tai-hại của hai loại Bom A và Bom H cho em nghe.

— Trái Bom Nguyên-tử đầu tiên của Mỹ, đã thả xuống thành phố Hiroshima của Nhật hồi 8 giờ 17 phút sáng ngày 6 tháng 8 năm 1945, là trái bom nhỏ nhất, so với các loại Bom nguyên-tử hiện nay của Mỹ. Thế mà kết-quả tai-hại của nó đã ghê-gớm lắm rồi.

Thành phố Hiroshima lúc ấy, dân số có 400.000 người. 8 giờ 15 phút, một chiếc máy bay Mỹ từ ngoài biển bay ngang qua thành phố, nhưng bay thật cao tít trên trời xanh, và lặng-lẽ y như một chiếc phi-cơ thám-thính, rồi cũng lặng-lẽ bay đi, biến mất. Không ai để ý đến nó. Bỗng-dưng, 2 phút sau, đúng 8 giờ 17 phút, một tiếng nổ trên nửa tầng mây xanh, một cuộn khói cao 50 thước, xoè ra như một cái nấm khổng lồ, rộng bằng cái nia, và ở trên ngọn lòe ra một

cục lửa đỏ lòm, to bằng chiếc nón lá. Cục lửa ấy chói rục cả vòm trời, sức nóng hơn muôn nghìn lần sức nóng của mặt trời, rồi cả khối cả lửa bao trùm lên thành phố: tức thì 129.558 người bị chết cháy và bị thương gần chết ngay trong giây phút đột-ngột đầu tiên đó. (Trong số ấy, có 47.000 người bị cháy ra than, hoặc thân-thể bị nát tan từng mảnh vụn ; 17.000 người bị sức nóng hút quăng ra biển, và bị tiêu tan trong bụi phóng-xạ ; 28.000 người ngã lăn ra chết trong lúc đang làm việc, hoặc đang đi ; 9.428 người bị tử thương : tự-nhiên bị đui mắt, bị chảy máu ra miệng, bị rụng hết tóc, bị lở lói trên đầu, trên khắp thân-thể, bị què, bị khòm lưng, bị cháy những thớ thịt, bị câm, điếc, và bị loạn óc). Đó là kết-quả khủng-khiếp ngay trong giây phút đầu tiên sau khi bom vừa nổ. Nhà cửa sụp đổ ngổn-ngang, những kẻ sống sót cố bươi ra, tìm thêm được 25.000 xác chết. Sáu tháng sau, TỔNG-CỘNG SỐ NGƯỜI CHẾT (còn đây-dưa chết nữa vì nhiễm bụi phóng-xạ) là 300.000 người, nghĩa là 3 phần 4 dân-số Hiroshima.

Thường-dân Nhật bị chết trong tất cả các trận máy bay ném bom thường, tổng-cộng vào khoảng 400.000 người, mà chỉ riêng mỗi một trái bom nguyên-tử hạng nhẹ nhất, đã giết hại đến 300 000 sinh-mạng ! Và từ đây về sau, mãi cho đến ngày nay, đã cách trên 15 năm, số người Nhật còn bị chết vì hậu-quả của bụi phóng-xạ do hai trái bom nguyên-tử ở Hiroshima và Nagasaki hồi đầu tháng 8 năm 1945 còn nhiễm độc, kể ra vô số ...

Bà Tú ngồi nghe, choáng-váng cả mày mặt. Bà ghệt thở. Ông Tú, lúc ông không thích nói gì thì ông ngồi làm thinh, mà đến khi ông đã nói thì ông nói mãi... Ông nói tiếp :

— Anh nhắc lại, đây là tai-hại của trái bom Nguyên-tử đầu-tiên, thứ bom nhỏ nhất, nhẹ nhất, mà người Mỹ chỉ đem rá ném thử chơi đó thôi. Thật thế, đây chỉ là cuộc ném thử chơi, vì so-sánh với những loại bom nguyên-tử hàng mấy triệu tấn ngày nay, sức mạnh tàn - phá còn HAI NGHÌN LẦN khủng-khiếp hơn, thì trái bom

Hiroshima khác nào một đồ chơi của con nít !

— Bom Nguyên-tử ở Hiroshima và bom Nguyên-tử mạnh nhất ngày nay, khác nhau như thế nào ?

— Trái bom Hiroshima chỉ chứa chất *Uranium*. Sức tàn-phá (20 Kilotonnes), như trên kia là do cái Nhân của Nguyên-tử của *Uranium* phân-tán ra, gây ra sức nóng và sức phóng-xạ đã mãnh liệt lắm rồi. Bom Nguyên-tử ngày nay, gọi là *Superbomb*, (Bom siêu-dạng), các nhà Bác-học chuyên-môn đã tìm ra nguyên-tắc sáng-chế từ năm 1954, và mới thực-hiện mấy năm nay. Bom ấy gồm chung cả bom Nguyên-tử và bom Khinh-khí. Như trái Bom 50 mégatonnes của Nga vừa mới thử, gây công-phấn cả thế-giới. Nó có 3 tầng (Three-stage super-bomb): tầng thứ nhất (fission trigger) là bom nguyên-tử loại Hiroshima, làm bằng *Uranium U-235*. Tầng thứ nhì (fusion liner) đựng chất *Lithium* (loại kim-khí cháy mạnh nhất) và *Deuterium* (Khinh-khí nặng). Tầng thứ ba (outer fission jacket) làm bằng *Uranium* thường, **U — 238**.

Một trái bom Khinh-khí «hạng nặng» ấy, phối hợp cả bom

Nguyên-tử và bom Khinh-khí, rơi xuống đất sẽ gây ra tai-hại như sau đây :

● Ngay chỗ nó rơi xuống, nó sẽ đào một cái hố rộng mà đường kính trên **1600 MÊT**, và sâu **90 MÊT**.

● Trong một vùng rộng lớn **6 KILOMÊT** chung quanh cái hố ấy, tất cả người, vật, cây cỏ đều chết hết. Những người núp trong hầm cũng chết. Cả vùng này hoàn-toàn bị tiêu-diệt, không còn một vật gì sống sót được. Thí dụ như bom Khinh-khí (Bom H) rớt xuống giữa chợ Bến-Thành Saigon, (Nói thí-dụ thế thôi, — lạy Trời đừng có !) thì cả vùng chung-quanh bao gồm các đường Pétrus Ký — Nancy, Bờ-sông — Sở-thú — Hiền-Vương, Phan-thanh-Giản, Ngã-Sáu, sẽ thành một cái hố lớn, sâu 90 mét, trong đó dĩ-nhiên nhà cửa, Bin-đin, biệt-thự, lầu đài, cây cối đều đổ nát cả, và cháy ra than, ra tro. Người ở ngoài đường, ở trong nhà, hay núp dưới hầm, đều chết rụi, chết cháy hết, không còn một mạng.

Kể từ chu-vi ấy rộng ra **6 KILO-MÊT**, cả tỉnh Gia-định và Chợ-lớn, cũng tiêu-diệt hết. Nhà cửa, cầu-cống, dù bằng sắt, hay bằng bê-ton đúc, hoặc bất cứ

chất gì, cũng tiêu tan ra tro, ra bụi. Cháy hết tất cả.

● Rộng ra chu-vi **8 KILO-MÊT**, tất cả những nhà lầu cao lợp bằng tôn đều bị sụp đổ, và san-bằng.

● Rộng ra chu-vi **11 KILO-MÊT**, tất cả những người ở trên đất (không núp dưới hầm) đều bị chết vì phóng-xạ. Những người núp dưới hầm kín khỏi bị chết.

● Rộng ra chu-vi **16 KILO-MÊT**, tất cả những nhà ngói, nhà gạch đều bị phóng-xạ làm tiêu-tan hết.

● Rộng ra chu-vi **25 KILO-MÊT**, cháy hết các nhà bằng gỗ.

● Rộng ra chu-vi **56 KILO-MÊT**, lửa còn bốc cháy các đồ vật khác.

NGOÀI PHẠM-VI 56 KILO-MÊT tính từ nơi bom nổ, cũng không tránh hẳn tai-họa Bom Khinh-khí, và còn bị nhiễm phóng-xạ của nó trong một thời-gian... vô hạn-định.

— Mình ơi, Phóng-xạ là gì mà khiếp thế ?

— Phóng-xạ (tiếng Anh gọi là *Radioactive Fallout*, tiếng Pháp là *Retombées radioactives*), là những bụi do cái Nhân nguyên-tử phóng ra lúc nó nổ tung trong không-khí.

— Bụi phóng-xạ làm hại người ta như thế nào ?

— Các nhà Bác-học đều đã công-nhận rằng bụi phóng-xạ sinh ra các chứng bệnh ung-thư, (cancer) bạch-huyết (*Léucémie*), bất thụ-thai (*Stérilité*), và nhiều biến-chứng khác trong các thể-hệ sau. Nó có hai chất độc nguy hiểm nhất, và nhiễm độc lâu nhất, là chất **STRONTIUM-90** và **CÉSIUM - 137**. Nhất là đối với con nít. Sữa người mẹ bị nhiễm sẽ truyền hai chất đó sang cho con rất mau chóng, nó theo Calcium vào trong xương của trẻ nít, rồi gây ra các chứng căn-cổ, ngu-dần, và các bệnh tật khác. Nó rơi rớt trên cây, lá, cỏ, bò cái ăn cỏ sẽ bị nhiễm độc trong thịt và trong sữa, và truyền nhiễm sang cho người lớn và trẻ con. Tất cả các món ăn đều bị truyền-nhiễm chất độc của Phóng xạ nguyên-tử. Gió, mây, mưa, nước biển cũng bị nhiễm bụi phóng xạ. Nó thấm vào da thịt và

hủy-hoại các sinh-tổ trong cơ-thể con người. Những di-hại của Bụi Phóng-xạ còn dai-dẳng rất lâu về hậu-thế, hiện các nhà Bác-học chưa biết trước được các công-phạt hậu-lai của nó như thế nào.

— Có phương - pháp nào về Khoa-học, hay Y-học, để tránh sự tai-hại của phóng-xạ không?

— Hiện các nhà Bác-học chưa tìm ra được biện-pháp nào gọi là có hiệu-quả để tránh Phóng-xạ nguyên-tử. Người ta đã bày ra một thứ bùa ngãi rất linh-nghiem để giết hại kẻ thù, và giết hại cả chính mình, mà người ta không kiểm ra được thứ thuốc để trừ ngãi, phòng khi chính mình sẽ bị tiêu-diệt cũng như ai. Chính vì lý-do này mà người ta có thể hy-vọng Nga hay Mỹ đều không dám gây ra chiến-tranh nguyên-tử. Các nhà lãnh-đạo bên Mỹ và bên Nga đều biết trước rằng nếu xảy ra chiến-tranh nguyên-tử, thì chỉ trong giờ phút đầu tiên bom nổ, 23 TRIỆU người Mỹ, và 23 TRIỆU người Nga sẽ chết liền tức khắc, và mỗi bên đều sẽ có 26 TRIỆU người bị thương nặng không có thuốc gì cứu chữa được. Cả thành phố Moscou, cũng như

New-York, Paris, London, Pékin, sẽ thành ra biển lửa. 48 giờ sau, tại các vùng bị phóng-xạ xa từ 56 đến 250 ki-lô-mét ngoài nơi bị bom, tất cả dân-chúng và binh sĩ, đàn ông, đàn bà, con nít, đều bị các chứng nhiễm độc, đau đầu, loạn óc, nôn mửa, đau bụng, nóng lạnh, ù tai, đứt mạch máu..., sẽ làm tê-liệt toàn-thể các cơ-cấu xã-hội. Chỉ trong vòng vài ba tuần-lễ sau là chết dần chết mòn... vì độc Phóng-xạ. Như thế, còn ai nữa mà đánh giặc ! Đánh giặc với ai ! Giá sử Krouchtchev gây ra chiến - tranh, và kinh - thành Moscou của Nga sẽ bị một trái bom Khinh-khí tàn phá, thì cả Moscou với dân số 7 TRIỆU người hiện đang sống, kể cả Krouchtchev và chính-phủ Nga, sẽ bị cháy tiêu-tan trong biển lửa ngay trong giây phút đầu tiên, thì còn đánh giặc làm sao được nữa ! Vì viễn-ảnh khủng khiếp không tiền khoáng hậu đó, mà chúng ta cứ tin rằng Nga, cũng như Mỹ, chẳng ai dám gây ra chiến-tranh nguyên-tử cả.

— Minh ơi, thế nhưng làm sao Nga cứ hăm dọa chiến - tranh nguyên-tử ?

— Hăm-dọa là một chuyện, mà liệu-linh gây ra chiến-tranh là một chuyện khác. Hai bên vẫn lo sợ, vẫn gờm với nhau, cho nên càng hăm dọa lại càng lo đề-phòng. Chứng-cớ cụ-thể là năm 1961 này, Mỹ bừa 207 TRIỆU Mỹ-kim xây 250.000 hầm trú ẩn cách xa các đô-thị lớn, để phòng bị, và Nga đã chi tiêu đến 500 TRIỆU Mỹ-kim vào chương-trình phòng-bị bom nguyên - tử. Tuy vậy, vừa rồi Krouchtchev cũng đã tuyên-bố với một nhà báo Mỹ : « *In the present epoch, wars between states are not inevitable* » (Hiện nay, chiến - tranh giữa các nước không phải là không tránh được). Một nhà báo Nga, chính con rể của Krouchtchev, vừa rồi sang Mỹ phỏng vấn ông Kennedy : « Có thể có chiến - tranh Nga - Mỹ không ? » Tổng - thống Mỹ đã mỉm cười đáp : « *I don't believe it ..* » (Tôi không tin là có) Hai ông ấy, không ông nào tin là có chiến-tranh nguyên-tử, thì tại sao chúng ta lại còn lo sợ có chiến-tranh nguyên-tử ?

— Minh lạc-quan quá... Họ

nói thế, nhưng khi phải đánh nhau là họ cứ đánh nhau chứ.

— Cũng có thể, nhưng họ sẽ đánh nhau bằng súng đạn, bằng tàu bay, tàu bò, chứ chưa chắc họ dám đánh nhau bằng Bom H., hay bom A. Dù sao, chúng ta mong có chiến-tranh hơn là đời sống hội-hợp-lo-âu hiện-tại. Có chiến-tranh để dứt-khoát mọi vấn-đề, để tiêu-diệt những kẻ... muốn đè đầu đè cổ thiên-hạ, muốn nuốt sống loài người, muốn chiếm cả Trái Đất làm của riêng mình.

Bà Tú gỡ điện bàn ủi, thở ra một tiếng :

— Em cũng nghĩ như Minh. Đánh nhau thì đánh nhau quách cho xong, cứ hăm-he, hăm-he, phát chán !

Bà Tú cười để thay đổi không-khí nặng-nề đầy đe-dọa của Bom Nguyên-tử, và chỉ vào « trái bom Nguyên-tử 50 tấn » của ông Tú :

— Minh cũng làm trái Bom để giết ai đó ?

— Để giết thì-giờ !

— Minh làm xong chưa, ném

thử em coi nó có nổ không nào !

Ông Tú ném mạnh «trái bom Nguyên-tử» của ông ra sân nhà.



trái Bom



trái Pom

Bà Tú bật cười, thấy những miếng gỗ vụn, những miếng bìa, và sắt, đinh, bủ lon, khu-ốc, rơi ra tung-tóc, kêu rồn-rảng... Bỗng bà hết sức ngạc-nhiên thấy từ trong lớp vỏ giả-tạo ấy lặn ra một trái... POM mới mua ngoài chợ !

Bà Tú chạy lại vớng, ôm chăm lấy ông Tú, cười sặc-sụa :

— Mình làm em hết hồn ! Em tưởng trái BOM thật chứ !

— Thì trái POM thật đấy !

Bà Tú lặn ra cười, cười như nắc-nẻ...

Diệu - Huyền

THUỐC MUỐI SUI TÂM

VECENO

Chuyên trị:

BÓN-Ợ CHUA - BUỒN NÔN-ỢI MỬA
ĂN KHÔNG TIÊU-NO HƠI-SÔI RƯỢT
BAO-TỬ CƠ RÚT

CÓ BÁN KHẮP
• ĐƯỢC PHONG AU-MỸ

NHÂN VẬT



và Trùng-Nhĩ đều bị truy-nã gắt gao để ám hại.

Trùng-Nhĩ ở đất Bồ chạy qua xin tá-túc ở nước Địch. Lúc đó chàng đã 33 tuổi.

Trùng-Nhĩ xương sườn liền nhau, mắt có hai con ngươi. Nhiều người đã căn - cứ vào những điểm khác thường về thể-chất như thế mà tiên - đoán rằng Trùng-Nhĩ sẽ có một số phận và một tương-lai khác thường. Từ

✱ THIẾU-SƠN

Luận Thư ...



ÔNG tử Trùng

Nhĩ là một trong ba người con lớn của Tấn - Hiến.

Công. Sau khi Thế - Tử Thân Sanh đã bị chính cha mình lên án tử hình vì nghe lời vợ nhỏ là Ly-Cơ thì hai công-tử Di-Ngô

CÔNG-TỬ
TRÙNG - NHĨ

nhỏ đến lớn chàng có tánh khiêm-cung, hay kính hiền, chuộng-sĩ. Lúc 17 tuổi đã kính Hồ-Yếu như cha, kính Triệu-Thôi như thầy, kính Hồ-xạ-Cô như bậc tôn-trưởng, phàm trong trào những kẻ sĩ có danh thấy đều kết-nạp nên khi xuất vong được anh-hùng hào-kiệt trốn theo rất đông. Trong đám tòng-vong những người thân-tín và lỗi-lạc nhứt có Triệu-Thôi, Hồ-Yếu, Hồ-Mao, Tư-Thần, Ngụy-Thù, Điền-Hiệt, Hồ-xạ-Cô, Giới-Tử-Thôi, Tiên-Trần, v.v... Những người này phần nhiều đều có quan tước ở Tấn - Triệu nhưng bắt binh vì những hành-động của Hiến-Công nên nhứt-định theo phò-tá Trùng-Nhĩ. Trùng-Nhĩ cảm-động ứa nước mắt đã thốt ra những lời này: « Các người quyết lòng giúp ta cũng như thit dính vào xương. Dầu sống thác ta cũng chẳng dám quên cái ơn đức ấy ».

★

Chẳng bao lâu Hiến - Công chết, Phe Ly-Cơ tung - hoành. Con Ly-Cơ lên nối ngôi rồi bị thí. Nước Tấn cả loạn. Triệu-thần thương nghị rồi làm biểu triệu Trùng-Nhĩ về nối nghiệp.

Tờ biểu có trên 30 chữ ký nhưng không có chữ ký của lão - thần Hồ-Đột, cha của Hồ-Mao và Hồ-Yếu. Tờ nghinh biểu qua tới nước Địch, Trùng - Nhĩ không thấy tên Hồ-Đột thì sanh nghi. Chàng nói: « Hàng Công-tử còn nhiều, chẳng phải một ta. Vả hai đứa nhỏ mới bị giết phe nó đã kết dẫu. Ta vào thì dễ chớ ra thì khó. Như trời giúp ta có lo chi ta không có ngày về nước ». Hồ-Yếu nói: « Thừa lúc tang, nhơn dịp loạn mà về ắt mang tiếng, xin công-tử chớ khứng ». Trùng - Nhĩ bèn tạ sứ rằng: « Trùng-Nhĩ này mắc tội với cha trốn đi xứ khác, cha sống đã chẳng đặng sớm thăm, tới viếng, cha thác chẳng đặng chống gậy, dựa quan, há dám ham nước, xin các quan lựa lập công-tử khác ».

Tần - Mục - Công cũng muốn nhơn lúc này giúp cho một công-tử về làm vua nước Tấn để gây ảnh-hưởng và thế-lực cho Tần. Ông phải lựa một trong hai người con lớn là Di - Ngô và Trùng-Nhĩ. Ông cho sứ-giả tới viếng cả hai người lấy danh-nghĩa là điếu-tang. Trùng - Nhĩ tiếp Tần - sứ, điếu lễ xong rồi

thì lui ngay vào hậu - đường không ngồi cầm khách. Tần-sứ truyền bẩm với Trùng-Nhĩ nếu muốn về nước thì Tần - quân sẽ giúp cho Triệu - Thôi nói: « Người trong nước giúp mình mà từ lại cầu lụy với nước khác cũng không ích gì ». Trùng-Nhĩ bèn trả lời Tần-sứ: « Cám ơn Tần-chúa đoái ta phận hèn mà đến diếu, sau sẽ đáp tạ. Như ta hiện nay cha chết không chi báo bổ, há dám tính gì khác nữa đâu? ». Nói rồi khóc ròng. Tần-sứ xá mà lui-ra về báo cáo lại với Mục-Công.

Trái lại, công-tử Di Ngô hăm hở muốn về nước và hứa với Tần-quân đủ thứ để nhờ sức giúp đỡ của quân Tần. Vì thế mà Di-Ngô được về làm vua lấy hiệu là Tấn-Huệ-Công. Sau Huệ-Công truyền ngôi cho con là Thế-Tử Ngũ-tức Hoài-Công. Trong suốt thời-gian đó Trùng Nhĩ tiếp tục sống trôi nổi bình-bồng và chịu nhiều gian-khổ.

★

Trùng-Nhĩ nương náu ở Địch quốc 20 năm được chúa Địch trọng-đãi, có vợ là Quý - Ngỗi sanh được hai người con trai. Thỉnh-linh có thơ của lão - thần

Hồ-Đột gửi qua cho hay rằng Huệ-Công sai người qua thích khách và hối bọn Trùng-Nhĩ phải lập tức bỏ nước Địch mà trốn đi nơi khác. Trùng-Nhĩ từ biệt vợ con nhưng không dám từ-giã Địch-chúa sợ người chẳng khứng cho đi. Tất cả đều có một lúc khởi hành duy có một người bỏ trốn. Người đó là Đầu Tu giữ chức quản-lý của đoàn đã ôm tất cả vàng bạc châu báu mà đi mất. Trùng-Nhĩ đi được nửa ngày, vua Địch mới hay, tính đem tiền bạc mà tiễn hành nhưng không kịp.

Họ tính đi qua nước Tề nhưng trên đường qua Tề họ phải đi ngang nước Vệ. Quan giữ ải thông báo cho chúa Vệ hay nhưng chúa Vệ ra lệnh đuổi đi mà không tiếp.

Tôi chúa một đoàn đói khát đi đến đất Ngũ - Lộc thì trời đã đúng trưa. Thấy một đám nông-phu đương xúm nhau ăn cơm trên uông, Hồ-Yếu liền đến hỏi xin ăn. Bọn nông-phu hỏi: « Các người ở đâu tới đây? ». Yếu đáp: « Ta là người nước Tấn. Người ngồi trên xe là Chúa của ta. Chúng ta đi lỡ đường hết

lượng, chẳng dám nào xin giúp ta một bữa ». Bọn nông-phu cười mà rằng : « *Người từ-tế hẳn hỏi như vậy sao không làm lấy mà ăn lại đi xin cơm của chúng ta. Chúng ta là kẻ làm ruộng ăn cơm no bụng rồi cấy cày tới ngày, cơm dư đâu mà cho người khác..* »
Yếu lại hỏi : « Không cho cơm gạo, xin cho mượn đồ nấu ăn ». Một bác nông-phu bèn lấy cục đất trao cho mà cợt rằng : « Đất đây làm nồi mà nấu ». Ngụy-Thù nổi xung mắng rằng : « Mấy thằng làm ruộng sao dám khi ta ». Máng rồi giựt đồ nấu cơm đập bể nát. Trùng-Nhĩ cũng giận, rút roi muốn đánh. Hồ-Yếu lật đặt can rằng : « Cơm dễ dặng chó đất khó tìm. Đất là cội nước, Trời mượn tay kẻ làm ruộng đem đất mà trao cho công-tử. Ấy là diễm dặng nước lại giận nó là sao ? Công-tử phải xuống xe lạy nó mà nhận lấy ». Trùng - Nhĩ nghe lời, xuống xe lạy mà lấy cục đất. Bọn nông dân chẳng hiểu ý gì bèn xúm nhau mà cười rằng : « Thiệt là quân gốc ».

Đi dặng mười dặm nữa, ai nấy đều đói bụng-run đi không nổi phải ngồi dưới gốc cây. Trùng-

Nhĩ đói quá dựa trên gối Hồ-Mao mà nằm.

Bọn tông-vong xúm nhau bẻ rau vi nấu ăn đỡ, nhưng Trùng-Nhĩ ngậm vô nhả ra, nuốt không xuống cổ.

Giữa lúc đó Giới-Tử-Thôi bụng một tờ thịt nóng dưng cho Trùng-Nhĩ. Chàng ăn ngon lành rồi hỏi : « Ở đây làm sao có thịt ? » Giới-Tử-Thôi trả lời : « Ấy là thịt bấp về của tôi. Tôi nghe người xưa nói : Con thảo giết mình thờ cha, tôi ngay giết mình thờ chúa. Nay Công-Tử đói lòng nên tôi cắt bấp về mà dâng cho công-tử no bụng. »

Trùng-Nhĩ rơi nước mắt mà than rằng : « Người đi trốn này làm hại cho người nhiều quá, biết lấy chi đền ». Tử-Thôi nói : « Tôi cầu xin Công - Tử dặng mau về nước cho thỏa tình vai về quân thần chó tôi đâu dám trông trả ». Giày lâu Triệu-Thôi mới đến vì đạp gai nên không đi mau được.

Thời xách ra một nồi cháo, múc dâng Trùng - Nhĩ rồi chia cho mỗi người vài muống ăn đỡ lòng.

Tôi Tề, Trùng-Nhĩ được Hoàn-Công tiếp đón ân-cần. Vua Tề lựa trong dòng tôn-thất một người con gái thiết đẹp gả cho Trùng-Nhĩ, cho 20 cỗ xe lại khiến người giữ kho đựng gạo, người đầu bếp dưng thịt mỗi ngày. Từ đó bọn người lưu-vong được no ấm phong lưu. Phần riêng Trùng-Nhĩ, đêm ngày quần quít bên người vợ đẹp, quên cả những nỗi gian khổ đã qua và quên luôn cả bảo-phụ và chí-hướng.

Lúc đó Quân-Trọng đã chết, Tề-hoàn-Công đã già. Rồi vua Tề chết, nước Tề loạn. Ngày tháng trôi qua thắm-thoát đã được 7 năm ở Tề-quốc. Bọn tùy tùng thấy rằng không thể trông cậy được ở sự giúp-đỡ của Tề nên muốn đề-nghị với Trùng-Nhĩ qua cầu-cứu với Sở hay Tần. Nhưng Trùng-Nhĩ không muốn gặp mặt bọn tông - vong và chỉ muốn ở miết bên Khương-Thị. Chờ cả tuần không gặp, bọn Triệu-Thôi, Hồ-Yếu đem nhau vô rừng hội-hợp tính mời công - tử đi săn rồi ép luôn công-tử rời bỏ nước Tề. Bắt đồ cuộc họp kín lại có mấy người thị-nữ của Khương-Thị ngẫu-nhiên nghe được về báo cáo với chủ để lập công. Té ra

Khương - Thị đã không ban thưởng mà lại cho giết luôn bọn thị-nữ để cho âm-mưu khỏi tiết-lộ ra ngoài. Rồi chính nhờ Khương-Thị bày tiệc, phục rượu giúp cho bọn tông - vong đem được Trùng-Nhĩ ra khỏi nước Tề để mưu-đồ đại-sự. Vậy mà khi tỉnh rượu Trùng-Nhĩ còn nổi giận dưng dưng, giựt giáo muốn đâm chết Hồ-Yếu. Hồ-Yếu nhảy xuống xe chạy tránh, chờ cho Trùng-Nhĩ nguôi ngoai rồi cúi đầu xin lỗi : « Giết Yếu mà nên việc cho Công-tử thì Yếu thán còn hơn sống ». Trùng-Nhĩ nói : « Đi chuyển này nên thì thôi, bằng chẳng nên tôi ăn thịt cậu đó ». Hồ-Yếu cười mà đáp : « Nếu chẳng xong việc thì chẳng biết chết tại xứ nào rồi, đâu còn sống cho Công-tử ăn thịt. Bằng mà dặng việc, Công-tử thiếu gì đồ ăn, chó thịt tôi tanh lắm. Công - tử đâu thèm ».

Bọn Triệu-Thôi đều thưa : « Chúng tôi tưởng Công-tử có chí khí lớn cho nên bỏ bà con, xa làng xóm theo Công-tử một phút chẳng rời, cũng mong cho Công-tử thành-công để có chút công-danh với đời. Nay chúa Tần vô đạo, người trong nước ai mà chẳng muốn tôn Công-tử lên làm chúa, sao Công-tử chẳng lo về ? Còn việc nước Công-tử ra

đi là tại bọn chúng tôi công-nghị, chẳng phải một mình Tả-Phạm (Hỗ-Yếu).

Nguy - Thù, một võ tướng cũng xóc ra nói châm-bếm rằng :
• Đại-Trượng-Phu phải ráng sức cho nên danh, tiếng lưu hậu-thế, chớ làm gì lại quẩn-quít với đàn-bà, theo cái vui trước mắt mà chẳng lo cái chức trọn đời ». Trùng-Nhi bị tấn công từ phía trả lời một cách xuôi xị : • Việc đã đường ấy thì mạng-linh là tại nơi các người ».

Thế rồi thầy trò lại kéo nhau đi qua các nước Tào, Tống, Trịnh rồi tới Sở. Vua Sở dùng lễ quốc-quân nghinh tiếp rồi khuyên Trùng-Nhi nên nhờ sức giúp đỡ của Tần. Qua Tần lại có thêm được người vợ đẹp là Hoài-Doanh và được cha vợ đưa về làm vua ở nước Tần lấy hiệu là Tần-văn-Công.

★

Một kỳ sau tôi sẽ nói tới Tần-văn-Công. Kỳ này tôi chỉ bàn tới Công-Tử Trùng-Nhi. Trùng-Nhi xưng sùng đỉnh liên, mất có hai con người, nhiều người cho là quý-tướng tiền đoán thế nào cũng làm chúa. Hơn nữa chàng ăn ở nhỏ nhoi, biết chiều-hiến đãi-sĩ nên được

nhiều người mến phục và giúp đỡ. Nhưng lưu-vong suốt 30 năm trời, trải qua nhiều biến-cổ và hoạn-nạn ta thử kiểm-điểm xem chàng có quả thật là con người xuất chúng không ?

Khi chàng từ chối không chịu về nước lúc có biểu của triều thần triệu về, khi chàng từ-khước sự giúp đỡ của Tần-quân, ai cũng khen chàng là con người hiểu thuận không muốn khi có tang cha mà giành chiếc ngai vàng và không muốn nhận sự giúp đỡ của ngoại-quốc.

Thật ra chàng chưa dám về vì còn sợ sự chống đối của Di-Ngô, vì không có sự ưng-thuận của lão-thần Hồ-Đột và sự tán thành của bọn Hồ-Yếu, Triệu-Thôi. Nếu lúc đó chàng cương quyết chịu về thì sự về của chàng cũng rất là danh chánh, ngôn thuận vì đã có nghinh biểu của quần-thần. Với uy-tín của chàng và sự giúp đỡ của Tần-quân như định chàng sẽ giành phần thắng lợi cũng như Công-tử Tiểu-Bạch đã thắng Công-tử Cũ ở nước Tề. Lão-thần Hồ-Đột sẽ khỏi chết về tay Hoài-Công, chàng có thể giết anh mà khỏi phải giết cháu.

Suốt trong thời-kỳ lưu-vong, chàng không có một sáng-kiến

nào, một hành-dộng nào xuất sắc. Mà mỗi khi chàng làm theo ý riêng là mỗi lần chàng làm bậy. Khi ở Tề chàng không chịu ra đi là vì chàng đã quen mùi chăm êm, nệm ấm ở bên nàng Khương-Thị. Ta không chấp khi chàng nóng giận đã giết giáo-dâm Hồ-Yếu nhưng ta thật ngao-ngán khi cơn giận đã nguôi ngoai mà chàng thốt ra lời này với bộ hạ : *«Việc đã đường ấy thì mạng-linh là ở nơi các người.»*

Nói ra như thế là tự tước quyền chỉ-huy của mình, là đặt mình dưới quyền định-đoạt của kẻ dưới, là thủ-tiêu tranh đấu, là cầu an. Cũng may là bọn tòng-vong đều là những người hào-kiệt. Nếu không thì còn chi là sự-nghiệp với tương-lai ?

Trong một phút cao-hứng chàng đã nói được những lời đẹp-đẽ :

«Các người quyết lòng giúp ta cũng như thịt dính vào xương. Dầu sống thác ta cũng chẳng dám quên cái ơn đức ấy.»

Đó là một lời thề khi chàng chưa làm vua. Nhưng tới khi đã chễm-chệ ở ngai vàng ta sẽ thấy cũng như tất cả mọi ông vua chàng sẽ đối xử với công-thần

như thế nào ?

Nực cười nhưt là khi chàng cầm roi muốn quất bọn nông-phu không chịu nhịn miệng cho chàng ăn. Thái-độ bọn nông-dân có thể không cao-thượng nhưng họ là những con người thực-tế và có những lý-luận rất khôn-ngoa.

Họ phải lao-động sản xuất mới có cơm ăn, sao lại có một bọn người sang-trọng mạnh-khỏe như thế mà phải đi ăn mỳ ? Có lẽ suốt đời họ chưa hề tiếp-xúc với bọn vua quan nên họ mới ngạc-nhiên sao lại có hạng người không chịu làm mà cứ đòi ăn, không cho ăn thì hăm he đòi đánh ?

Nực cười hơn nữa là khi họ thấy Trùng-Nhi thành-linh thay đổi thái-độ quí-lay mà xin lãnh cục đất của họ cho.

Câu chuyện trên đây chứng minh một lần nữa là bọn vua quan phần nhiều xa rời nhơn-dân, bóc lột nhơn-dân lại hay đặt ra những chuyện dị-đoan để xây-dựng uy-tín, củng-cố địa-vị trong một xã-hội phong - kiến đã man. Họ không có đức-độ để cảm-phục người, chưa đủ quyền-thế để uy-hiệp người thì họ kéo ông Trời xuống để giúp oai và trợ lực.



NHỮNG

ANG THƠ HAY

★ THẨM-THỆ HÀ

Một rằng lưu thủy, hai
rằng Hành-vân.

Quá . quan này khúc
Chiêu-quân,

Nửa phần luyện chúa,
nửa phần tư gia.

Trong như tiếng hạc
bay qua,

Đục như nước suối
mới sa nửa vời.

Tiếng khoan như gió
thoảng ngoài,

Tiếng mau sấm sập như
trời đổ mưa.

● I. — KIỀU ĐÀN CHO KIM-TRỌNG NGHE SAU KHI THỀ NGUYỄN

So dẫn dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo văn
cung, thương.

Khúc đầu Hán Sở
chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt, tiếng
vàng chen nhau.

Khúc đầu Tư Mã
Phượng-Cầu,
Nghe ra như oán, như
sầu phải chăng ?

Kê-Khang này khúc
Quảng-Lãng,

II — KIỀU ĐÀN CHO KIM- TRỌNG NGHE SAU KHI TÁI . HỢP

Khúc đầu dăm . ấm
dương-hòa,

Ấy là hồ-diệp hay là
Trang-sinh ?

Khúc đầu êm ái xuân-
tinh,

Ấy hồn Thục - Đế hay
mình đồ - quyền ?

Trong sao châu rõ
duênh quyền,

Ấm sao hạt ngọc Lam.
Diễn mới đông.

NGUYỄN-DU

(Đoạn-Trường Tân-Thanh)



T RÊN quan-diêm nghệ-
thuật, tả cảnh ngụ tình đã khó,
tả âm-thanh ngụ tình lại càng khó
hơn nhiều. Xưa nay, các thi-nhân
đạt được nghệ-thuật tả tiếng đàn
rất hiếm, ta có thể đếm trên
đầu ngón tay. Nếu phương Tây
chỉ sản-xuất được một Pierre
Révedy tài-hoa với bài *Secret*,
nếu Trung-Hoa thời xưa chỉ
sáng chói một Lý Thương-Ẩn
với bài *Cầm sắt*, một Bạch-
Cư Di với bài *Tỳ-Bà-Hành*,
thì ở Việt-Nam cũng chỉ rực-rỡ
một Nguyễn-Du với những đoạn
tả tiếng đàn trong thi-phẩm trác-
tuyệt *«Đoạn - Trường Tân-
Thanh»*.

Đề hiểu thêm thi-tài của nhà
thơ bất-tử đất Tiên-Điền, ta
thử phân tích nghệ-thuật của ông
qua hai đoạn thơ *«Kiều đàn cho*

Kim-Trọng nghe sau khi thề
nguyên» và đoạn *«Kiều đàn cho*
Kim-Trọng nghe sau khi tái-
hợp». Đó là hai đoạn thơ tiêu-
biểu nhất về nghệ-thuật tả âm-
thanh của Nguyễn-Du.



Thúy-Kiều là người đa-cảm
đa-sầu, tin-tưởng ở thuyết *«Tài-
mệnh tương-đố»*. Nàng đã thề-
hiện ý-thức bạc-mệnh trong bản
đàn do nàng sáng-tác. Khi gặp
Kim-Trọng là người đồng tình
đồng-diệu, nàng dễ tơ lòng rung
động và cùng chàng Kim hẹn
ước ba sinh. Sau khi thề-nguyên,
Kim-Trọng ngờ ý muốn nghe
đàn. Kiều vâng lời, gảy cho
chàng nghe *«Cung đàn bạc-
mệnh»*.

Đề tả tiếng đàn ấy, Nguyễn-
Du đã áp dụng hai phương-pháp :

PHÉP DẪN-KHỞI VÀ
PHÉP SO SÁNH.

Tiếng đàn khởi đầu bằng một nhạc khúc hùng hồn, âm-thanh sang sảng, rộn-ràng như tiếng giáo sắt, gươm vàng chạm nhau ngoài bãi chiến, khi Hán-Cao-Tổ Lưu-Bang cùng Sở-Bà-Vương Hạng-Vô tranh-cường. Khúc hùng-hồn bỗng chuyển sang điệu u-buồn tình-tứ như bản «*Phượng Cầu Hoàng*» của Tư Mã Tương-Như đời Hán gây lên đề quyến-rũ Trác-văn - Quân. Nhạc-diệu tương-tự phút chốc biến thành một âm-huống thanh-thoát chơi-vơi như mây bay nước chảy, khác nào khúc «*Quảng-Lãng*» của Kê-Khang ngày xưa. Rồi điệu đàn êm-ái thần-tiên lại chuyển sang điệu bi-thương não-nùng như khúc «*Quá Quan*» của nàng Chiêu-Quân biệt Hán sang Hồ, chứa đựng bao niềm nhớ thương lưu-luyến :

*Khúc đầu Hán, Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng
chen nhau.*

*Khúc đầu Tư-Mã Phượng-cầu.
Nghe ra như oán, như sầu phải
chăng ?*

*Kê-Khang này khúc Quảng-Lãng,
Một rằng Lưu-thủy, hai rằng
Hành-vân.*

*Quá-quan này khúc Chiêu-quân,
Nửa phần luyến chúa, nửa phần
tư-gia.*

Ở đoạn thơ trên, Nguyễn-Du đã mượn những khúc đàn của người xưa để nói lên sự diễn-tiến tình cảm của nàng Kiều. Mỗi tình đầu đã gieo cho nàng sự xao-xuyến rộn-ràng, nhưng cũng đồng-thời gieo cho nàng sự băng khuâng, lo sợ. Mỗi một chuyển điệu đều đánh dấu một biến-chuyển mong-manh của tình cảm. Thật là sâu-sắc và tế-nhị thay nghệ-thuật dẫn-khởi của Nguyễn-Du !

Bốn lần nhạc-khúc biến-chuyển là bốn lần âm-thanh biến đổi. Tiếng nhạc khi trong, khi đục, khi chậm khi mau. Tiếng trong thì phở giọng kim cao vút như tiếng hạc lằng-lằng ; tiếng đục thì phở giọng thổ trầm-trầm như tiếng suối tuôn bên ghềnh đá. Có lúc nhạc lời chậm-chậm như hơi gió thoảng ngoài ; có lúc nhạc tấu đập-dồn như tiếng mưa rơi tầm-tã.

*Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa
vời.*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ
mưa.*

Đến đoạn này, ta càng thấy sự tinh-tế của Nguyễn-Du khi tả sự chuyển-biến của nhạc-diệu tương-xứng với sự chuyển biến của nhạc-khúc. Tác giả thận-trọng tả âm-thanh của từng tiếng tơ ; những tiếng tơ ấy hợp thành điệu ; mỗi điệu phù-hợp với tình-thần mỗi nhạc-khúc.

Ta thử vạch ra đây một bảng đối-chiếu giữa Tiếng, Điệu và Khúc :

Tiếng trong : điệu hùng-hồn (khúc Hán, Sở chiến-trường)

Tiếng đục : điệu u-buồn (khúc Phượng-Cầu-Hoàng).

Tiếng chậm : điệu êm-ái (khúc Quảng-Lãng).

Tiếng mau : điệu bi thương (khúc Quá-Quan).

Và đề gợi cho ta những cảm-giác về thính quan, tác-giả đã dùng phép so-sánh âm-diệu của

tiếng đàn với âm-thanh của ngoại vật. Về nghệ-thuật này, ta thấy rõ Nguyễn-Du ảnh hưởng bởi một bài Đường-Thi : *Bài Tôn-Thị Cầm-thi*.

Sơ nghị táp.táp lương phong động,

Hựu tự tiêu-tiêu mộ vũ linh.

Cận nhược lưu-tuyền lai bích-chướng,

Viễn như huyền hạc hạ thanh-minh.

nghĩa là :

*Mới nghe đìu-điu như hơi gió mát
Sau nghe rộn-rã như trận mưa chiều
Gần nghe như tiếng suối chảy qua
rừng biếc,*

*Xa nghe như tiếng hạc rơi xuống
bể khơi.*

Cùng một ý, hai tác-giả diễn-tả với hai phương-pháp khác nhau. Tác-giả bài «*Tôn Thị Cầm Thi*» dùng phép so-sánh theo trật-tự thời-gian và không-gian.

Thời-gian : mới nghe, sau nghe.

Không-gian : gần nghe, xa nghe.

Nguyễn-Du dùng phép so-sánh theo sự biến-chuyển của âm-thanh (*trong, đục, chậm mau*) để lồng vào đó tình-cảm của người đàn. Chính phương-pháp này mới hợp với đề-tài và giúp tác-giả đạt được nghệ-thuật truyền-cảm sâu-sắc.

Cũng có người cho rằng Nguyễn-Du đã dựa vào hai câu thơ trong *Kinh-Thi* :

**«Thanh như hạt lệ phi
thiên thượng,
Cấp tự lưu tuyến tòng
thủy trung».**

Nếu quả vậy thì Nguyễn-Du đã mượn một ý so-sánh của người xưa, thêm vào đó phần sáng-tác của mình cho hợp tình hợp cảnh. Khách quan mà nhận-xét, chữ THANH và chữ CẤP không nhất trí bằng chữ TRONG và chữ ĐỤC, dùng để diễn-tà tính-chất của âm-thanh. Và lại, có dùng chữ TRONG và ĐỤC thì mới liên-quan mật-thiết với chữ CHẬM và MAU ở hai câu kế tiếp.



Trên đây, chúng ta vừa phân-tích nghệ-thuật tả tiếng đàn của Nguyễn-Du ở đoạn thơ thứ nhất, giờ ta thử đề-cập đến đoạn thơ thứ nhì.

Sau mười lăm năm luân-lạc, Kiều mới gặp lại chàng Kim. Trong lúc hàn-huyên tâm-sự, Kim-Trọng hỏi lại ngón đàn ngày xưa. Nề lòng người cũ, Kiều đàn lại một lần cuối cùng

Đề tả tiếng đàn này, Nguyễn-Du đã PHỐI-HỢP SONG-HÀNH PHÉP DẪN-KHỞI VỚI PHÉP SO-SÁNH.

Tiếng đàn khởi đầu bằng một khúc đầm-ấm dương-hòa, gieo cho người nghe cái cảm-giác mơ-màng như Trang - Chu hóa bướm, không còn phân-biệt mình là bướm hay bướm là mình. Khúc đầm-ấm bỗng chuyển sang khúc êm-ái xuân-tình gieo cho ta cái cảm-giác ảo-huyền, không còn phân-biệt đó là tiếng con đò-quyên khắc-khoải kêu sầu hay là lời thờ-than của hồn Thục-Đế. Điệu đàn có khi trong như hạt châu rõ xuống duềnh trắng, có khi ảm như hạt ngọc Lam-diền mới tượng hình bốc lên những làn khói ảm-áp.

*Khúc đầu đầm-ấm dương-hòa,
Ấy là Hồ-diệp hay là Trang-Sinh?*

*Khúc đầu êm-ái xuân-tình,
Ấy hồn Thục-đế hay mình đồ-quyên?*

*Trong sao châu rõ duềnh quyên!
Ấm sao hạt ngọc Lam-diền mới
đong?*

Ở bản đàn cuối cùng này, Nguyễn Du cũng dùng phép dẫn khởi để thể-hiện tình-cảm của nàng Kiều qua hai hiện-tượng : Trang-Sinh và Thục-Đế.

Cung đàn sao mà có một âm-hường huyền-ảo lạ ! Nó đưa tâm-hồn người đàn, người nghe và cả chúng ta nữa vào một thế-giới hư-hư thực-thực, khiến cho trong khoảnh-khắc, không ai còn phân-biệt được đâu là thực, đâu là hư. Đó là Trang-Sinh (*thực*) hay là Hồ-diệp (*hư*) ? Đó là Thục-Đế (*hư*) hay là đồ-quyên (*thực*) ? *Biên-giới giữa hư và thực như bị xóa-nhòa bởi âm-thanh của cung-đàn kỳ-diệu.*

Cái hiện-tượng Hư, Thục ấy phản-ảnh đúng tâm-trạng của nàng Kiều lúc bấy giờ. Cảnh

trước mắt nàng đây là hư hay là thực ? Cả Kim-Trọng và nàng nữa, hai người đang sống trong thực-tế hay trong mơ ?

Mười lăm năm trôi qua như một giấc mộng hãi-hùng, ngày tái-hợp nàng cũng còn ngỡ là một giấc mộng, nhưng lại là một giấc mộng đẹp tuyệt-vời.

Về nghệ-thuật so-sánh, Nguyễn Du dùng phương-pháp khác hẳn đoạn trên. Ở đây ông không so-sánh âm-thanh với âm-thanh, mà lại so sánh âm-thanh với hiện-tượng cùng gieo những cảm-giác tương-dồng.

Đến đây, tưởng ta cũng nên dừng lại để so-sánh đoạn thơ này với một bài Đường thi : bài «Cầm-sắt» của Lý Thương-Ẩn.

**Cầm.sắt vô đoạn ngũ
thập huyền,
Nhứt huyền, nhứt trụ, tứ
hoa niên.
Trang Sinh hiều mộng
mê hồ-diệp,
Thục.Đế xuân tâm thác
Đồ quyên.
Thương.hải nguyệt minh
châu hữu lệ,
Lam.diền nhật noãn ngọc
sinh yên.**

Thử tình khả dài thành
truy ưc.
Chỉ thị đương thì dĩ
võng nhiên.

dịch là :

Bồng nhiên năm chục dấy tơ,
Mỗi dấy, mỗi trục bợ-thờ hoa
niên.

Giấc mơ Hồ-điệp, Trang-Sinh,
Ấy tình Thục-Đế hiện thành Đồ-
quyển.

Bể xanh trắng sáng triền-miền,
Lệ kia bông chóc hóa liền hạt châu.
Ruộng lam xanh mướt một màu,
Ngọc phơi nắng ấm, khói sầu bông
đáng.

Tình này lưỡng những bàng-khuảng
Chỉ e tình ấy tan dần rồi đây.

(XUÂN-TUỐC dịch)

Qua bài Đường-thi trên, ta lại thấy Nguyễn Du chịu ảnh-hưởng rất nhiều từ-thơ của Lý Thương-Ẩn. Tuy-nhiên, lời thơ của thi-sĩ Tố-Như thật uyên-chuyên, lưu-lệ, gợi cho ta sự thông-cảm đậm-dà với tâm-sự của người trong cảnh. Ta không nên quá nghiêm-khắc cho rằng Nguyễn Du đã « đạo văn » của cồ-nhân. Tính-cách so-sánh ước-lệ đã quá phổ-biến trong văn-chương cồ-diễn, ở Trung-Hoa cũng như ở Việt-Nam thời

xưa. Tôn-Thị đã phỏng ý của Kinh-Thị. Nguyễn Du đã phỏng ý của Kinh-Thị, Tôn-Thị lẫn Lý Thương Ẩn. Và bao nhiêu tài-thơ khác nữa đã khép nguồn cảm-hứng mình trong khuôn-sáo, trong sự mô-phỏng, vậy mà ta vẫn tìm được ở mỗi tác giả những nét cá-biệt, những màu-sắc tân-kỳ, những sự rung-cảm mới-mẻ. Chính đó là n hệ-thuật của nhà thơ đất Tiên-Điền, cái nghệ-thuật đã biến một tác-phẩm rất tầm-thường của Thanh-Tâm Tài-Nhân thành một « Đoạn-Trường Tân-Thanh » bất hủ.

★

Tóm lại, với hai cung-dàn, Nguyễn Du đã thể-hiện hai tâm-trạng giữa hai hoàn-cảnh đặc-biệt. mỗi âm-thanh đều nói lên một sự xao-xuyến của tâm-tư. Cung-dàn đầu tiên biểu-lộ sự lo-lắng, bi thương bao nhiêu thì cung-dàn cuối-cùng biểu-lộ sự vui-mừng, đầm-ấm bấy nhiêu.

Tả âm-thanh mà ngụ được tình, hiện được cảnh, tả một bản nhạc mà khiến cho ta liên-tưởng đến bao nhiêu bản nhạc tuyệt-kỹ của người xưa, ngòi bút của Nguyễn-Du quả đã đạt được một nghệ-thuật tinh-xảo tài-tình, có thể nói là đã nhập-diệu rồi vậy.

Một giấc Mơ hoa



★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P. T. số 70)

★ 30-6.

Hồng vừa nghe lóm các Cụ ngồi nói chuyện ở xa-lông, phê-bình : « Con gái đời nay văn-minh quá ! Mới 14, 15 tuổi, chuyện gì cũng biết. Nhất là chuyện tình ! Chả trách con gái đời nay mau hư-hồng ! »

Hồng ngồi trong phòng-học, cười tủm-tủm một mình, tự bảo : « Không khéo Thầy Me đã biết chuyện của Hồng với Hải cũng nên ? » Nói thế chứ, làm sao các Cụ biết được ? Mỗi tình của Hồng mới

nở, (kể ra cũng chả còn mới tý nào, vì đã nở từ ba bốn tháng nay rồi!), Hồng vẫn giấu âm-thầm và âu-yếm trong ngăn-tủ của con tim, có ổ-khóa khóa kín-mít, ông giờ mở cũng không ra, nữa là...!

Nhưng Hồng có tật giật mình thế thôi, chứ các Cụ phê-bình chung các cô thiếu-nữ đời nay, đâu phải ám-chỉ riêng gì đứa con gái « ngày-thơ » trong gia-đình !

Có điều con gái Duyên-Hồng của Thầy Me đã mất một nửa cái ngày-thơ của tuổi hoa-niên rồi. Chính Thời-buổi mới ngày nay đã cướp mất một nửa kia.

Nhưng biết làm thế nào ? Con gái của Thế-hệ hiện-đại, chỉ là nạn-nhân, chứ đâu phải là thủ-phạm ! Nếu người ta thường bảo rằng « Thời-thế tạo anh-hùng » thì ta cũng có thể nói rằng « Thời-thế tạo duyên-nợ », vì lẽ người con gái hình như luôn luôn đóng vai trò thụ-động, trong buổi sơ-giao. Tiếc rằng trí-óc của Hồng còn non-nớt quá, Hồng chưa học đến khoa triết-lý, và xã-hội-học, nhưng Hồng thấy rất giản-dị rằng con gái ngày nay nếu có hư-hồng chẳng nữa thì đó là cái hư-hồng chung của thời-đại. Ý-nghĩ, ngôn-ngữ, hành-vi, tất cả những gì của chúng ta đang có, tốt hay xấu, đều do một phần là sản-phẩm của thời-gian đang biến-cải, chứ đâu phải hoàn-toàn do tuổi trẻ tạo-tác ra.

Xét thật đúng đắn, với tất cả bình tĩnh khách-quan trong cuộc văn lương-tâm giữa những xôn-xao của đời sống mới, Hồng thấy rằng đối với những chị 24, 25 tuổi như chị Vân, chị Mai, thì Hồng có thể hành-diện là « gái mới », nhưng đối với Loan chẳng hạn thì nó đã cho Hồng là « bà cụ non » rồi đấy !

Hồng thích ở nước giữa, mức trung-bình, hòa-hợp được phong-độ căn-bản cũ với « đợt sóng mới » của con người đang thêm-thường giải-thoát ra ngoài các kỹ-cương.



Từ này giờ, Hồng nghĩ vớ-vẩn, viết bậy-bạ cho vui đấy. Ý-nghĩ của Hồng, nếu đúng hay là sai, cũng chẳng qua là ý-nghĩ của một số đồng thiếu-nữ của thời-đại, sau khi nhận-xét cuộc tiến-hóa xáo-trộn chung quanh mình. Chứ không phải ý-nghĩ riêng-tư của một mình Hồng thôi. Tất cả đều đang mắc phải « chứng bệnh của Thế-kỷ » (Le mal du Siècle)

★ 26 - 8 — Sao lại lá thư gửi Hải :

Anh Hải thân-yêu,

Thư này là lá thư thứ *mười sáu* em viết đến anh. Nó cùng với số tuổi của em. Và chắc hẳn nó cũng trao về anh tất cả những ý-nghĩ chân-thật và tha-thiết của Duyên-Hồng đối với anh, người mà em thân-yêu lần đầu tiên và có lẽ mãi mãi... Chắc anh đã hiểu em nhiều, vì sao em vẫn chưa dám gọi anh là « anh Hải thân-yêu của em ». Cũng như chưa bao giờ em dám tự nhận em là « người yêu của anh ». Em rất sung-sướng nếu em được là « người yêu anh » trong một thời-gian trước khi được hưởng hạnh-phúc diễm-tuyệt là « người yêu của anh » mãi mãi...

Anh ơi, em xin thưa thật với anh rằng em khó giả nhời câu anh hỏi : « em có ghen không ? » Thế nào là « ghen », hả anh ? Em còn nhỏ tuổi, em chưa có kinh-nghiệm nhiều về tình yêu, em đâu có hiểu « ghen » là gì ? Cũng như lúc trước, em chả hiểu « tương tư » là gì cả. Đến lúc em bắt đầu yêu anh, em mới biết hai chữ *Tương tư* là cả một thế-giới huyền-mơ thi-mộng ! Thế còn ghen ? Nó thế nào anh nhỉ ? Nó có phải là một thế-giới huyền-mơ thi-mộng không, hả anh ?

Ồ ! Nếu nó đẹp được như thế, thì chắc-chắn là Duyên-Hồng sẽ ghen lắm, anh ạ. Tội gì mà không ghen cơ chứ, nếu ghen là thanh-cao, trong sáng, ngào-ngạt hương hoa, nếu ghen là con đường đầy sắc màu diễm-lệ dẫn đến Thiên-đường của Tình yêu ? Nhưng, trái lại, nếu ghen là cánh cửa mở vào Địa-ngục, thì, ôi thôi, em chả dại gì mà ghen để mang lấy nghiệp khổ ! Đây là em nổi thí-dụ, vì em chưa hiểu ghen là thế nào.

Mấy con bạn của em trong lớp có bảo với em rằng « ái-tình là ích-kỷ ». Có lẽ chúng nó có đôi chút kinh-nghệm hơn em, hoặc là chúng nó nghe lời của người lớn nói lại. Riêng em, em chưa nhận thấy thế. Có điều em tin chắc rằng : chừng nào em là của anh, thì em yêu một mình anh thôi. Chừng đó, chắc anh khỏi cần ghen, nếu quả thật « tình yêu là ích kỷ ».

Còn đối với anh hiện nay, em chẳng thấy « ghen » gì cả. Em vẫn in-tưởng rằng anh yêu em. Anh yêu em sao em lại « ghen » ? Có yêu phải có ghen sao ? Không, em không tin như thế ! Dù sao, em chắc rằng em chẳng bao-giờ biết ghen là gì đâu, anh ạ. Đây, anh đã hỏi, em xin tạm giả nhờ anh về những ý-nghĩ của em về « ghen ».

Em rất vui-mừng nhận được tấm ảnh của anh gửi tặng em. Hôm nọ, nhìn nụ cười của anh, em thấy anh đẹp vô ngần. Em cứ muốn anh cười như thế mãi để em thấy anh đẹp như thế mãi. Thế mà lạ làm sao, hôm nay xem bức ảnh anh chẳng cười một tý nào, em vẫn thấy anh đẹp tuyệt, anh đẹp hơn tất cả những người đàn-ông khác. Em vừa dán xong tấm ảnh của anh trên trang nhật-ký của em. Không nói chắc anh cũng đoán biết rằng em quý trọng nhật-ký của em bao nhiêu là em quý bức ảnh của anh bấy nhiêu vậy.

Còn anh hỏi ảnh của em ? Em có ảnh chụp hôm Tết, đáng nhẽ em gửi tặng anh ngay, nhưng em nghĩ thế này, anh ạ. Em nhận được ảnh của anh, rồi em gửi ảnh của em, như thế có vẻ như một cuộc trao đổi... Em thích rằng tình-yêu không có trao-đổi. Bởi tình-yêu không phải là món nợ lòng, mà « có ăn phải có trả » như thói thường của thiên-hạ.

Em được món quà anh trao tặng, em sung-sướng nhận lĩnh, và ôm-ấp trong lòng em món kỷ-niệm quý-báu của lòng anh. Anh ơi, kỷ-niệm ấy đẹp lắm, em không muốn trao đổi kỷ-niệm nào của em nữa cả. Không có kỷ-niệm nào của em xứng-đáng với của anh..

— Vâng, em sẽ sắp đặt thì giờ và công việc của em thế nào để Trung-Thu này chúng ta được gặp nhau. Hôm nay, em đã học thuộc các bài và làm xong hai bài toán Hình-học, nên có thì giờ viết thư

dài đến anh. Anh đọc thư dài, anh có ghét em không ?

Trao về anh muốn vàn yêu nhỏ.

DUYÊN-HỒNG

Tái-Bút. — Một lần nữa, em xin nhắc lại câu giả nhờ của em : em không biết « ghen » là gì đâu nhé.

★ 12-9

Sáng nay Thanh cho xem bức ảnh chụp ngoài bờ sông sáng chủ nhật tuần trước với Hải, và hai đứa bạn gái trong lớp Thanh. Vô tình, Thanh làm cho Hồng buồn. Nếu Thanh chụp hình một mình với Hải, hai anh em chụp hình vui như thế là việc thường, không đáng nói. Nhưng sao lại có hai con bạn xen vào đây ? Hồng biết mặt cô ả đứng bên cạnh Hải, nhưng không biết tên. Giờ chơi, nó vẫn thường cặp tay Thanh chuyện trò thân mật. Nhưng sao Thanh lại rủ nó đi chụp hình ngoài bờ sông với Hải ? Hải có đi chơi với cả bọn nó sáng chủ-nhật tuần rồi sao ? Sao Hải đứng chụp chung hình với cô thiếu-nữ ấy ? Trông mặt con nhỏ đáng ghét tẹt.

Xem qua-loa rồi Hồng giả ảnh lại Thanh. Thanh vẫn vô-tình kể chuyện đi dạo chơi ngoài bờ sông «vui lắm».

Vui lắm ? !...

★ 13-9. — 8 giờ tối.

Buồn da-diết ! Buồn ôi là buồn !

★ 14-9. — 12 giờ khuya.

Sao ta khóc nhỉ ? Chẳng có chuyện gì cả, sao Hồng lại gục đầu vào gối khóc cả giờ ? Sao vô-lý thế nhỉ ?... Hồng muốn viết nhiều lắm, nhiều lắm. Nhưng chán-nản, viết để làm gì ? !...

★ 15-9.

Vừa làm xong bài «thơ» vớ-vẩn !

TANG THƯƠNG

Phải chăng ngăn lệ của Tình yêu ?

Ngăn lệ đầu-tiên chảy quá nhiều !

Sầu hận tuôn rơi từ bốn hướng,

Ấm-thầm ngập cả giấc cô-liên !

Một nụ hoa Duyên ánh diễm-Hồng,

Hương tình ngào-ngọt đùn thu-phong

Ngờ đâu mưa gió hoa tàn-tạ,
Khéo bẽ-bàng duyên, khéo nảo-nùng !
Duyên hỡi là Duyên ! Tơ hời tơ !
Ai xui ta lựa mấy vần thơ ?
Tang điền thương Hải mây tan-tác,
Hìn-hắt hoang-tàn một bóng mơ !

(10 giờ đêm)

Ôi, thơ-thẩn mà chi, càng thêm đau khổ ! Hồng không muốn nghĩ đến chuyện vãn-vơ nữa.

★ 19-9. Hồi dò Thanh mới biết con nhỏ đứng chụp hình ở bờ sông bên cạnh Hải, tên là con Lang. Chỉ đọc một cái tên ấy cũng đã thấy nó dốt rồi. Lan mà viết có g, chẳng nghĩa-lý gì cả. Sao nó ngu thế, Lan mà có g ! ! Dốt thế mà cũng học Đệ-ngũ ! !

★ 20-9.

Môm nay mới nhìn thấy rõ mặt con Lang (!).

Cái mặt dày như bánh-đúc. Cái mũi hinh lên y như mũi mấy chàng clowns hát xiếc ! Trông cái bộ-tịch vô-duyên làm sao ! Thế mà cũng chụp hình, không biết trơ !

Ôi thôi, mặc xác nó, hơi đâu mà phê-bình ? Hồng chả cần để-ý đến nó. Nó có ăn thua gì với Hồng !

★ 22-9 — Sao lại lá thư gửi Hải sáng nay :

Anh Hải thân yêu,

Hôm nọ, ngẫu-nhiên Hồng được hân-hạnh xem tấm ảnh anh chụp ngoài bờ sông, với Thanh và hai cô thiếu-nữ nào đấy nữa. Em xin thành-thật khen anh rất đẹp trong tấm ảnh ấy, đẹp hơn cả tấm ảnh anh tặng em hôm tháng trước.

Bên cạnh cô thiếu-nữ yêu-kiều diễm-lệ nào đấy, anh càng đẹp gấp trăm nghìn lần ! Em khen thật đấy, anh ạ.

Em xin chúc anh vui vẻ trẻ-trung. Đời đẹp như mộng, anh nhĩ.

Thân-yêu,

DUYÊN-HỒNG.

M E

v à

C O N

(La mère et la fille)

★ A.T.

● THẨM-THỆ-HÀ dịch

Cô bé rón cữ-dộng đề trèo lên xe, nhưng nó té liền ngay xuống cạnh đấy, giữa con đường đầy bùn. Gương mặt gầy nhỏ bé, đôi mi nửa khép, biểu-lộ sự đau đớn và kiệt-lực ; nó giống như một con chó con, với sợi dây xích mang ở cổ, bất-dộng trước chiếc hàng rào kiên-cố, nhìn người qua đường mà không thể buông ra một lời cầu-khẩn. Ích-Tôn đưa mắt nhìn quanh : dưới những vầng mây ướm-át mùa xuân, cảnh đồng thật vô cùng quạnh-quẽ. Hân bỗng cô gái lên tay. Đầu nó nghiêng trên vai hân, nhưng bỗng nó rút đầu lại với một cử - chỉ sợ - hãi. Hân cảm

Q

đã nhặt nó trên đường. Mới thoáng nhìn, họ tưởng cô gái bé ấy đã chết, và Minh-Kha vội lái xe sang một bên để tránh phải cán chân nó. Nhưng nó ngàng đầu, gió phất tung mái tóc nó như một mớ cỏ cháy. Minh-Kha vội hãm xe lại ; Ích-Tôn đang ngồi cạnh hân vội nhảy xuống xe và cúi xuống nhìn cô bé :

— Trèo lên xe mau !

PHỔ THÔNG — 71

thấy nó ồm ỹ, mảnh-khảnh, dường như bộ xương nó đều trống-rỗng ở bên trong.

Ích-Tôn đặt nó lên xe, trên một cái bao bằng vải sơn dầu, giữa hai thùng đạn dược. Xong xuôi, hân thót lên chỗ ngồi, đóng cánh cửa lỗ-đồ những vết đạn, ra lệnh :

— Lên đường ! Đã trễ rồi !
Minh-Kha nói :

— Con bé ấy có lẽ ở gần đây.
Mang nó theo làm quái gì ?

Khi xe đã chạy được gần năm cây số, Ích-Tôn mới trả lời với giọng cầu-nhàm và mệt-mỏi mà lần đầu tiên người ta nhận thấy ở hân từ khi có chiến-tranh :

— Thật là lạ-lùng cái tư-tưởng của anh !

Bỏ đường cái, họ tiến vào một cánh đồng đầy rạ. Chiếc xe lăn bánh một cách khồ-sở trên đường và cuối cùng dừng lại trước một pháo-dài bọc lưới.

Con bé vẫn còn sống. Họ bế nó vào giữa thùng xe, và Minh-Kha dặn nó với giọng trang-nghiêm : « Phải ngoan, đừng rò mó gì cả nhé ! » Sự dè-dặt ấy thật là vô-ích. Ánh sáng của sự

sống chỉ còn le-lói dưới chiếc áo đen bằng vải bạc màu.

Ích-Tôn tiến về phía pháo-dài. Vị đại-úy chỉ-huy-trưởng đang ngồi trước phòng-tuyệt, khoan-khoái hít làn khói thuốc trong một chiếc điếu nhỏ. Ông ta nói :

— Thật là im-lặng ! Người ta có thể nghe tiếng hát của chim sơn-ca. Sáng mai này, bọn khốn ấy đã đến...

Ích-Tôn vội hỏi :

— Rồi ra sao ?

— Đêm qua, ta đã tặng cho bọn Đức một tặng-phẩm nhỏ. Kìa, nhìn xem : năm thiết-giáp. Trên cánh đồi kia, ta có thể thấy kết-quả cuộc tấn-công.

Ích-Tôn lễ-phép nhường cho vị đại-úy nói cho thỏa thích với sự đắc-thắng đêm qua. Bỗng anh ta hỏi :

— Đại-úy còn thực-phẩm gì trong đồn không ? Như kẹo sô-cô-la chẳng hạn.

Vị đại-úy ngạc-nhiên, miệng rời khỏi ống điếu :

— Sô-cô-la ? Lần đầu tiên tôi mới nghe một vị trung-úy đòi hỏi sô-cô-la trong lúc này...

— Tôi có một đứa bé gái trong xe...

— Tại sao không nói ngay ? Phải hỏi sô-cô-la ở đám lính gác. Chúng có đem theo luôn.

Vị đại-úy theo Ích-Tôn ra tận xe. Đôi mày ông ta hơi cau lại, lộ vẻ thương hại khi trông thấy cô bé. Ông ta nhỏ-nhẹ hỏi :

— Cháu tên gì ? Cháu ở đâu ?

Cô bé vẫn im-lặng, rút đầu trong đôi vai. Vị đại-úy thở dài :

— Chúng đã đánh nó, thật rõ như ban ngày. À, đồ heo, đồ heo !

Và ông ta nghĩ đến gia-quyển mình cũng bị đối xử tàn-nhẫn bởi bọn lính Đức, và chuyện ấy có thể xảy ra ở khắp mọi làng. Ông ta đưa mắt nhìn Ích-Tôn :

— Bây giờ phải làm sao ? Ở đây rất ồn ã đối với con bé... Chúng ta đi kiếm sô-cô-la ngay đi...



— Không, không... tôi không thích...

Con bé rần sức thốt ra những lời ấy, khi vị đại-úy, Minh-Kha và Ích-Tôn lần-lượt cố dút

miếng sô-cô-la vào miệng nó. Cả ba đều có những ngón tay kịch-cổm, mà miệng con bé thì nhỏ xíu, khiến cho họ phải hết sức dè-dặt. Họ cố dõ-dành nó cũng vô-ích. Sau cùng, mùi vị sô-cô-la thấm vào miệng, con bé từ từ hở môi ra. Vị đại-úy reo lên mừng-rỡ, dút trọn nửa miếng vào mồm con bé.

Họ để con bé ở đấy, cạnh Minh-Kha. Ích-Tôn đứng phía sau, đưa mắt nhìn trời. Chiếc xe chuyển bánh, nhả những văng khói đen lại phía sau, rồi bắt đầu chạy trở về. Minh-Kha chợt thấy con bé đưa mắt nhìn mình : nửa miếng sô-cô-la đã có hiệu-quả ? Hân vội đưa tiếp nửa miếng kia cho con bé. Và hân hỏi :

— Nào, bây giờ đã chịu nói chưa ?

Con bé đáp nhỏ nhẹ :

— Không.

— Tại sao vậy ? Chúng ta không phải là bạn với nhau sao ? Cha mẹ cháu ở đâu ?

Con bé ngảnh mặt, không muốn nhìn hân nữa và từ-chối miếng sô-cô-la.

Chiếc xe bỗng hãm máy trước

một chiếc thiết-giáp ẩn dưới một cái hố. Chính nơi đây Ích-Tôn và Minh-Kha đồn-trú với năm bạn chiến-binh khác.

Một chiếc giường cỏ được sửa-soạn dành riêng cho con bé. Bọn binh-sĩ dẫn con bé xuống suối bảo nó tắm, rồi họ đi xa để nó được tự-do, không ngượng-ngượng, mặc dù nó chỉ độ chừng mười tuổi.

Lúc đầu, họ cho nó ăn rất ít, nhiều lần trong một ngày, nhưng vì họ có đến bảy người cho ăn, nên rốt cuộc con bé phải đầy nầy từ chối: « Không, không, tôi không thích... » Nó nằm suốt ngày trên giường, mặt day vào vách, không ai biết nó thức hay ngủ.

Nó lạnh-lùng trước sự vui đùa của đám quân-nhân. Một chiều, muốn cho nó giải khuây, Ích-Tôn ngâm nga một bài đồng-dao, nhưng con bé gửi hẳn một cái nhìn buồn thẳm và trách móc, làm cho hẳn kinh-ngạc bỏ đi.

Minh-Kha bảo Ích-Tôn:

— Con bé bệnh. Hình như nó vừa trải qua một cơn kích động. Anh phải tìm cách đưa nó đến bệnh-viện đô-thành.

Lời khuyên thật là hợp lý, nhưng vì lời khuyên ấy thốt ra từ cửa miệng của Minh-Kha, nên Ích-Tôn chỉ khinh-khinh hít mạnh làn khói thuốc trong chiếc điếu của mình. Một lát, hẳn câu-nhau đáp:

— Nó không bệnh, không bị kích-dộng gì cả... Thật là dễ-dàng đuổi nó đi bằng cách ấy! Ở bệnh-viện? Nó đâu cần đến mùi thuốc... Không, đó chỉ là một sự buồn-bực của trẻ con. Sự thật là vậy.

★

Từ sáng đến tối, phi-cơ Đức kêu vù-vù như đàn ong. Tiếng đại-bác và tiếng bom nổ vang dội quanh vùng. Mọi người chỉ ngủ nửa mắt, giống như bầy chim. Khi bình-minh trở về, Minh-Kha và Ích-Tôn bỏ cả bữa ăn, nằm vui xuống chỗ ngủ. Trọng-Khang — anh quân-nhân giữ khẩu đại-liên — ngồi dưới chân Ích-Tôn. Trọng-Khang đã trải qua một đêm thật là an-nhàn dưới hố, vì phi-cơ địch không đến nơi ấy bao giờ. Gã nói với Ích-Tôn:

— Trung-ủy biết không, con bé đã khóc suốt đêm qua như một

người lớn.

Ích-Tôn nhìn gương mặt của Trọng-Khang và nghĩ thầm: « Có việc gì làm cho hẳn không ngủ được ». Nhưng Trọng-Khang đã giải sự thắc-mắc đó và kể cho hẳn nghe những chi-tiết sau đây: suốt ngày hôm qua, con bé đã theo chàng khắp nơi, không rời một bước, cả đến lúc chàng đến chỗ đặt khẩu đại-liên, chàng cũng gặp nó trong bụi rậm. Chàng phải dọa nó: « Phải ăn kín, thận trọng! » Nó bò về phía chàng, ngồi dưới đất và cất tiếng kêu tuyệt-vọng: « Trọng-Khang. » Chàng hỏi: « Có chuyện gì thế? Em đói phải không? » Nhưng nó chỉ lặp lại: « Trọng-Khang » với một giọng làm cho chàng phải rợn cả người.

☉ Nghe câu chuyện ấy, cổ chống lại với cơn buồn ngủ, Minh-Kha nói:

— Thật là rõ-ràng. Nỗi buồn của nó bắt đầu tan rồi. Nó có nói tên nó là gì không?

— Nó không nói gì cả. Nó chỉ lặp đi lặp lại « Trọng-Khang... Trọng-Khang » suốt ngày. Và đến đêm, nó lại khóc. Quả tim con bé có quá thật đã được sưởi nóng lại chăng? Điều đó

đối với mọi người, đối với cả Ích-Tôn nữa, là chuyện rất có thể xảy ra. Ấy vì Trọng-Khang là một thanh-niên rất giản-dị, rất tốt, lời nói và cử-chỉ của chàng thể hiện sự tin cậy và yêu đời, do đó mọi người hiểu tại sao con bé kháng-khít với chàng và muốn san-sẻ cùng chàng sự đau khổ của nó.

Đêm ấy, thỉnh-linh Ích-Tôn tỉnh giấc và, qua ánh sáng cây đèn bấm, chàng luôn luôn đem theo trong túi, chàng thấy con bé, hai đầu gối chấp lại, ôm siết chiếc gối cỏ trong đôi vòng tay bé-bồng, khóc nức-nở trong cơn mơ và cất tiếng kêu thẳm-thiết: « Má, má! Má ở đâu? » Ích-Tôn không đánh thức nó dậy: chàng mong nó có thể gặp được mẹ nó trong mơ. Con bé kêu lên: « Má! Tại sao má lại trốn con? » rồi thốt-nhiên nó nín lặng, thờ ra một hơi dài khoan-khoái và bật ra một lời reo vui. Có lẽ nó đã gặp được mẹ nó rồi.

Ích-Tôn đốt thuốc hút. Hẳn để tâm-hồn đắm chìm trong dòng tư-tưởng: một ngày nọ — ngày ấy đã qua rồi và là một ngày trong những năm đen tối — Y-Vắng đặt câu hỏi này với người anh

của hắn là Ích-Pha : « Nếu để bảo-vệ hạnh-phúc cho nhân-loại mà cần phải hy-sinh một đứa trẻ, ra tấn nó cho đến chết, anh có nhận kẻ tử-tội ấy chăng ? »

Y-Văng ngó đã đặt ra một bài toán nan giải. Và Ích-Pha chỉ giữ sự im lặng... Tra-tấn một đứa bé ! Còn hành-dộng nào tàn-hấn hơn ở cõi đời này ? Dầu hành-dộng ấy có mục-dịch bảo-vệ hạnh-phúc cho nhân-loại, cái hạnh-phúc ấy chẳng đáng nguyên-rủi làm sao ?

Ấy vậy mà cách giải bài toán đó thật là giản-dị, người ta vừa tìm ra : phải, ta muốn rằng đứa bé ấy phải bị hy-sinh, với điều-kiện chính ta là nó. Cuộc đời tự nó đã nêu ra câu hỏi : muốn cứu vớt sự tra-tấn một đứa bé, như con bé này chẳng hạn, anh là người, anh có sẵn-sàng chịu chết thế hay không ? Câu hỏi thật là trực-tiếp và câu trả lời thật là giản-dị. Mạnh-Kha, Trọng-khang, và bốn anh bạn chiến-binh mà người ta nghe tiếng ngáy khò-khò vang dậy, và cả Ích-Tôn nữa, tất cả đều như đồng thanh ! « Chúng tôi sẵn-sàng ! »

Ích-Tôn vẫn rít mạnh chiếc điếu. Cơ-giận-dữ làm cho cổ hắn nổi phồng lên. Tốt lắm, không cần phải triết-lý nữa. Và đây là cách thực-hành : ba triệu quân Đức đề đòi lấy con bé ngây-thơ ấy, ba triệu người với những mái tóc xo-gai, bộ chân lông không, chân mày bỏ cái, bộ não đòi-trụy, dâm ô...



Tay cầm cái chảo, Trọng-Khang trườn qua những bụi rậm để tiến đến bờ suối. Chính nơi đó chàng thường đến mò tôm, những khi nhàn rỗi.

Chàng cúi áo ra rồi nằm sấp trên bờ, hai tay mò mẫm dưới bùn, đầu cúi xuống sát mặt nước. Khi chàng ta bắt gặp một con tôm, chàng hí-hồn lăm bầm : « À, mi đây rồi. Mi không bằng lòng hả ? Hãy chui vào chảo, mau lên ! » Một lần, chàng nhảy tòm xuống suối, trằm nửa thân mình dưới làn nước lạnh buốt làm cho bọt nước cuộn trào và khi chàng đứng lên, một con tôm xanh vẩy đuôi trong tay chàng. Bỗng phía sau Trọng-Khang, một giọng cười reo lên vui-vẻ. Lau nước trên

mặt và trên tóc, chàng ngảnh nhìn lại và bắt gặp con bé. Chàng tươi cười hỏi : « Em cười ngạo anh đấy à ? » Đôi mắt xanh của con bé chớp nhanh, đôi mi đứng lên, nó có vẻ như sắp khóc.

Trọng-Khang vội nói :

— Đừng khóc, Mạt-Ta, anh đùa chơi đấy mà.

— Không phải Mạt-Ta, người ta gọi tôi là Mỹ-Lan.

— À, bây giờ em mới chịu nói rõ tên thật ! Em thật là can-đảm !

Trọng-Khang nhanh-nhẹn mặc áo vào rồi đến ngồi cạnh con bé, kéo nó sát vào vai mình :

— Bây giờ em có muốn ăn tôm không ?

— Muốn...

— Nhưng trước hết, anh phải hút một điếu thuốc. Được chứ ?

— Được.

Chàng xé một mảnh giấy nhét trịnh, đặt vào đó một ít thuốc vắn tròn lại với vế bằng lòng. Chàng dịu-dàng nói :

— Em có giận không, Mỹ-Lan ? Em nên biết: trung-ủy Ích-Tôn ra lệnh cho anh phải tìm

hiều cuộc đời em. Ông ta rất nghiêm khắc nhưng rất công-bình, nếu anh không tuân lệnh, chắc anh sẽ bị rầy to.

Chàng lấy trong túi ra một chiếc quạt máy, bật lửa lên châm thuốc. Chàng thanh-niên vừa phi-phà khói thuốc vừa âu-yếm bảo Mỹ-Lan :

— Nào, em hãy kể đi...



Đây là những điều mà người ta tìm hiểu được ở Mỹ-Lan, ngày hôm ấy và những ngày tiếp theo đó, qua những mẫu chuyện ngắn mà con bé lần lần thuật lại.

Mỹ-Lan sống với mẹ, bà Mỹ-Hạnh, trong một làng quê. Người anh cả của nó, Thái-Sơn, đã nhập ngũ từng-chinh. Thái-Thạch, người anh thứ, đã mất tích năm vừa qua, khi làng bị quân Đức chiếm.

Bà Mỹ-Hạnh sợ nhất một người ở cùng làng. Mỗi lần trông thấy hắn qua cửa sổ bà tức giận lăm lăm : « Kia quý-nương lại rình rập ! Thần ôn-dịch sao không bắt mày đi ! » Và mỗi lần Mỹ-Lan hỏi bà : « Má, tại sao má gọi Lỗ-Khẩu là quý-vương ? » Bà mẹ chỉ đáp : « Con sẽ biết khi con lớn lên. Bây giờ

con phải dè-dặt, đừng có nói lại những lời mẹ đã nói. Phải cẩn-thận nghe con ? »

Gia-dình bà Mỹ-Hạnh sống khô-sở, gia-tài chỉ có ba con gà mái, hai con trắng một con vàng, và một con gà trống có thói quen mang về cho đồng bọn tất cả những vật-thực gì nó tìm kiếm được. Bà Mỹ-Hạnh thường nói với con:

— Đến mùa xuân, mấy con gà mái của mình sẽ đẻ mỗi ngày được ba trứng. Con sẽ được sung sướng, con ạ.

Một ngày kia — cách đây độ ba tuần — Mỹ-Hạnh đánh thức con dậy khi trời vừa hừng sáng :

— Con, con hãy mang đôi giày của mẹ, ra xem tại sao con gà trống của mình giận-dữ như vậy ? Loài chồn đã vào được trong chuồng chẳng ?

Mỹ-Lan mang vội đôi giày vào chân, nhặt lấy chiếc mũ của mẹ rồi băng mình ra sân : cánh cửa chuồng mở toang và cánh cổng cũng mở rộng, không có một dấu vết nào của bầy gà mái, chỉ một mình con gà trống đang chạy rà rà quanh sân, đập cánh có vẻ giận-dữ. Mỹ-Lan kêu lên một tiếng hốt hoảng rồi chạy thẳng ra phía cổng : một tên lính Đức đang bước đi, tay nắm chặt cẳng gà, kéo lê cánh chúng trên đường. Mấy chiếc cánh đã xụ xuống, bất động. Mỹ-Lan vừa chạy theo sau tên lính vừa khóc, nhưng gã này đã nhảy lên một chiếc xe cam nhông, cất tiếng cười ròn-rã, khoái-trá. Chiếc xe chuyển bánh. Mỹ-Lan chỉ còn kịp cất tiếng gọi : « Ông ơi ! ông ơi ! mấy con gà mái ấy của chúng tôi !... »

(Còn tiếp)



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉO-ỢT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC



ĐỒ BẠN :

III. — BÀI TOÁN NGANG ĐỌC

TUI đi xe lửa ra Phan-Thiết buồn nước mắt. Có một ông khách lạ ngồi bên cạnh tui. Ngồi trên xe buồn, ông muốn làm quen,



*Rất cần-sáng
Đoán Bài Toán !!*

★ NGUYỄN-BA-TUI
Biệt-hiệu : BA - TÈO

mời tui điều thuốc, rồi hỏi :

— Xin lỗi ông, ông làm nghề gì ?

Tui nói dốc đề lấy le :

— Tui làm nghề Giáo-Sư.

Ông cười bảo :

— Ông làm Giáo-Sư, thì tui xin đố ông bài toán này nhá ?

— Được, ông cứ đố, tui trả lời lập tức.

Ông đố :

— Ông lấy những con số 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, sắp thế nào thành một ô vuông, bề dọc ba con số, bề ngang ba con số, mà cộng lại các đường dọc, cũng như các đường ngang, và hai đường chéo, đều thành một con số giống nhau :

X	X	X
X	X	X
X	X	X

Và con số thành đó là số mấy ?

Tui hăng hái lấy cây viết nguyên-tử với tờ giấy ra làm bộ như sắp thành bài toán đó liền. Nhưng tui lui-cui sắp mãi, xe-lửa ra tới ga Phan-Thiết mà tui sắp chưa thành. Tui mắc-cớ với ông khách, toan nhảy xuống đường rầy xe-lửa để tự-tử.

Ông khách cười bảo tui :

— Đừng chết uống mạng, ông ơi ! Ông làm không được thì ông gởi vào tòa báo Phô-Thông, quý vị Độc-giả Phô-Thông sẽ chỉ giùm cho.

Vậy tui xin đăng bài đó lên đây nhờ quý bạn chỉ giùm. Xin mang ơn suốt đời.

● Bài trả lời sẽ đăng trong số sau.

BA-TÈO

Biệt hiệu của Nguyễn-Ba-Tui, kính hỏi.

★ **Đáp bài hỏi thứ II** (Phô-Thông 70 — trang 96)

1.— Vợ người này là em vợ của chồng tôi.

2.— Em vợ người này là chị vợ của em tôi.

3.— Bố vợ người này là em vợ cha tôi.

Mối liên-lạc gia-đình của thiếu phụ, là tôi, xin kể như sau đây :

Tôi là con gái của ông A.

Cô 2, cô 3, cô 4, là ba người con gái của ông B.

Tôi là vợ cả của ông C, cô 2 là vợ lẽ, (ông C có hai vợ).

Ông B là em vợ của cha tôi.

Cô 4 là vợ của cậu 4, em trai họ của tôi.

Xin giảng giải rõ-ràng : «Người này» chính là chồng tôi.

1.— Vợ người này, (tức là cô 2) là em vợ của chồng tôi (tức là em tôi, em con dì).

2.— Em vợ của chồng tôi (em cô 2, tức là cô 3) là chị vợ của em tôi (tức là chị vợ cậu Tư).

3.— Bố vợ người này (Bố cô 2, là ông B) là em vợ cha tôi.

Vậy thì : Ông C, người chết, chính là chồng tôi.

Người Chồng ấy chết đã 9 năm rồi. Tôi đã bước thêm một bước nữa: và đã tái-giá với người đàn ông khác tức là chồng của tôi hiện giờ.

Xin các ngài đừng cười tôi có hai đời chồng, vì đó là chuyện khác, như nhà Văn Anh R. Kipling đã nói :

«That's not the same thing!»

Phô-Thông

★ **NGA' HUYỀN**

đôi - thoại

ĐÊ M nay mây tan-tác,
Trăng khóc ai, Trăng mờ ?
Gió Đông về bi-đát,
Lệ Trăng rớt thành Thơ...
Diệu-Huyền vén màn trúc,
Nhấn hời chút tâm-tình :
— Sao Hằng-Nga thôn-thức ?
Sầu-hận mãi năm canh ?



— Huyền ơi, thời Nguyên-tử,
Khoa-học giết Hòa-bình,
Loài người quá hung-dữ,
Cứ hục-hắc đao-binh !
Bên kia khối Cộng Sản,
Bên này Mỹ - Pháp - Anh
Trước sau rồi cũng choáng



Làm sao khỏi chiến-tranh ?
Loài người còn tào-bạo
Toan chiếm cả Nguyệt-đình !
Phóng vệ-tinh nhân-tạo
Bay rình-rập chung-quanh.
Rồi lại còn ném thư
Thách đồ nhau om sòm,
Những trái bom nguyên-tử
Hàng mấy chục triệu ton !
Để làn mây phóng-xạ
Bay khắp cả trần-ai,
Loài người sẽ chết cả
Trăng còn ban với ai ?
Nên Hằng-Nga buồn lắm,
Chán lắm, Diệu-Huyền ơi !
Sao loài người u-ám
Giết nhau mãi không thôi ?

— Hơi đâu Hằng buồn-bã ?
 Vui-sáng lên, Hằng ơi !
 Loài người càng tiến-hóa
 Càng mau tiêu-diệt thôi !
 Ngày gần đây Lịch-sử
 Sẽ thanh-toán kiếp người,
 Trăm nghìn Bom Nguyên-tử
 Nổ bùng khắp nơi nơi...
 Cửa nhà sụp đổ hết
 Theo giòng nước cuốn trôi.
 Muôn nghìn triệu xác chết
 Lênh-bềnh trên bể khơi :
 Nào những kẻ giết chóc
 Tay đầm máu tanh-ôi,
 Nào những phường cướp bóc
 Của nước mất mồ-hôi,
 Nào những kẻ ngạo-nghe
 Lấy sức mạnh hiếp người
 Tranh giành ngôi chúa-tể,
 Khinh-miệt cả ý Trời !
 Bao nhiêu những tội-ác
 Chẳng còn chút tâm hơi.
 Đầu người rơi tan-tác
 Như lá mùa Thu rơi !
 Rồi một làn gió mới
 Quét sạch hết tanh-hôi,
 Chỉ những người vô-tội
 Còn sống sót lại thôi !
 Những bóng nàng diễm-lệ,
 Làn tóc mượt như tơ,

Những người Thơ thể-bộ
 Ấp-ủ chút tình mơ,
 Những nét cười phơi-phới
 Chúm-chím nụ duyên-tình,
 Đón chờ mùa Xuân mới
 Réo-rất nhạc bình-minh...
 Thanh-bình trên cõi Đất
 Đời vinh-viên liên hoan !
 Yêu và yêu ngây-ngất
 Thơ và thơ reo vang !
 Và những chàng Thi-sĩ
 Gieo những vần thơ xanh
 Nở thơm ngàn vạn kỷ
 Dưới Trăng vàng long lanh !



Hằng nga cười rục-rỡ :
*Ôi ! giấc mộng thần-tiên !
 Muôn vạn đời muôn thuở,
 Thơ với tình là duyên !
 Ta cần xin Thượng-đế
 Cho chiến-cuộc tràn-lan,
 Cho máu người ô-ước
 Tiêu-diệt giòng tà-gian !
 Để Địa-cầu to rộng
 Vinh-viên một mùa Xuân,
 Chỉ còn Thơ với Mộng,
 Thi-sĩ với Giai-nhân !*

Diễn-Huyền



Sách

Báo

Mới

★ **Quân-đội Việt Nam Cộng-Hòa.**

Do Nha chiến-tranh Tâm-lý, Bộ Quốc-phòng, biên soạn và ấn hành. Có rất nhiều tranh-ảnh đẹp, rõ ràng, với những lời chú-thích bằng Việt-ngữ và Anh-ngữ, ghi lại những cố-gắng và những thực-hiện của Quân-đội Việt-nam Cộng-Hòa trong mấy năm trường thành.

★ **Việt-Luận.**

Lớp-nhì, Lớp-nhứt, Tiếp-Liên, Luyện thi tiểu học và Đề-thất Trung-học. Do ông TỪ-PHÁT, Giáo sư, biên-soạn, Nhà xuất bản Thanh-Quan, Saigon. Giá 40 đồng,

★ **Tiếng-Thu.**

Sáu bài thơ của Vạn-Thuyết-Linh, Bùi Tiến, Mạc-phong-Thanh, Hà-Tử-Lệ, Dzá Trúc, cô Hoàng-Mai, Vũ-Từ. Giá 2\$.

★ **Khởi-nguồn.**

Thơ của Huỳnh-Thanh-Tòng, trường Tiểu-học Long Xuyên. 43 trang. Giá 25\$

★ **Asia, No 168. Juillet — Aout 1961.**

Directeur : René de Berval. 18, 2— Chome Tomisaka, Bunkyo-ku, Tokyo. Nhiều bài rất có giá trị bằng Anh-văn và Pháp-văn của P.C. Bagchi, (Fundamental Problems of the origins of Buddhism), André Castel (L'Université de Hongkong) M. N. Kotwal (Congress Held in Japan for Cultivating Human Spirit), Pierre Grison (Approche de l'Âme Vietnamienne), v . v . . . Giá US\$2 — tại Nhật.



Truyện dài tình cảm thời đại ★ NGUYỄN-VỸ

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC.

Cô Giáo Phạm-thị-Toàn hỏi thăm về bệnh tình của chàng nghệ sĩ mù ngay trong phòng bệnh-viện. Cô hứa sẽ thăm chàng thường xuyên mỗi buổi chiều và săn-sóc cho chàng.

Ở bệnh-viện về, Toàn nói thật ý-dịnh của mình cho Di và Dượng nghe. Ông Tư Hót-tóc khen-ngợi và rất tán-thành :

— Cháu cứu-giúp kẻ hoạn-nạn là việc nên làm chứ sao ! ở đời mình phải thương người trong lúc gặp tai-họa, đó là việc phước

(Tiếp theo P.T. số 70)

đức. Dượng nghe cháu nói, Dượng chịu lắm.

Nhưng vợ ông, Bà Tư-Đen, tỏ ý không bằng lòng :

— Cháu là con gái, người ta là con trai. Cháu vô thăm một lần thì không sao, chứ mỗi bữa mỗi tới, lo săn-sóc đỡ-dẫn, lại đem đồ-đặc vô cho, sợ rồi thiên hạ dị-ngợi.

— Thưa Di, tại người ta mù-lòa, mà bị tai-nạn nguy-hiêm thì cháu mới giúp đỡ chứ. Cháu có ý gì đâu mà sợ dị-ngợi ?

— Cháu không có ý gì, nhưng

ở thành-phố nhỏ như ở đây, người ta ưa nhiều chuyện lắm. Người ta đâu có biết là cháu có lòng nhân-đạo, giúp người tàn-tật, thương kẻ nghèo-nàn ? Người ta cứ phê-bình cho là cháu có tình-ý gì với cái cậu dúi mắt đó, nên mới lo cho cậu làm vậy. Không lẽ cháu là cô Giáo mà cháu lại hạ mình xuống đi săn-sóc một kẻ ăn-mày ăn-xin ngồi đầu đường xó chợ hay sao ? Cháu nghĩ kỹ lại coi đi nói như vậy mà có đúng hay không ?

— Thưa Di, anh ta đâu phải là người ăn mày ăn xin ? Cháu không dám khinh-khi một chàng thanh-niên tuy rủi ro chịu cảnh mù lòa nhưng đời sống vẫn lương thiện. Lấy tiếng đồn giọng ca làm kẻ sinh-nhai, cũng là một nghề tốt đẹp, chứ có gì là hèn-hạ ? Cháu cũng lựa người nào xứng-đáng để cháu giúp-đỡ, chứ đâu phải cháu bạ ai giúp đó ?

— Di nói vậy, nhưng việc đó tuy ý cháu. Di chỉ sợ dư-luận thành-phố ở Mỹ-Tho người ta bàn-tán xôn-xao. Chớ nếu cháu cho là việc phải thì cháu cứ làm. Di đâu có cản được.

Ông Tư Hót-tóc nói :

— Việc gì mà bàn-tán xôn-xao hử ? Thời buổi bây giờ người ta hoan - nghênh những công-tác xã-hội, sợ không làm được chớ làm được là việc quý, đáng khen, không ai phê-bình bậy-bà đâu. Như các bà Xơ đi săn-sóc những người cùi đó, thì sao ? Cháu có ý-nghĩ nhơn-đạo, cháu cứ hành-dộng theo lòng thích muốn của cháu. Ai có nói gì dượng sẽ bào chữa cho.

— Cháu có làm gì sai lầm mà cháu sợ dư-luận cơ chứ ! Nhưng thưa Di, Dượng, nếu Di với Dượng đồng lòng cho phép cháu giúp đỡ người ta, thì cháu mới giúp.

— Dượng bằng lòng đó.

— Di cũng bằng lòng, chớ Di không ngăn-cấm việc làm phải của cháu. Di chỉ lo là-lo vì những kẻ không hiểu, phê-bình bậy-bà làm mất danh-giá của cháu đó thôi. Tại vì cháu còn con gái, mà làm cô Giáo-sư trường Trung-học nên di cũng nghĩ xa-xa một chút.

— Cháu xin di cứ an-tâm. Cháu sẽ không làm mất danh-giá của cháu đâu. Trái lại, cháu thấy

cháu làm được việc từ-thiện nào, cháu giúp đỡ được ai chút ít dù là một an-ủi nhỏ-mọn, cháu cũng thỏa-mãn. Cháu thừa thật với dì dưỡng là trước kia cháu không có ý-nghĩ gì về sự giúp đỡ kẻ đau khổ. Vì chính cháu cũng đau khổ mà cháu còn giúp được ai. Nhưng từ ngày cháu nhờ ơn ông Giáo-sư Ngọc-Minh cho cháu tiếp-tục việc học-hành và thành đạt theo ý nguyện như ngày nay, cháu được nhiệm những tư-tưởng nhân-dạo bác-ái của ông, cháu thấy rằng nếu ở trên cảnh đời đầy-rẫy những bất-công, mà người này giúp đỡ người kia, người kia giúp đỡ người nọ, dễ nhẹ bớt được phần nào, thì đời sống có vẻ thích-thú và có ý-nghĩa thanh cao đẹp để biết bao ! Còn nếu chỉ lo ích-kỷ riêng phần mình, ai đau khổ mặc ai, ai tàn tật đói rách mặc ai, ai hẩm-hiu tro-troi mặc ai, miễn phận mình được ấm-no đầy-đủ, thì đời sống còn có ý-vị gì nữa ! Sống như thế lạt-lẻo lắm và buồn lắm ! Cháu đem lại chút ít an-ủi cho anh thanh-niên tàn-tật đau-khổ kia, cháu thấy lòng cháu vui-vẻ lạ !

— Cháu định giúp đỡ cậu nghệ sĩ mù bị tai nạn đó bằng cách nào ?

— Còn tùy theo phương tiện của cháu.

— Dì thấy 'cậu ta cũng tội nghiệp...

— Hoàn-cảnh anh ấy tội nghiệp lắm. Nhưng cháu thương-mến anh ấy mà không có ý khinh-khi. Chính anh ấy có ăn mày tình thương của ai đâu. Cháu thành thật mến anh từ lúc cháu hỏi chuyện anh trong bệnh-viện và biết được đôi chút về tư cách của anh.

— Tư-cách thế nào ?

— Một thanh-niên khả-ái, mặc dầu bị cảnh-ngộ bi-dát nhưng vẫn hãnh-diện, thanh-cao, không chịu hèn-hạ. Anh rất điềm-tĩnh, lễ-phép, tỏ ra một người có giáo-dục, đáng kính-mến.

— Tên cậu ấy là gì ?

— Cháu không hỏi.

— Nó có biết tên cháu là gì không ? Nó có hỏi cháu ở đâu, làm nghề gì không ?

— Dạ, không.

Em bé Ngọc xen vào, nói với mẹ :

— Má ơi, anh ấy khóc, Má à.

Toàn tiếp lời :

— Anh ấy khóc, vì anh cảm-động nghe cháu tỏ ý muốn săn-sóc anh và an-ủi anh.

Bà Tư-Đen hơi bùi-nghì. Bà lấy trầu ăn, làm tỉnh, có vẻ chính bà cũng thương-xót. Đàn-bà, dù sao, cũng rất dễ cảm-động.

Chiều hôm ấy, Toàn trở vào Nhà-thương thăm bệnh-nhân, đem vào cho chàng một bộ áo-quần bà-ba mới được giặt-ủi trắng-bốc của ông Tư gửi cho, (Bà Tư không phản-đối), và các đồ dùng thông-thường: khăn mặt, xà-phòng, đồ đánh răng, và một đôi dép da, do Toàn lấy tiền của mình ra mua. Đôi dép của chàng đã bị rơi dẫu mất lúc xe nhà-binh chở chàng vào bệnh-viện.

Nghe tiếng cô chào và hỏi thăm, chàng muốn gượng-gượng ngồi dậy. Nhưng Toàn không cho :

— Anh ngồi dậy sao được ! Chân của anh bị băng bó, cần phải yên tĩnh, anh cử-động sẽ đau nhức lắm đấy.

Chàng nằm yên. Toàn dịu dàng bảo :

— Sáng mai, trước khi bác-sĩ đến đây thăm bệnh, anh nhớ thay bộ quần áo này nhé.

— Dạ, xin cảm ơn cô.

Giọng nói của chàng rất yếu. Không phải giọng ảm-áp và trong-trẻo lúc chàng hát những bài « *Giọt mùa thu* » « *Con thuyền không bến* ». Tiếng chàng bây giờ chỉ bé-nhỏ như một hơi thở trầm-lặng, như bị nghẹn-ngào trong cổ, gần muốn tắt luôn, như đôi mắt của chàng đã tắt. Chắc chàng đã khóc nhiều lắm từ lúc bị tai nạn bất ngờ.

Đúng theo thì giờ như cô đã sắp-dặt, chiều nào cô Giáo-Phạm-thị-Toàn cũng đến thăm bệnh-nhân, và đem vào cho chàng một ít món cần-thiết, hoặc một vài trái cây. Cô hỏi thăm căn-kế, chăm chú theo-rõi bệnh tình và tự tay săn-sóc cho chàng rất chu đáo như một cô y-tá dịu-hiền tận tụy đối với một thương-binh.

Không cho bệnh nhân biết, cô còn gọi nơi chị làm-công coi-sóc khu bệnh-thất này, một số tiền hai trăm đồng để nhờ chị săn-sóc hằng ngày cho, từ những bữa ăn, những chai nước uống, cho đến

các công-việc cần-thiết cho một người dui mù lại bị què một chân đi không được, và không làm gì được cả.

Muốn tránh khỏi người ngoài bàn-tán nọ kia, Toàn có khế đến bệnh-nhân :

— Nếu có người nào hỏi tôi là ai, thì anh cứ bảo là một người em họ, con ông chú. Anh nhé ?

— Dạ .. Xin lỗi cô, cô... thứ mấy ?

— Thứ Hai.

— Cô có thể cho tôi được biết phương-danh không ?

— Anh cứ gọi là cô Hai, tiện hơn.

Mặc dầu có những rào-đón đề-phòng đề khỏi bị nghi-ngờ, một vài dư-luận trong các giới thân-cận của Toàn, nhất là ở ngay hai trường Nam Nữ Trung-học, vẫn đưa ra đôi lời phê-bình hoặc vu-khống bịa-đặt, mỉa-mai cô giáo sư Phạm-thị-Toàn. Có lẽ vì ghen-ghét Toàn được đa-số đám Nữ-sinh mến, vì Toàn có đôi cử-chỉ cao-thượng không thích-hợp với vài bạn đồng nghiệp, vì Toàn có sắc đẹp lộng-lẫy, thùy-mị nhưng

ng nghiêm-trang, vì có vài người đã dò hỏi ở Saigon biết rõ Toàn là con một gia - đình lao-dộng nghèo khó ở xóm nhà lá rách-rưới nơi ngoại - ô, hoặc vì lý-do nào khác nữa, một thiếu-số độ vài ba cô giáo, thầy giáo, đồn-đai nhiều chuyện không tốt cho Toàn. Thí dụ họ loan tin rằng cô Toàn « mê cái thằng ca-sĩ dui », và « cung-phụng cho nó đủ các thứ ». Luôn luôn họ phê-bình có ác-ý : « Thiếu gì thanh-niên mà đi yêu một thằng dui mắt què chân ? » Hoặc là : « Cô Toàn mè-o với thằng-chả tại nó có giọng hát mê-hồn chứ gì ! » Một nữ-sinh Đề-Thất một hôm trong giờ chơi, lại hỏi cô :

— Cô ơi, có phải cô mè-o với cái anh nghệ-sĩ mù ở góc đường Lê-dại-Hành đó không cô ?

Toàn mỉm cười :

— Ai bảo với em thế ?

— Chị của em bảo em thế thật đấy.

— Chị em là ai ?

— Chị Hồng em làm Nữ-phụ-tá trong Quân-dội.

Toàn vẫn vui-vẻ bảo em nữ-sinh :

— Chị em làm đấy.

Trưa về nhà, Toàn điếm-nhiên thuật lại câu chuyện cho Bà Tư nghe. Bà Tư tức giận bảo :

— Mấy người đó sao ưa đặt chuyện nói xấu người ta thế ? Tưởng ai chớ có Hồng, cả tỉnh Mỹ-Tho này, ai còn lạ gì ! Cô lấy hàng tá chồng, toàn những Trung-úy, Thiếu-úy, chớ tốt lành gì đó mà đi buri móc chuyện người khác ? Sao mà đi ghét hạng người đó quá !

— Cháu nói chuyện lại đề Di nghe chơi cho vui vậy thôi. Chứ cháu đâu có sợ những dư luận vắn vớ. Cháu làm việc phải, cháu biết. Một trăm một ngàn cái dư-luận tàn ác hơn thế nữa cũng không làm cháu nao-núng được đâu. !

— Tâm-dịa người ta phần nhiều như thế đó, cháu ạ.

Mình làm trái, người ta cũng ghét, mình làm phải người ta cũng ghét. Cháu biết cô Hồng là ai không ? Con một nhà quý-phái ở tỉnh này đây. Má cô buồn hột xoàn và chuyên-môn cầm-dò đề cắt cổ mồ hòng người nghèo. Ba của cô làm công-chức bự hồi còn thời Tây lặn. Gia-đình giàu sang như vậy, họ khinh-khi kẻ nghèo cũng không có gì lạ ! Họ phách-lối lắm, cháu ơi. Họ nói xấu cháu là tại họ ganh-ghét cháu và khinh khi người nghệ-sĩ mù. Họ đâu có lòng nhân-đạo. Họ có thành-kiến giai-cấp nặng lắm... Dẫu cháu làm tới Giáo-sư Trung-học, mà họ biết gia-đình cha mẹ cháu là dân lao-dộng, con nhà nghèo-nàn, thì họ vẫn coi cháu rề-rúng, không ra chi...

(Còn nữa)



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG NỆT-MÔI THẺ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẦU-ĐƯỢC



★ Lại «Thần.kinh nổi sóng» :

(của ô. Nguyễn-đăng-Thuyền, Túy-Vân, Thừa-Thiên)

... Nhân đọc Phổ-Thông số 65 có bài thơ nói về Cuộc cải cách 2 Mai 1932 tại Huế tôi thấy đôi chữ chưa đúng với nguyên-tác.

Đến Phổ-Thông số 69, lại có một Bạn đọc nghe nói bài thơ ấy của cụ Tế-Đặng.

Nhưng bài Thơ ấy chính tác-giả là Ô. Hoài-Nam NGUYỄN-TRỌNG-CÂN hồi đó đương ở Huế, và nguyên-tác bài «Thần.kinh nổi sóng» như sau đây :

Năm Cụ khi không rớt cái ình
Đất bằng sóng dậy thây đều kình
Bà không đeo nữa đem dâng lại
Đàn chẳng ai nghe phải dấu hình
Liệu thể không xong binh chẳng đặng
Liềm đành giữ tiếng lễ đường rình
Công danh ra rúa đã hưu hũy
Đại sự nhường cho lớp hậu sinh

(Hai câu kết Ô. Vương tứ ĐẠI, thượng-thư Bộ CÔNG).

★ Câu đối mừng Sinh-nhật của Vua Khải-Định

(của ông Lê-Thê, Háo-Lê, Phước-Hưng, Bình-Định)

... Trong tạp-chí Phổ-thông số 67 trang 38, 39 ở mục «Ký-giả thuở trước» ông Tế-Xuyên có dẫn ra hai bài thơ đặt song-song như hai vế câu đối của cụ Ngô-đức-Kể như sau :

« Mừng tứ tuần đại-khánh »
« Vịnh tam tinh bị lụt »

Ông tiếc rằng không còn nhớ 2 bài thơ ấy và yêu cầu ai còn nhớ xin sao lục giúp gởi về Tòa-soạn làm tài-liệu.

Thú thật tôi cũng quên hai bài thơ ấy, nhưng có nhớ làm lòng một câu đối do từ tỉnh ngoài truyền khẩu vào :

« Thọ hạ tứ-tuần mừng mẹ nước »

« Thuê gia tam-thập chết cha dân »

Ở vào thời-đại thực dân phong-kiến, có một câu đối bất hủ truyền tụng trong nhân-gian như thế, đủ biết đám sĩ-phu lúc bấy giờ bất bình căm-giận chế-độ là dường nào.

★ Con gái đi cưới chồng

(của bạn Long Soukchaleun, Paksé).

Paksé le 21 Novembre 1961.

Thưa Chị DIỆU-HUYỀN, tạp-chí Phổ-Thông, Saigon.

... Ở tại tỉnh Paksé của em vừa có một vụ con gái Việt-Nam 100% lại đi xin cưới một người đàn ông về làm chồng ! Ở Việt-Nam có luật-pháp ấy không, hã chị Diệu-Huyền ? Làm như thế thì còn gì danh-tiếng các liệt-nữ bà Trưng bà Triệu ? Hay là nước Việt-Nam là một nước văn-minh từ 4.000 năm nay bây giờ vừa có luật-pháp mới ban hành ra rằng từ nay đàn bà có quyền cưới hỏi đàn ông ? Vì là « nam nữ bình quyền » cho nên phụ nữ V.N. ngày nay lại quá trớn như thế ? Vậy xin chị Diệu-Huyền chỉ giùm em là ở Việt-Nam có luật ấy không, để em nghiên-cứu thêm, vì em rất là tức muốn chết đi được vì làm như vậy thì mặc mũi chị em bạn gái mình, bất cứ Lào hay Việt, để đầu bây giờ, hã chị Diệu-Huyền ? Nhờ chị thể nào cũng trả lời cho em về vụ này.

Em yêu-mến của chị, ở Paksé :

LONG SOUKCHALEUN

● **Đáp :** Ở Việt-Nam không có phong-tục con gái đi cưới chồng. Luật-pháp Việt-Nam từ xưa đến nay không hề có đề-cập đến trường-hợp đó.

★ Bài thơ «Nước Lụt»

(của ô. Nguyễn-văn-Huệ, Điện-Bàn)

Nhân đọc Phổ-Thông số 70 mục « thư bạn đọc » có đăng bài thơ « Nước lụt » do ông Thanh-Tùng, giáo-sư ở Qui-Nhơn

suu tầm và bảo tác-giả bài đó là nhà cách mạng Lê-trung-Đình.

Nhưng theo chỗ tôi biết chắc-chắn thì tác-giả bài thơ « Vịnh Nước Lụt » ấy chính là cụ Tú-tài HUỲNH-QUỲ, người Quảng-Nam, trước thuộc quận Đại-lộc nay là Duy-xuyên. Nguyên-tác bài « Vịnh Nước Lụt » như sau đây :

Vịnh nước lụt

Mưa từ chập, gió từ hồi,
Cùm cùm, nơi nơi đã khắp rồi.
Lũ kiến bắt tài đòi chốn tấp,
Bè rều vô dụng một dòng trôi.
Phát-phơ vườn rậm nghe chim hú,
Lồm-khồm giường cao thấy chó ngồi.
Nỡ để dún đến than đôi lạnh !
Chớ nào ông Võ ở đâu rồi ?

TÚ-QUỲ

Bây giờ bài thơ này còn sống mãi trên cửa miệng của dân-gian Quảng-Nam. Chỉ vì 2 câu luận mà suýt nữa ông Tú-Quý bị mất đầu. Nhưng may thay, hai câu kết đã giải oan được cho ông. Ông Tú-Quý cũng là một nhà thơ trào-phúng không kém ông Tú. Xương. Vì từ lâu không có người sưu tập nên các bài thơ bị thất lạc... và vì vậy, nhiều người lại gán cho ông Cử Lê-trung-Đình, Quảng-Ngai...

Lời Tòa soạn. — Đây cũng là một nghi-vấn. Chúng tôi đăng để làm tài-liệu cho các nhà Văn-học-sử.

Đã phát-hành

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 65

Nội-dung phong-phú

Đầy 176 trang, giá 12\$

ĐÁP BẠN

BÓN

PHƯƠNG



★ DIỆU-HUYỀN

★ Ô. BÙI-thế-Đỗ, Biên-Hòa.

Trước Tây-lịch Kỷ-nguyên đã có hàng triệu năm, nhưng trong dĩ-vãng xa-xăm mù-mịt ấy, loài người chưa có văn-hóa nên không có để lại Lịch, năm, tháng, như ngày nay. Các nhà khảo-cổ ước-đoán rằng từ lúc có loài người xuất-hiện trên mặt Đất đến nay, lâu từ 500 000 đến 2 triệu năm. Vết-tích của giống người đầu-tiên trên mặt Đất mà người ta đã tìm ra được, gọi là *Pithecanthropus Erectus*, ở tại đảo Java, đã lâu đến 500.000 năm. Loài người mới bắt đầu biết mài đá để làm dao, ná, búa, v.v... từ 50.000 năm trước J.C. Nhưng tính như vậy, là tính theo Khoa-học Khảo-cổ, căn-cứ trên các di-tích còn lại trên đá.

Bắt đầu năm Jésus Christ ra đời, người Tây-phương mới lấy năm ấy làm năm I của Kỷ-nguyên Thiên-chúa-giáo (L'an I de l' Ere Chrétienne) mà tính đến nay là 1961 năm. Và cũng từ năm I ấy tính lui trở lại trước là những năm tháng lịch-sử của thời-đại thượng-cổ, La-Mã, Hy-Lạp, Ai-Cập, Ba-Tư, v.v...

— Vĩ-tuyến trên địa-cầu, tính từ đường xích đạo là 0° , ra đến Bắc-Cực là 90° (vào Nam-Cực cũng 90°). Vĩ-tuyến Bắc 17° , là tính từ vĩ-tuyến 0° của đường xích-đạo.

★ Em Võ-Hiến, Phú-Hường, Qui-nhơn.

Các hình con Công, con Phụng v.v... trên mặt đá, hoặc trong

đá mọc ra ở các động Ngũ-hành-Sơn, là do những thạch-nhũ rớt xuống lâu ngày tự-nhiên thành hình giống na-ná như các con vật kia, còn các tượng Phật đều do bàn tay nhân-tạo đục, chạm thành.

★ **Ô. Văn-Sơn, Bình-Dương.**

— Văn-đề Thi các cấp - bằng Cử-nhân, Tiến-sĩ, Thạc-sĩ v.v... và tổ-chức các cơ-cấu Đại-học không thể trình-bày đầy-đủ trong mục này được vì mỗi ngành Đại-học mỗi khác, và mỗi nước mỗi khác. Khi nào thuận-tiện, chúng tôi sẽ viết thành một bài riêng. — Cầu-vòng do tia sáng mặt trời chiếu vào giọt nước mưa như vào một mặt kính lõm, rồi phản ảnh ra ngoài thành một vòng bán-nguyệt bảy sắc theo thứ tự sau đây : tím, chàm, xanh, lục, vàng, cam, đỏ. Lý-thuyết cầu-vòng do nhà bác-học Pháp, Descartes (Thế kỷ XVII) giảng-giải lần đầu tiên.

★ **Ô. Hoàng-Thanh-Hiền, KBC 4281.**

Bức màn sắt : danh-từ do người Tây-phương đặt ra từ khi Staline chủ-trương đóng kín các biên-giới Nga-xô không cho tiếp xúc giữa thế-giới Cộng-sản và thế-giới tự-do. *Bức màn* là có nghĩa bóng, cũng như Staline hạ một bức màn bằng sắt để che kín Nga-xô.

Bức màn tre : Cùng ý-nghĩa trên, nhưng áp-dụng ở Bắc-Việt, ngụ ý hàng rào tre Bắc-Việt thay vì hàng rào sắt Nga-xô.

Hai danh-từ đều do Pháp-ngữ dịch ra : Rideau de Fer—Rideau de Bambous.

★ **Cô Tôn-nữ Tr. Huế**

— Chúng tôi không thấy bản nhạc «Chiều mưa biên giới» dịch ra tiếng Pháp (?) Bản nhạc « Sur le Pont de la Rivière Kwai » có bán ở Saigon. — Những câu cô hỏi về âm-mao, lòng nách, mồ hôi nách và các triệu chứng di truyền v.v..., cô nên đến nhờ các Bác-sĩ khám-nghiệm.

★ **Bạn Xuân-Hùng, Huế**

Ở Saigon, chúng tôi không thấy bản dịch Anh-ngữ truyện « Grand Cœur » của De Amicis.

★ **Ô. Văn-Khiết, Tăng-Bạc-Hồ, Qui-Nhon**

Muốn làm Phóng-viên một tờ Nhật báo, ông nên viết thư đề-nghị với các báo hằng ngày.

★ **Ô. Nguyễn - v - Tuyên, Phan-Rang**

Tiếng Anh : 10. A. M, là 10 giờ sáng. 4 P. M. là 4 giờ chiều. A. M. = Ante Meridian, (trước buổi trưa), P. M. = Post Meridian, (sau buổi trưa).

★ **Ô. Nguyễn-Minh-Hãnh, giáo-sư Tuy Hòa Phú-Yên.**

— Thomas BUTTON là nhà thám-hiểm Anh, thế-kỷ XVII.

— Nhà Bác-học Anh, NEEDHAM, sinh tại London năm 1713, chết tại Bruxelles năm 1781.

— FÉLIX POUCHET, nhà Bác-học Pháp, sinh và tử tại Rouen (1800-1872). Tác-giả bộ sách về các giống người trên thế giới (De la Pluralité des Races humaines)

— SPALLANZANI, nhà bác-học Ý (1729-1799), chuyên môn về khoa sinh-vật-học. Người đầu tiên nghiên-cứu tường-tận về Vi-trùng. Các phát-minh của Pasteur đều căn cứ nơi thuyết vi-trùng-học của Spallanzani.

— Nhà sư trung-hoa Trần-huyền-Trang, đi Tây-trúc thỉnh kinh Phật (đi năm 629, về năm 644) dưới đời vua Đường Thái-Tôn.

★ **Bạn Nguyễn-văn-Xuân, kbc 4002**

Hai câu thơ của bà La Somme:

«Rượu chươc, nhớ hồi trao ngọc-nhân.

«Trăm xông, gợi lúc gảy kim-thoa.

Câu thứ nhất là nhớ hồi làm lễ cưới (như bạn nói đúng), câu thứ hai là lúc cúng chông (đốt trầm hương trên bàn thờ chông) nhớ lại lúc ly-phu. Tác-giả làm bài thơ này trong lúc tưởng nhớ người chông đã chết trong một trường-hợp bi-đát.

★ **Bạn Long Soukchaleun, Paksé, Laos**

M.A.A.G. = Military Assistance Advisory Group. (Cố-vấn

Viện-trợ Quân-sự Mỹ)

F.A.O. = Food Agriculture Organization (Lương-Nông Quốc-tế cục)

C.A.R.E. = Cooperative for American Relief Everywhere

— «Nhà Thờ Huyện-Sĩ» ở Sài Gòn: Huyện-Sĩ không phải là một nhân-vật lịch-sử Việt-nam. Chỉ là một nhà đại-phú gia, tên thật là Lê-phát-Đạt, hồi còn nhỏ tên là Sĩ, theo đạo Gia-tô từ thời Pháp mới sang chiếm đóng Nam-Kỳ. Ông bỏ tiền ra xây cất nhà thờ ở Chợ Đũi, nên các giới Gia-tô-giáo đặt tên Nhà Thờ Huyện-Sĩ để ghi ơn.

★ Ô. Hà-văn-Phúc, Nguyễn-cư-Trinh, Saigon.

Hai câu thơ vịnh cây trúc, và bốn chữ «Trực tiết tâm-hư» trên Kỳ-hiệu của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm. chúng tôi không được biết là của Tác-giả nào.

★ Ô. Rigsonye-Djakarta, Indonesia

— Chúng tôi chưa có ý-định in kèm thêm một phần phụ-trương *Phổ-Thông tạp-chí* viết bằng Anh-ngữ, vì chưa có điều kiện thuận-tiện.

— Những danh-từ Việt, như « *Phổ-thông* » tuy là nguồn-gốc chữ Tàu, nhưng đã thành ra Việt-ngữ, và giọng đọc cũng như lối viết đều đặc-biệt Việt-nam, không còn tính cách ngoại-lai nữa.

— Thành thật cảm ơn thư ông. Many thanks.

★ Bà Đào-lệ-Hoa, Chu-văn-Tiếp, Gia-định.

Câu « *Les grandes pensées viennent du cœur* » (Những tư-tưởng vĩ-dại do từ trong tim phát ra) là của Vauvenargues (Văn-sĩ Pháp, thế-kỷ XVIII) chứ không phải của Pascal (Thế kỷ XVII).

— «Thập-niên tổ đặc nhất cử-tử»,

«Tam thập niên tổ bất đắc nhất thi-ông»

nghĩa là: Mười năm học có thể thi đỗ làm ông Tú ông Cử, Ba mươi năm học không chắc đã thành được nhà Thơ.

— Tên chiếc tàu bệnh viện HOPE của Mỹ ghé Sài Gòn dạo nọ là do những chữ Health Opportunity for People Everywhere.

Nhân tin riêng với Bạn Đọc

★ « Một số học-sinh trường Trung-học đệ nhất cấp và nhị cấp Phan-chu-Trinh, Đà-nẵng »

Bài các em than-phiền vị giáo-sư đánh-đập học-trò « một cách tàn nhẫn », chúng tôi không thể đăng được, vì thư không có ký tên. Bài đăng lên Báo có thể không ghi tên tác-giả cũng được, nhưng phải cho riêng nhà Báo biết tên thật và địa-chỉ rõ-ràng, (nhà báo luôn luôn giữ bí-mật các hồ-sơ) thì bài mới đăng được.

Nếu là một số đồng học-sinh, như trường-hợp thư các em, thì cũng phải cho nhà báo biết rõ danh-sách.

★ Ô. Ng-Bình-Đăng, Châu-phú An-giang.— Chúng tôi có nhận được mấy bức ảnh về nạn lụt ở Châu-đốc do ông gửi biếu. Ảnh chụp rất đẹp, chúng tôi sẽ lựa đăng làm hình bìa. Xin thành thật cảm ơn ông.

★ Bạn Thân Thân, 108 Trưng nữ Vương Đà-nẵng

Theo lời yêu cầu của bạn và của đa số các bạn khác, chúng tôi đã để dành riêng hai trang ghi những bài đã nhận được, bắt đầu từ P.T. số 70. Chúng tôi cũng đã thực-hiện đúng theo 4 điểm thắc mắc trong thư bạn. Chắc bạn đã vui lòng. Chào thông-cảm.

★ Ô. Ng. Thanh-Tòng, Giáo-viên Chí-Hòa

Xin ông xem lại bài đồ Mấy quả trứng, đã có câu của người bạn thứ nhứt đến trước, hỏi : « Cô cho tôi mua đúng một nửa số trứng của cô có hôm nay », nghĩa là : hôm nay cô có bao nhiêu trứng, cô bán cho tôi đúng một nửa số ấy, v.v... Như thế thiết tưởng đã rõ-ràng lắm rồi. Thành thật cảm ơn thư ông.

★ Ô. V. H. — Theo thiện-ý của tôi, thiết tưởng ông không cần phải có lời thanh-minh, vì trong bài đó ông chỉ nói ra những thắc-mắc « với tinh-thần học-hỏi thêm », chứ ông không chỉ-trích ai.

● **Một nhóm Nữ-sinh đệ Ngũ Đồng - Khánh - Huế**

Tiểu sử của N. V. không tiện đăng vào đây. Các em tạm kiểm trong quyển « *Thi nhân Việt-Nam* ».

★ **Ô. Hèn-bổ-Quang, Vĩnh-Long.** Các tiệm sách lớn ở Sài-gòn có bán các sách về những Luật-pháp của chính-phủ hiện đang ban hành, như Luật Lao-động, Luật Gia-đình, v.v..

★ **Bạn T.T, Saigon**—Rất tiếc không nhận được bài « *Lẽ Sống* » và ảnh ngoại-quốc do bạn biếu để làm bìa. Thờ Lên Ruột, xin cho bài khác.

★ **Bạn Hải Đảo, Phan thiết.** — Về bệnh nhức-mỏi bạn nên đến Bác sĩ chuyên-môn. Bị cận-thị nhẹ, không nên đeo kính thường-xuyên nếu có trường-hợp không cần đến kính. Không tăng dioptrie.

★ **Bạn Lê-Trọng-Liêm, Đalat,** Bạn gởi về nhà Báo 20\$ bằng tem, và cho biết địa-chỉ rõ-ràng, để gởi 2 số báo 53 và 68.

★ **Cô Lâm thị Hương-Dung, Saigon.**

Cô có thể đến trường Tiểu-học xin lãnh văn bằng, nếu còn nhớ rõ ngày thi, khóa thi.

— Dùng nhiều chất ngọt có bổ-ích hay có hại, tùy theo cơ-thể. Như bị bệnh diabète, (Nước đái đường) không nên ăn những chất có đường.

★ **Bạn Phan-quang-Vinh, Huế,**

Bạn đến Ty Trung-học Huế, hỏi về trường-hợp bạn đánh mất bản cấp chứng chỉ Tú-Tài I.

★ **Ông Văn-Đĩnh, Phụ-Giáo.** Ông hỏi thẳng nơi ngân khố về vấn đề « *Kho tiết-kiệm* ».

★ **Chúng tôi đã nhận được bài và thơ của các bạn từ ngày 15-11 đến ngày 30-11-61**

Nguyễn thị Hoài Nhơn (Phan-Thiết) — Lữ Quỳnh (Huế) — Ngọc-Diệp (Chợ lớn) — Bình-Khe (Bình-Định) — Duy Thanh (Qui Nhơn) — Thanh-Thanh-Vân (Đà Nẵng) — Lâm-Lan Bùi-vân-Cầu (Tam-Kỳ) — Tạ-Ễ (Quảng-Ngãi) — Ái Việt (Saigon) — Song Thơ N. K. C. (Tây-Ninh) — An Quốc (Sài-gòn) — Nam Xuân Thọ (Cần Thơ) — Hoàng-Thiên-Phương (Thị-Nghè) — Hoài-Tâm (Quảng Ngãi) — Châu Hải Kỳ (Nhatrang) — Hạnh-Băng (Huế) — Thủy mạnh Vân (Bình Định) — Huyền Vân (Huế) — Kỳ Sơn (Đà Nẵng) — Nguyễn Gia (Kon-tum) — Đoàn-thọ-Phước (Nha-trang) — Mai Đức Quy (Huế) — Huyền ngọc Thanh (Tân An) — Nguyễn Bá Thế (Phong-Dinh) — Đan Thanh (Tuy-Hòa) — Hoàng thị Tích Liên (Phan Rang) — Tấn. Quỳnh (Thị-Nghè) —

Cương-Trực (Saigon) — Dương-kim-Đỉnh (Huế) — Thanh Quang (Cầm-Hà) — Phương-Thanh (Long-Xuyên) — Dương xuân Lộc (Huế) — Vũ uyên Diên (Quảng Ngãi) — Trần hoàng Sơn, Nguyễn đức Dũng (Kỳ Lý) — Nguyễn tử Chơn (Saigon) — Vô khắc Căn (Nha-trang) — Nguyễn-dại-Bột (Nhatrang) — Trần công Duy (An-Giang) — Minh Thủy (Hòa-vang) — Hoài Lê Trinh (Đà Nẵng) — Thanh-lệ-Hải (Quảng-Ngãi) — Thủy-Linh (Huế) — Vô-khắc-Kiểm (An-Nhon) — Mạc-phong-Lan (Phước-Hòa) — Trần-vân-Kính (Di-Linh) — Lê-văn-Sấm (Huế) — Nguyễn-thanh-Trà (Bình Định) — Trúc Bạch (Bồng Sơn) — My-Son (Đalat) — Triệu-Bảo (Huế) — Nguyễn-Hoa Hà Minh Tử (Quảng-Ngãi) — Hoàng-Binh-Anh (Huế) — Nguyễn-chí-Minh (Huế) — Lê-viết-Cương (Hội-An) — Nguyễn-H-Đằng (Huế) — Nguyễn thị Ngọc Suyền (Hội An) — Quỳnh Lưu (Huế) — Phan huy Anh (Hội An) — Anna Viên-Phượng (Đà-Nẵng) — Thương Diệu-Thanh (Châu Phú) — Phương-Bình (Tam Kỳ) — Hàn Bô (Phan-Thiết) — Xuân-Đài (Saigon) — Đào mai Trang — Nguyễn ngọc Nhơn (Mỹ Tho) — Thanh-Sơn (Quảng Ngãi) — Thanh-Tâm (Châu Đốc) — Thanh Lộc-Hà (An giang) — Xuân-Mỹ (Quảng Ngãi) — Kiều-Mặc-Nhân (Nhatrang) — Nguyễn-vân-Loan (Huế) — Vô khắc Tuy (Phước-Hưng) — Nguyễn bảo Linh (Sài-gòn) — Diệp thanh Tú (Huế) — Ngô Diệu (Qui Nhơn) — Trọng Tuấn (Phước-Lộc) — Vũ-huyền-Dur (Huế) — Việt-Tuyền (Qui Nhơn) — Huyền-Long (Phan Rang) — Định-Hoàng-Kim-Sơn (Huế) — Trinh Phùng (Quảng Ngãi) — Vũ-băng-Song (Quảng Trị) — Thái-diệp-Thu (Saigon) — Tổ-Loan (Bình-Dương) — Tân-Bình (Phước Thành) — Nguyễn-vân-Mai (Quảng - Ngãi) — Huyền-Vân (Huế) — Vũ Bằng Song (Mỹ-Chánh) — Nguyễn phương Lam (Phong Dinh) — T. Mai (Qui nhơn)

● **Thư riêng chúng tôi đã nhận được :**

Của các bạn : TRẦN TĂNG. K. B. C. 6043 — PHẠM-GỮ-BÌNH (Sài-gon) — VÕ-THỦ-LÊS (Bình-Định) — NGUYỄN-HỮU-THOẠI; Quảng-Ngãi, PAUL ROUVIER. PARIS, TRẦN ĐỖ QUANG, Rizal Place, Philippines, NGUYỄN HOÀI NAM (Huế) — TÂM TÌNH (Saigon). Xin thành thật cảm ơn thiện tình của quý bạn đã gởi cho hình bìa, hoặc góp ý-kiến xây-dựng. Thân-mến.

● **Các bạn sau đây gởi đáp trướng bài toán của Ba-Tèo :**

NGUYỄN VĂN THẢO, Huế — NGUYỄN NGỌC HUỆ tự Liễu, — Lớp nhứt C Nữ học — Rạch Giá — PHẠM-PHÚ-TRẮC, Đà-Nẵng — LÂM-KIM-CHI, Chí Hòa, HÀ THU THỦY, Đà Nẵng — LÀI và NGUYỆT, Huế, NGUYỄN HỮU TÌNH, Ninh-Hòa. Thành-thật cảm ơn quý bạn.

Công-Ty Bảo-Hiêm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiêm và Liên-Hiệp những tar-ano, bảo-
hoàn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

trụ sở chánh : 30-32, Đường Laffitte
PARIS (9ème)

Chi Cục Viễn-Đông : 16 Đại Lộ Nguyễn-Huệ
(Charner cũ), SAIGON
Điện-Thoại : 20.481

Bồi thường mau lẹ — Nghi thức giản-tiện;

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự
để dài và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo hiêm.

LONDRES

THUỐC THƠM

12 \$

KING SIZE
ĐIỀU DẠI

LÀM TRẺ MÁU HUYẾT, HẠCH GAN

Được cho:
SÂN PHỤ, SINH-VIÊN
NGƯỜI ĐAU HỒI MẠNH

HEPATANA



Pharmacie TANA

42-44 NGUYỄN-TRAI CHOLON

Nhà thuốc VAN-XUAN

Phân hành tại THUỐC BƠ

HUYET-SON-DUONG

Sở tập, Đu-ly
và Khách Hàng Tài

Nhà thuốc VAN-XUAN

Đu-ly THUAN-KIEU CHOLON

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187



PHẠM-VĂN-LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

4 ĐƯỢC PHẨM CỦA BÁC - SĨ ĐẶNG - VĂN - HỒ

MORINDOL

TẤT cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác-sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác-học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22-774 — 108-927).

MORINDA NERVA

« Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí - nghiệm bằng thuốc này và cổ kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu* (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, tim hồi hộp, đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v.. »

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên » (B. s. Đặng Văn Hồ).

COQUELUCHE

Trị bằng thuốc này, bệnh *Ho gà* chỉ trong hai tuần lễ là có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm.

Thuốc *Coqueluchine* trị ho gà theo một nguyên tắc hoàn toàn mới, là một thứ thuốc tiên phong mở một đường mới trong cách điều trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

Số bệnh lao ra máu ở bệnh viện Ngô-Quyền trong năm thí - nghiệm thuốc này chỉ còn 1, 2 phần 10, so sánh với mấy năm trước.

Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khất huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan y.

Bốn được phẩm trên đây đều có bán ở các nhà thuốc Tây và ở các Dépôts.

Bán-sĩ tại 246 Đường Cống-Quỳnh và 550 E Đại lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon.

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÁU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

Asphélyne



Đặc biệt trị:
SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON

Giấy phép số 292/ODVTTINĐ ngày 9-10-1961

In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long Saigon

Quản-nhiệm NGUYỄN-VỸ



PHỔ - THÔNG Đặc biệt XUÂN (số 74)

sẽ trao đến Bạn đọc thân-
mến **MỘT NGẠC - NHIÊN**
mà chúng tôi mong rằng Bạn
sẽ đón nhận với một nụ cười
thỏa thích...

NGẠC-NHIÊN gì ? Số sau
(73) sẽ xin nói rõ...